

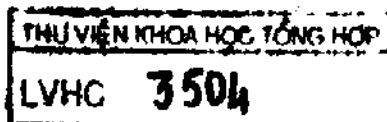
HỌC-VIỆN QUỐC-GIA HÀNH-CHÁNH

Luận-Văn Cốt-Nghiệp

LUẬN VỀ NHỮNG ẢNH HƯỞNG SAU LUẬT ỦY QUYỀN 005/72 Ngày 28-6-1972



Hướng dẫn:
G.S. NGUYỄN-VĂN-TƯƠNG
Tiến-Sĩ Chính-Trị-Học



NGUYỄN - CÔNG - BÌNH
BAN ĐỐC-SỰ KHÓA XVIII
1970 - 1973

HỌC-VIỆN QUỐC-GIA HÀNH-CHÁNH
không tán-thành cũng không
phản-đối những ý-kiến phát-
biểu trong luận-văn, những ý
kiến đó do tác-giả hoàn-toàn
chịu trách-nhiệm.

Luận văn này do Sinh viên NGUYỄN-CÔNG-BÌNH
đề trình đề thừa mãn một phần những điều kiện
Tốt Nghiệp Văn Bằng Đốc Sự Hành Chánh tại
Học Viện Quốc Gia Hành Chánh Saigon.

Giáo sư hướng dẫn : NGUYỄN-VĂN-TƯỜNG
Tiến sĩ Chính Trị Học

Sinh viên đề trình: NGUYỄN-CÔNG-BÌNH

đề trình ngày 15 tháng 7 năm 1973 tại Saigon.

THÀNH KÍNH TRI ÂN

Giáo sư NGUYỄN-VĂN-TƯỜNG

Tiến Sĩ Công Pháp

Nguyên Đặc Ủy Trưởng

Phủ Đặc Ủy Hành Chánh Nội Các Chiến Tranh

Nguyên Bộ Trưởng

Phủ Thủ Tướng Đặc Trách Liên Lạc Quốc Hội

Giáo Sư Luật Khoa Đại Học Saigon

ĐÃ CHẤP NHẬN BẢO TRỢ VÀ HƯỚNG DẪN

CHÚNG TÔI ĐỀ TRÌNH LUẬN VĂN NÀY

CHÂN THÀNH CẢM ƠN

© Giáo sư Viện Trưởng

© Giáo sư Phó Viện Trưởng

© Quý vị Giáo sư trong Ban Giảng Huấn

ĐÃ ĐIỀU DẮT CHÚNG TÔI TRONG SUỐT
HỌC TRÌNH ĐỐC SỰ 1970 - 1973.

◉ Để tưởng vọng :

Cố Giáo sư Viện Trưởng NGUYỄN VĂN BÔNG
Thạc sĩ Chính Trị Học

vì Thầy đời đời khả kính

◉ Đặc biệt cảm tạ :

- * Ông Tổng Quản Trị và các Nhân viên
Hành Chánh Thượng Nghị Viện.
- * Ông Tổng Quản Trị và các Nhân viên
Hành Chánh Hạ Nghị Viện.
- * Cô NGUYỄN THỊ THÚY, Nhân viên thư viện
Quốc gia Saigon.

đã tận tình khuyến khích,
giúp đỡ và cung cấp tài liệu
cho chúng tôi hoàn thành
Luận văn này.

Đ KÍNH DẶNG THẦY MẸ

để tưởng nhớ những HY SINH CAO CẢ mà
Thầy Mẹ đã dành cho chúng con.

Đ CHO CÁC ANH, CÁC CHỊ

để đa tạ và ghi nhớ những yêu thương
mà các anh chị đã dành cho em.

Đ CHO CÁC EM

để kỷ niệm ngày anh ra trường.

MỤC LỤC

	Trang
ĐOẠN KHAI TỬ	i
CHƯƠNG DẪN NHẬP : TÌNH TRẠNG KHẨN CẤP VÀ SỰ ỦY QUYỀN	1
Mục I : TÌNH TRẠNG KHẨN CẤP	1
A.- Định nghĩa	2
B.- Nội dung những quyền hành đặc biệt	4
C.- Khung cảnh pháp lý những đặc quyền của Hành pháp.	7
Mục II : CĂN BẢN PHÁP LÝ CỦA LUẬT ỦY QUYỀN 005/72	12
PHẦN I : DIỄN TIẾN VIỆC HÌNH THÀNH LUẬT ỦY QUYỀN	20
005/72	
Mục I : CÁC GIAI ĐOẠN HÌNH THÀNH	24
A.- Giai đoạn dự án luật 21/72/HT ₂	24
B.- Giai đoạn tu chính án của 3 nghị sĩ	26
C.- Giai đoạn dự án luật 24/72/T ₂	28
D.- Giai đoạn tu chính án của Liên Ủy Ban Hạ Nghị Viện	29
E.- Giai đoạn hình thành : Luật ủy quyền 005/72	31
Mục II : NHỮNG VẤN ĐỀ CỦA HÀNH PHÁP	35
A.- Những khó khăn trong việc vận động Quốc hội và quân chúng	35

B.- Những phản kháng	37
C.- Thái độ quần chúng	40
PHẦN II.- LUẬN VỀ NHỮNG ẢNH HƯỞNG SAU LUẬT ỦY	
QUYỀN 005/72.-	42
Mục I : NHỮNG SẮC LUẬT KHAI SINH DO LUẬT 005/72	43
A.- Khái lược những sắc luật	43
B.- Phân loại	48
Mục II : THẨM ĐỊNH ẢNH HƯỞNG	48
A.- Thuộc phạm vi quốc phòng	49
B.- Thuộc phạm vi an ninh quốc gia do nguy cơ chiến tranh, nội loạn hay khủng hoảng chính trị	52
C.- Thuộc lãnh vực an ninh và trật tự công cộng xã hội	62
D.- Thuộc phạm vi thuế vụ	87
E.- Thuộc lãnh vực tài chánh chuyên môn	92
F.- Thuộc phạm vi kinh tế	95
G.- Các bộ luật thống nhất	100
Mục III : TỔNG LUẬN ẢNH HƯỞNG	102
CHƯƠNG TỔNG KẾT : PHƯƠNG DIỆN CHÍNH TRỊ CỦA VĂN ĐỀ	106
THỤ TỊCH.-	113

ĐOẠN KHAI TỬ

Những ồn ào sôi động, những ý kiến bênh vực và chỉ trích, biện minh và tố cáo, xoay quanh vấn đề: "Quốc hội nên hay không nên ủy quyền cho hành pháp" là một đề tài thời sự nóng bỏng trong những ngày hè đỏ lửa 1972.

Thái ngهن trong không khí tố quốc lâm nguy, nặng mũi lửa đạn, được chống đối và chấp thuận, phản kháng lẫn tán thành; dấu thế luật ủy quyền 005/72 vẫn nở nhụy khai hoa trong một phiên họp Quốc hội lạ lùng và đặc biệt.

Đến nay thời gian ủy quyền đã qua đi và luật ủy quyền đã hết hiệu lực, những di-lụy của nó vẫn còn đó. Với 60 sắc luật, ban hành trong thời hạn 6 tháng, liên quan đến các lãnh vực an ninh, quốc phòng, kinh tế, tài chính. Ảnh hưởng của luật 005/72 không phải là nhỏ. Nhất là những sắc luật liên quan đến quy chế chánh đảng và đổi lập chính trị, quy chế báo chí; những sắc luật liên hệ tới thuế, những sắc luật ban hành các bộ luật thống nhất Việt Nam. Ngoài những sắc luật có tác dụng cấp thời đề đối phó với tình hình chiến cuộc đang lan rộng khốc liệt, còn có những sắc luật khác được ban hành để sửa soạn cho một tình trạng ngưng bắn bất ngờ trong hậu chiến.

Chủ đề của luận văn này là bàn về những ảnh hưởng đó, đồng thời khảo sát ưu khuyết điểm của những sắc luật quan trọng. Tuy nhiên đề văn đề được nhìn một cách rõ ràng và vững chãi, hầu sự thâm đính được khách quan và cẩn thận ta phải lược xét bởi cảnh pháp lý và khung cảnh thời cuộc của nó.

Ở phần dẫn nhập là sự trình bày khái lược tình trạng khẩn cấp, định nghĩa, nội dung và căn bản pháp lý để ý thức rõ việc xử dụng những đặc quyền của hành pháp. Cách riêng trong phần này sẽ khảo sát khía cạnh pháp lý của luật ủy quyền 005/72.

Sang phần hai, với hai tiêu đề lớn : diễn tiến sự hình thành luật ủy quyền 005/72 và luận về những ảnh hưởng. Người Việt sẽ lần lượt trình bày nội chương I : những giai đoạn thành tựu, nội dung những dự án cũng sơ lược những đư luận đối với luật ủy quyền về hai khía cạnh : pháp lý và thực tế. Chương này tường đối ngắn vì dầu sao những chuyện đó cũng đã lắng chìm vào dĩ vãng, hơn nữa đó không phải là mục tiêu chính của đề tài. Ở chương II, luận về những ảnh hưởng sau luật ủy quyền 005/72, tác giả sẽ giới thiệu khái quát những sắc luật phát sinh do sự ủy quyền; nhấn mạnh và chú trọng đến những sắc luật đặc biệt, có kích thước và tầm vóc lâu dài, cứu xét những ảnh hưởng, nhận chân từng giá trị trong thực tế và pháp lý. Nơi đây cũng là sự tổng lược những ý kiến thuận và nghịch của mọi người mọi giới.

Cuối cùng, chương tổng kết sẽ tóm lược và triển khai phùng diện chính trị của vấn đề để kết thúc luận văn.

Trong khuôn khổ của một luận văn tốt nghiệp, với những kinh nghiệm hạn hẹp và sự hiểu biết khiêm tốn; người viết không có tham vọng mở xẻ và luận bàn tất cả mọi khía cạnh, của hết mọi sắc luật khai sinh do luật ủy quyền 005/72 mà chỉ chú trọng đến những ảnh hưởng thực tiễn, những tệ-nhị và khúc mắc độc đáo do các sắc luật trên mang lại. Tất nhiên chúng tôi sẽ nhìn nó dưới một nhãn quan chính trị

thực tế mà không lưu ý nhiều đến khía cạnh luật pháp
thuần túy. Đó là tiêu chuẩn mà người viết vạch ra khi
lựa chọn đề tài này.

Saigon, ngày 24.6.1973

NGUYỄN CÔNG BÌNH

*
* *

chương dẫn nhập

TÌNH - TRẠNG KHẨN - CẤP
VÀ SỰ ỦY - QUYỀN

MỤC I.- TÌNH TRẠNG KHẨN CẤP.-

Kinh nghiệm thực tế cho thấy rằng trong những lúc bình thường, sinh hoạt của Quốc gia được diễn ra một cách tốt đẹp đem lại thanh bình thịnh trị cho dân chúng, thì trái lại, đời sống của quốc gia, đôi khi cũng gặp nhiều khó khăn đe dọa đến sự tồn vong của đất nước do những tình trạng khủng hoảng kinh tế, sự bộc phát của chiến tranh, nội loạn hay sự bất thường trong mối bang giao quốc ngoại.

Tại Việt Nam, với cuộc xua quân ô ạt của miền Bắc qua vĩ-tuyến 17 hồi hạ tuần tháng 3 năm 1972 cũng đã tạo thành một khủng hoảng bất thường đe dọa sự sống còn của miền Nam Việt-Nam.

Đứng trước một tình trạng khủng hoảng bất thường như thế nhiều Quốc gia trên thế giới đã tìm cách mở rộng quyền hành cho cơ quan hành pháp, trao cho cơ quan này một số "quyền hạn đặc-biệt" ngõ hầu chính phủ có thể hành động kịp thời đối phó với tình thế đòi hỏi, đưa quốc gia thoát khỏi những rối ren trầm trọng. Tuy nhiên, người ta cũng ghi nhận rằng việc ban cấp cho cơ quan hành pháp những đặc quyền như thế thông thường chỉ tìm thấy tại các quốc gia tự do dân chủ, bởi tại các nước này quyền hành quốc gia được phân nhiệm giữa các cơ quan công quyền hiến định. Tại các xứ độc tài, quyền hành đều tập trung trong tay một cá nhân hay một thiểu số thống trị, mọi quyền hạn đều có tính cách thông thường trong mọi giai đoạn thịnh suy của xứ sở.

Vấn đề đặc quyền của hành pháp trong những tình trạng khẩn cấp và bất thường là một hiện tượng tương đối mới mẽ trong sinh hoạt chính trị các quốc gia đầu thế kỷ 20, Tuy là hiện tượng mới mẽ nhưng nó cũng mang lại nhiều phức tạp tế nhị khi áp dụng trên thực tế. Một mặt người ta không chối cãi được sự cần thiết phải ban cấp cho hành pháp một số quyền hạn đặc biệt để kịp thời đối phó với tình thế, mặt khác, hậu quả của việc ban cấp những quyền hạn đặc biệt cũng làm cho người ta lo ngại viễn ảnh độc tài.

Vì thế, học lý, án lệ và hiến pháp các nước đã nhiều lần cứu xét tình trạng khẩn cấp, nội dung những quyền hành đặc biệt, đồng thời đặt ra vấn đề căn bản pháp lý việc ban cấp những đặc quyền cho hành pháp. Người ta cũng tìm cách kiểm soát sự thi hành những đặc quyền này ngõ hầu viễn tượng thủ tiêu nền pháp trị không thể là một ám ảnh lo ngại.

A. - ĐỊNH NGHĨA TÌNH TRẠNG KHẨN CẤP, BẤT THƯỜNG. -

1) - Các luật gia thường cho chỉ có tình trạng khẩn cấp, bất thường khi xảy ra :

- Chiến tranh với ngoại quốc
- Nội loạn
- Công chức tổng đình công
- Trường hợp không sao triệu tập được quốc hội (1).

2) - Phúc quyết của tham chính viện những ngày 28-6-1918 (Vu Heyries) và 16-4-1948 (Vu Laugier) lại định nghĩa rộng rãi hơn và cho khi có "hoàn cảnh đặc biệt" khiến các cơ quan chính quyền không thể hoạt động đều hòa, hành pháp có thể viện tình trạng khẩn cấp để xử dụng các đặc quyền.

y

(1) Duguit, *Traité de droit constitutionnel*, Tome III, 3^e Ed, p.753.

Viện bảo hiến Cộng hòa Pháp, với bản ý kiến ngày 23-4-1961 trong việc tuyên bố tình trạng khẩn cấp, nhân vụ các tướng nổi loạn, cũng nói đến " các cơ cấu quốc gia bị đe dọa trầm trọng và thiết bách, những cơ quan chính quyền định trong hiến pháp không thể hoạt động điều hòa " .

Tối cao pháp viện Lô-Ma-Ni, trong phán quyết ngày 18-10-1926 đòi phải có những hành vi " xâm phạm vào trật tự công, an ninh quốc gia hay những nhu cầu trọng đại và nhất là phải có một nguy cơ thiết bách " .

3)- Đạo luật ngày 3-4-1955 và 7-8-1955 về tình trạng khẩn cấp tại Pháp nói rõ ràng trong điều 1 :

- Nguy cơ tức thời xâm phạm nặng nề đến trật tự công.
- Các biến cố mà thực chất và hậu quả trầm trọng có tính cách một thiên tai công cộng.

Hiến pháp các nước Autriche, Đanemark, Prusse hồi cuối thế kỷ 19 định nghĩa : Tình trạng khẩn cấp xảy ra khi cần phải thi hành những biện pháp để bảo vệ nền an ninh công cộng, cứu vãn sự tồn vong của quốc gia, khắc phục những thiên tai bất kỳ.

Cộng hòa Pháp trong bản hiến pháp 1958 ấn định trong điều 16 những trường hợp khiến Tổng Thống có thể xử dụng quyền đặc biệt :

- Những cơ cấu quốc gia, nền độc lập nước nhà, sự vẹn toàn lãnh thổ sự thi hành các hiệp ước quốc tế bị đe dọa một cách trầm trọng và tức thời.
- Các sự đe dọa nói trên lại còn phải được bắt đầu thực hiện khiến sự điều hành các cơ quan chính quyền định trong hiến pháp bị gián đoạn.

Hiến Pháp Việt Nam Cộng Hòa 1956 trong các điều 41, 44 chỉ nói đến "vì lý do khẩn cấp", "tình trạng khẩn cấp", điều 42 kể ra 4 trường hợp (khẩn cấp, chiến tranh, nội loạn, khủng hoảng kinh tế hoặc tài chính).

Qua những dòng trên, ta thấy ý niệm tình trạng khẩn cấp bất thường khi được định nghĩa, khi không, nếu có định nghĩa lời lẽ cũng mơ hồ nhưng dù có thiện chí nhà lập pháp cũng khó có thể làm hơn, vì dự liệu sao cho hết các điều thường khó tiên liệu.

B. - NỘI DUNG QUYỀN HÀNH ĐẶC BIỆT. -

Khi tình trạng khẩn cấp được tuyên bố, hành pháp luôn luôn được xử dụng những đặc quyền rộng hẹp tùy nơi :

1) - Phần lớn các luật gia ở Pháp cho, trong tình trạng khẩn cấp, hành pháp được ban bố những đạo luật cần thiết để bảo đảm sự điều hành các cơ quan, sự liên tục của quốc gia, chính phủ cũng có quyền ngưng áp dụng các luật lệ, dù là những luật lệ bảo vệ các quyền tự do căn bản của con người, khi xét sự thi hành các luật lệ đó gây trở ngại cho sự điều hòa bộ máy quốc gia.

Các luật gia Đức như Gorber, Ihering, Jellinek, Kohler (1) cũng công nhận cho hành pháp, trong những hoàn cảnh cấp bách được được ban bố những biện pháp bình thường thuộc quyền cơ quan lập pháp.

1) Jellinek - Il resulte de la nature de l'Etat et du gouvernement qu'il peut rencontrer des situations exigeant impérieusement que soient édictées à l'instant même des dispositions qui, en principe, doivent être portées par la voie législative.

Sau trận Nam Bắc phân tranh, ra trước quốc hội, Tổng Thống Lincoln viện lời tuyên thệ của một vị Tổng Thống để bênh vực quan niệm tình trạng khẩn cấp khiến "những biện pháp đặc biệt làm ngưng cả bảo đảm về bắt giam (Writ of habeas corpus) phải thi hành vì trong lúc khủng hoảng, Tổng thống có những quyền đặc biệt mà thời bình dù Tổng thống hay quốc hội cũng không có"

2)- Hiến pháp các nước đã được dự trữ tình trạng khẩn cấp đều ghi nhận việc trao cho hành pháp những đặc quyền thường nhật thuộc quốc hội, nhưng mỗi nước hạn chế một cách.

- Không được sửa các luật hiến pháp (Autriche, Danemark, Prusse, Italie)

- Không được đặt thêm thuế, tăng thời hạn quân dịch, tuyên chiến ... (Hiến pháp Tchecoslovaquie 29.2.1920 Espagne, Italie).

- Không được phạm vào luật bầu cử, biểu quyết ngân sách, thuế khóa (Hiến pháp Grèce 1.1.1952).

- Không được ra khỏi giới hạn ủy quyền của quốc hội, trong luật ủy quyền quốc hội phải :

α)- Ấn định chính sách về một vấn đề mà quốc hội giao cho Tổng thống tìm biện pháp giải quyết.

β)- Nói rõ thời gian ủy quyền

γ)- Định rõ những giới hạn mà Tổng thống phải tuân theo(1).

Riêng hiến pháp cộng hòa Pháp, điều 16 rất rộng rãi : Tổng Thống có quyền thi hành "mọi biện pháp thích ứng với hoàn cảnh" miễn có "ý chí bảo đảm cho các cơ quan chính quyền, trong một thời

[1] Hiến pháp đệ 1 Cộng Hòa, x.c. thêm : công báo VN trang

hạn tối thiểu, những phương tiện để hoàn thành nhiệm vụ". Trước điều luật danh thép đó, do chính tay De Gaulle thảo và không thể ai lay chuyển, không ai còn hồ nghi rằng tổng thống Pháp không có toàn quyền để sử dụng mọi biện pháp cần thiết, thay thế cả chính phủ lẫn quốc hội, kể cả quyền sửa đổi hiến pháp, vì hiến pháp cũng chỉ có tính cách giai đoạn mà quyền lợi của quốc gia lại vĩnh cửu và do tổng thống tượng trưng.

Tóm lại, dù có giới hạn pháp định hay không, trong tình trạng khẩn cấp, hành pháp luôn luôn có thêm những quyền bình thường thuộc lập pháp hay tư pháp.

Một ví dụ cụ thể là quyền bắt giam, luôn luôn được luật pháp bảo vệ triệt để. Nhằm lúc tình trạng khẩn cấp, ngay ở Anh, Mỹ. Những nơi mà quyền tự do cá nhân được tôn trọng hơn hết, hành pháp cũng có những đặc quyền thông thường không ai hình dung nổi Tổng trưởng bộ nội vụ Anh có thể ra lệnh giam giữ cả những người "có cảm tình với quân thù". Nếu về hình thức, việc bắt giam không có gì sơ suất, người bị bắt không được nại luật "habeas corpus". Tuy có một ủy ban tư vấn xét từng trường hợp, nghe từng người giải bày rồi đề nghị các biện pháp thích nghi, tổng trưởng nội vụ có toàn quyền định đoạt miễn hàng tháng đệ lên nghị viện một tờ trình với một danh sách các người bị bắt. Ở Mỹ trong trường hợp chiến tranh, tổng thống có quyền ra lệnh bắt giam những ai có đủ lý do để bị nghi làm gián điệp cho địch.

Tại Việt Nam Cộng Hòa, dụ số 6 ngày 11-1-1956 định, cho đến ngày trật tự an ninh được hoàn toàn tái lập, những người coi như là nguy hiểm cho nền Quốc phòng và nền an ninh công cộng có thể, do nghị định của tổng thống chiếu đề nghị của bộ trưởng nội vụ, bị an trí tại một trại giam, hoặc là cưỡng bách cư trú tại một địa điểm nhất định, hoặc bị kiểm thúc về mặt hành chánh trong một thời gian không được kéo dài quá 2 năm.

Vì lẽ định nghĩa thì mơ hồ mà quyền hạn lại quá rộng rãi nên, nếu có người tán thành, cũng có người phản đối quyền hạn đặc biệt và đặt vấn đề trên căn bản pháp lý.

C. - CẤM BÀN QUYỀN ĐẶC BIỆT. -

1) - Những ai chủ trương hành pháp quan trọng hơn lập pháp (1) hành pháp không những chỉ có nhiệm vụ thi hành luật lệ mà còn đảm trách quyền điều khiển bộ máy quốc gia (2). Những người đó cho, vì lẽ sống còn của quốc gia, lý do tự vệ chính đáng của dân tộc, hành pháp phải có những đặc quyền trong mọi tình trạng khẩn cấp. Vì bất nguồn nơi nguyên tắc tự vệ chính đáng. Các biện pháp đặc biệt phải cân xứng với sự đe dọa và hành pháp chỉ lấy những quyền trong những hoàn cảnh, với những điều kiện, dưới mọi dè dặt được ấn định một cách chặt chẽ (3)

Luật gia Ý, S. Trentin cũng cùng một quan điểm như trên
" Đối với một quốc gia cũng như đối với một cá nhân, sự bảo vệ đời sống phải được coi như mục đích tối thượng mà sự thực hiện có thể giải miễn mọi vi phạm quy tắc pháp lý (4)."

-
- (1) Hauriou : "Primaute de l'executif par rapport au pouvoir legislatif". Le pouvoir executif et le premier et le plus ancien pouvoir de l'Etat le plus ancien pouvoir de l'Etat. *Precis de droit constitutionnel* 2e Edit page 338.
 - (2) Hauriou : *Le pouvoir executif a un double rôle : d'abord gouvernement et administrer* (Note sous C.E. 28.6.1918 Heyries S.1922. III, 49)
 - (3) Duguit : *Il faut incontestablement lui reconnaitre ce pouvoir dans certaines circonstances et sous des conditions et de reserves etsoitement determinees. Traite de droit constitutionnell, I. III, 3e Ed p. 753.*
 - (4) S. Trentin : *Les transformations recentes du droit public Italien p. 45.*

Các luật gia Đức, chịu ảnh hưởng Hegel, phần nhiều tén thành quyền đặc biệt (Staatsnotrecht) của hành pháp trong tình trạng khẩn cấp. Sự sống còn của một quốc gia là một việc phải được bảo vệ bằng bất cứ giá nào ... vì đời sống một dân tộc không những là một quyền mà là một nhiệm vụ thiêng liêng bảo vệ đời sống, đó là một nghĩa vụ tuyệt đối của nhà nước (1).

Vả lại, có quốc gia mới có luật lệ, luật lệ đặt ra để quốc gia áp dụng nếu thấy có lợi cho nước. Bằng như quá chấp kinh, khư khư theo luật mà hại đến quyền nước, tất nhiên, quốc gia miễn phải tuân luật, luật lệ chỉ là một phương tiện để bảo vệ xã hội. Nếu phương tiện đó không đưa đến mục đích bảo vệ xã hội, quốc gia phải vì xã hội mà hy sinh phương tiện đó. Như vậy, dù hiến pháp không dự liệu những đặc quyền, trong trường hợp khẩn cấp hành pháp vẫn có các quyền đó.

Trái lại các học giả như Carré de Malberg, J. Barthé lémy, Esmein đều tận tình bênh vực các qui tắc pháp lý và cho chính phủ chỉ có nhiệm vụ thi hành luật do cơ quan lập pháp đặt ra. Người ta không thể quan niệm được một chính phủ hành động trái luật (2). Một nguyên tắc quan trọng nhất trong tư tưởng hiện đại là sự chế ngự cả luật pháp ngay trong cả thời loạn (3).

(1) Kohler cite par ch. de visshen. Le lois de la guerre et la Théorie de la nécessité. Revue générale du droit international public 1917.

(2) Carré de Malberge - Le gouvernement est inconvenable qu'il puisse agir "contralegem" contribution à la Théorie générale de l'Etat. Sirey 1920 1e Ed, p.683. note 33.

(3) J. Barthelemy et Duez - Le principe capital moderne et le régime de la loi, même en temps de crise. Droit constitutionnel p. 240.

2)- Các tòa án Pháp, Lỗ Ma Ni, Thụy Sĩ, Hy Lạp, Ý Đại Lợi ... đều chấp nhận những quyền đặc biệt của trong tình trạng khẩn cấp. Tại Pháp, ngay khi bắt đầu có chiến tranh, chính phủ ký những sắc lệnh tạm ngưng áp dụng một số luật lệ. Trong số các sắc lệnh đó, có sắc lệnh ngày 10-9-1914 đình chỉ việc áp dụng điều 65 luật ngày 22-4-1905 thông tri hồ sơ cá nhân công chức trước khi thi hành biện pháp kỷ luật. Sắc lệnh này về sau không được nghị viện chuẩn nhận. Vì vậy phát sinh ra vụ Heyries do Tham chính viện xử ngày 28-6-1918. Tham chính viện đã bác bỏ các thỉnh cầu của đương sự viện lẽ trong thời chiến tranh, sự hoạt động liên tục của các công sở buộc chính phủ phải xử dụng những quyền hành đặc biệt, cho tới phúc quyết Laugier (16-4-1948) án lệ pháp vẫn không thay đổi : Trong tình trạng khẩn cấp hành pháp phải có những quyền đặc biệt (1).

Trái lại, án lệ các tối cao pháp viện Mỹ và Anh không bao giờ chấp nhận những đặc quyền của hành pháp. " Hiến pháp Hoa Kỳ là đạo luật phải được các cấp điều khiển cũng như toàn thể quốc dân tôn trọng trong thời bình cũng như ở lúc loạn. Trí óc con người không thể nghĩ ra một lý thuyết nào mang mầm móng nguy hiểm hơn là thuyết cho vài điều khoản, hiến pháp có thể bị ngưng áp dụng vì lý do khẩn thiết. Một lý thuyết như thế sẽ dẫn thẳng đến hỗn loạn và độc tài. Hơn nữa, lý thuyết đó không đúng vì chính phủ có thể tìm được ở hiến pháp tất cả quyền hành cần thiết để bảo vệ sự sống còn của quốc gia (2).

(1) Fatteli "Les pleins pouvoirs". Revue de droit public 1950 p.124.

(2) Cite par A. Tunc. Les pouvoirs du president des Etat Unis et l'arret relatif a la saisie des acieries. Re. intern. droit comparee 1952. p. 739.

Ngày 2-6-1952. Trong vụ Tổng thống Truman, ra lệnh tịch thu các nhà máy thép, tối cao pháp viện lại tuyên một bản án tương tự với bản án trên.

Án lệ Anh Quốc cũng vậy, cho căn bản pháp lý của các đặc quyền phải là những đạo luật do nghị viện ban hành. Hành pháp không thể viện dẫn những đặc quyền của Hoàng gia, hay bất cứ lý do gì để ra những lệnh phạm đến tự do tài sản của công dân, chỉ có nghị viện mới có chủ quyền lập pháp.

Tất nhiên, khi xét cần, nghị viện sẽ ban hành những luật đặc biệt như đạo luật Quốc phòng Defence of the Realm consolidation act ngày 27-11-1914 cho hành pháp rất nhiều quyền. Nhưng khi không có luật của nghị viện, dù Hoàng đế có tuyên bố gì đi chăng nữa, căn bản pháp lý của các quyền đặc biệt chỉ là những đạo luật của nghị viện mà thôi.

3)- Xét hiến pháp các nước, ta thấy hầu hết đều công nhận những quyền đặc biệt của hiến pháp trong tình trạng bất thường.

Trái lại các nước trong liên hiệp Anh, Thụy Sĩ, Na-Uy, Thụy Điển, Hòa Lan đều không dự liệu tình trạng khẩn cấp Đặc biệt là các nước Nam Mỹ, không nước nào ghi trong hiến pháp những đặc quyền cho hành pháp trong tình trạng khẩn cấp mặc dù từ hơn một thế kỷ nay, bao chế độ độc tài không ngớt diễn ra trên mảnh đất này. Hiến pháp Bỉ còn minh thị ấn định "Nhà vua không có quyền gì khác ngoài những quyền được hiến pháp ghi rõ". Tất nhiên, hiến pháp Liên xô ngày 5-2-1936, Trung-Cộng (Hiến pháp ngày 20-9-1954) và số lớn các nước Cộng sản không ghi những đặc quyền của hiến pháp trong tình trạng khẩn cấp, vì lẽ dễ hiểu có ghi cũng bằng thừa.

Định nghĩa khẩn cấp thì mơ hồ, nội dung những đặc quyền lại quá rộng nên dù tán thành hay phản đối việc để hành pháp xử dụng những đặc quyền trong hoàn cảnh bất thường, luật lý và án lệ cũng như hiến pháp các nước đều thấy cần phải hạn chế phần nào quyền của

Do đó, nước nàp cũng nhận cho quốc hội một vai trò đặc biệt quan trọng.

Trong luận văn này, người viết sẽ không nhận định vai trò của quốc hội và các cơ quan tài phán đối với những đặc quyền ban cấp cho hành pháp vì lý do đơn giản. Điều đó đi quá xa đề tài.

*
* *

M Ụ C II.- NỘI-DUNG NHỮNG ĐẶC-QUYỀN
VÀ
CĂN-BẢN PHÁP-LÝ CỦA LUẬT ỦY-QUYỀN 005/72.

Trong quá trình sinh hoạt chính trị miền Nam Việt Nam, tình trạng khẩn cấp đã được xác nhận và việc ban cấp các đặc quyền cho hành pháp đã diễn ra trên thực tế.

Thời đệ I Cộng Hòa (1956 - 1963) Tổng Thống Ngô Đình Diệm đã ký sắc luật số 209-PTT ngày 15-10-1961 ban bố " Tình trạng khẩn cấp trên toàn lãnh thổ Việt Nam Cộng Hòa" nhằm vào lúc Việt Cộng tấn công mạnh khắp miền Nam, đánh chiếm tỉnh lỵ Phước Thành (18-9-1961). Hạ sát Tỉnh Trưởng, Phó tỉnh trưởng và một số viên chức, binh sĩ, bắt cóc và hạ sát đại tá Hoàng Thụy Năm tái Thủ-Đức (1-10-1961).

Bốn ngày sau (19-10-1961) do luật số 13/61 Quốc hội đã ủy quyền đặc biệt cho Tổng Thống ban hành các sắc luật trong tình trạng khẩn cấp. Sau đó, cũng dựa vào tình trạng khẩn cấp ngày 25-11-1961 Quốc Hội lại ủy quyền cho Tổng thống về ngân sách an ninh và các biện pháp tài chánh bằng luật số 15/61. Năm sau, bằng luật số 18/62, đặc quyền của Tổng Thống ban hành các sắc luật vì tình trạng khẩn cấp được quốc hội gia hạn thêm một năm kể từ ngày 19-10-1962.

Không ai đặt vấn đề vi hiến đối với việc lập pháp ủy quyền cho hành pháp thời đệ I cộng hòa, vì hiến pháp 1956 đã minh thị quy định.

* Điều 41 : "Giữa hai khóa họp quốc hội, Tổng thống vì lý do khẩn có thể ký các sắc luật, các sắc luật này phải chuyển đến văn phòng quốc hội ngay sau khi ấy, trong khóa họp thường lệ tiếp cận, nếu quốc hội không bác bỏ, các dự luật ấy sẽ được coi hẳn như những đạo luật"

* Điều 42 : " Trong tình trạng khẩn cấp, chiến tranh, nội loạn, khủng hoảng kinh tế hay tài chính, quốc hội có thể biểu quyết một đạo luật ủy cho Tổng thống một thời gian, với những hạn định rõ, quyền ký sắc luật để thực hiện chính sách mà quốc hội ấn định trong đạo luật ủy quyền. Các sắc luật phải chuyển đến văn phòng quốc hội ngay sau khi ký, 30 ngày sau khi mãn thời hạn đã định trong đạo luật ủy quyền, nếu quốc hội không bác bỏ, sắc luật ấy sẽ được coi như những đạo luật!"

Các điều khoản trên đây là khung cảnh pháp lý vững chắc cho việc ban bố tình trạng khẩn cấp trên toàn lãnh thổ Việt Nam Cộng Hòa ngày 15-10-1961, thời đệ II Cộng Hòa. Thế nhưng căn bản pháp lý của luật ủy quyền 005/72 ngày 26-6-1972 thời đệ II Cộng Hòa thật mơ hồ : không một điều khoản nào trong hiến pháp (1-4-1967) qui định việc quốc hội có thể ủy quyền cho hành pháp cai trị bằng sắc luật.

Chỉ có một điều khoản duy nhất có liên hệ đến quyền ký sắc luật của Tổng thống, đó là điều 64 : " Trong các trường hợp đặc biệt, Tổng thống có thể ký sắc luật tuyên bố tình trạng báo động, giới nghiêm hay khẩn trương trên một phần hay toàn lãnh thổ, quốc hội phải được triệu tập chậm nhất 12 ngày kể từ ngày ban hành sắc luật để phê chuẩn, sửa đổi, hoặc bãi bỏ. Trong trường hợp quốc hội bãi bỏ hay sửa đổi sắc luật của Tổng thống, các tình trạng đặc biệt đã được ban hành sẽ chấm dứt hay thay đổi hiệu lực!"

Điều này cũng chỉ cho phép Tổng thống tuyên bố tình trạng báo động, giới nghiêm hay khẩn trương bằng sắc luật chứ không mạnh mẽ cho phép Tổng thống ban hành các biện pháp cần thiết để đối phó với tình hình bằng sắc luật.

Điều 3 hiến pháp (1-4-1967) còn qui định : " 3 cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp phải được phân nhiệm và phân quyền rõ rệt và sự hoạt động của 3 cơ quan công quyền phải được phối hợp và điều hòa để thực hiện trật tự xã hội và thịnh vượng chung trên căn bản tự do, dân chủ và công bằng xã hội." Phải chăng đây là điều không khuyến khích sự ủy quyền ? "

Tại sao hiến pháp đệ II Cộng Hòa cũng như hiến pháp các nước trên thế giới đều có dự trù việc ủy quyền mà hiến pháp đệ II Cộng hòa Việt Nam lại không có ? có phải vì lòng lo sợ và ám ảnh độc tài đè nặng trên vai những nhà lập hiến nếu ủy quyền rộng rãi ?

Thật vậy, trong biên bản số 72 của quốc hội lập hiến, ngày 21-2-1967 khi bàn đến điều 64 về ủy quyền và sau khi toàn thể quốc hội lập hiến đã chấp nhận điều 64, thì có một vị dân biểu (Đương kim Quốc vụ Khanh Phan Quang Đán) đưa ra một bổ túc án về điều 64, ông Đán nói :

" Hôm nay, tôi xin lập lại vấn đề dưới một hình thức khác. Trước hết, với điều 64 chúng ta vừa chấp thuận, chúng ta đã mở thêm một cửa ngõ gọi là cửa ngõ khẩn trương để bên hành pháp có thể đối phó với thời cuộc. Cửa ngõ này cho phép Tổng thống trong thời hạn mười hai (12) ngày có thể tuyên bố những tình trạng đặc biệt, nhưng không phải chỉ có tình trạng báo động, giới nghiêm hay khẩn trương phần nhiều có tính cách tiêu cực giới hạn các quyền tự do dân chủ, mà còn có những tình trạng khác cũng rất khẩn trương nhưng không có tính cách nặng về an ninh. Thí dụ : thiên tai, khủng hoảng kinh tế tài chánh. Trong những trường hợp này cần phải có những biện pháp tích cực và những sắc luật đặc biệt có tính cách khẩn cấp để hành pháp có thể đối phó với thời cuộc một cách hữu hiệu. Ở các quốc gia khác, hiến pháp nào cũng cho phép Tổng thống được ban hành, được tuyên bố những tình trạng giới nghiêm, khẩn trương v.v... và cũng trù liệu những biện pháp đặc biệt để Tổng thống có thể ban hành những sắc luật khẩn cấp, với những án định rõ ràng, khỏi qua quốc hội

để có thể đối phó với thời cuộc. Đất nước chúng ta cũng cần có những biện pháp đặc biệt.

Kính thưa quý vị,

Bây giờ tôi xin đề nghị như thế này : Đối với những tình trạng đặc biệt nặng về an ninh, chúng ta đã mở cửa ngõ tương đối rộng rãi là cho Tổng thống có quyền định đoạt trong một thời hạn 12 ngày. Tôi đề nghị mở thêm một cánh cửa nữa và cửa này chúng ta cho mở ra rồi chúng ta đóng lại, làm 2 chìa khóa, một chìa khóa cho Thượng nghị viện, một chìa khóa cho Hạ nghị viện. Tuy mọi định đoạt hoàn toàn do Quốc hội, nhưng tôi thấy cũng cần phải mở một cửa ngõ cho Tổng thống, Hành pháp có thể đối phó với những trường hợp cấp bách, không có tính cách nặng về an ninh. Vì lý do trên, tôi đề nghị bỏ tước án sau đây :

Trong tình trạng chiến tranh, nội loạn hay khủng hoảng kinh tế trầm trọng, Tổng thống có thể được Quốc hội ủy quyền ban bố những sắc luật khẩn cấp trong phạm vi và thời hạn do quốc hội ấn định trong đạo luật ủy quyền, những sắc luật này ngay sau khi ban hành phải chuyển đến quốc hội để phê chuẩn. Trong trường hợp sắc luật không được phê chuẩn, sắc luật đương nhiên mất hiệu lực sau khi mãn thời hạn đã ấn định trong đạo luật ủy quyền".

Nhưng đến lúc Ông Chủ tịch Quốc hội lập hiến (1) lấy biểu quyết thì chỉ có 27 trong số 117 vị dân biểu chấp nhận, con số tán thành khiêm nhượng ấy khiến bỏ tước án về ủy quyền của Ông Đán rơi vào thình lạng. Như vậy, ý chí của các nhà lập hiến lúc bấy giờ đã được ghi nhận rõ rệt, do đó mà không một điều khoản nào trong hiến pháp 1-4-1967 cho phép Quốc hội ủy quyền cho Tổng thống ban hành các sắc luật thi hành các biện pháp cần thiết cho tình hình đất nước cả. Như vậy phải chăng luật ủy quyền 005/72 vi hiến? căn bản pháp lý của nó không có ?

(1) Cụ Phan Khắc Sửu.

1)- Khuyñh hướng ủng hộ dự luật ủy quyền cho rằng mặc dù hiến pháp không đề cập đến vấn đề ủy quyền nhưng cũng không minh thị cấm đoán. Do đó, theo nguyên tắc đại tổng của luật học, cái gì luật không cấm, ta có quyền làm, như vậy, luật ủy quyền không những không vi hiến mà còn hợp hiến và hợp lý nữa. Biện minh cho lập luận này, dân biểu Phạm-Duy-Tuệ nêu án lệ Williod ngày 14-11-1965, ông nói :

" Pháp đình liên bang Thụy Sĩ đã tuyên phán : Mặc dù hiến pháp không có điều khoản rõ rệt về vấn đề này, nhưng không thể nghi ngờ rằng trong những trường hợp bất thường, khi hội đồng liên bang có nhiệm vụ ban hành những biện pháp đặc biệt cho công ích đang bị đe dọa, Hội đồng không thể bị ràng buộc bởi hiến pháp trong tình trạng cần thiết này".

2)- Khuyñh hướng chống đối dự luật ủy quyền cho rằng việc ủy quyền hành động cho Tổng thống là một sự vi phạm nghiêm trọng hiến pháp 1967. Đồng thời vi phạm những nguyên tắc dân chủ căn bản, thương tổn bản chất chế độ và có thể làm gãy đổ nền đệ II Cộng hòa. Đa số những người chống đối đề dựa vào điều 3 và điều 64 hiến pháp làm căn bản lập luận. Dân biểu Trần Văn Tuyên, trưởng khối dân tộc xã hội nói : " Điều 64 theo đó, trong các trường hợp đặc biệt, Tổng Thống có thể ký sắc luật tuyên bố tình trạng báo động, giới nghiêm hay khẩn trương trên một phần hay toàn thể lãnh thổ, và quốc hội phải được triệu tập chậm nhất 12 ngày kể từ ngày ban hành sắc luật để phê chuẩn; sửa đổi hay bác bỏ". Cách đây mấy hôm, Tổng thống đã sử dụng quyền hành đó khi ban hành sắc luật 271 sửa đổi luật số 10/68 ngày 5-11-1968. Vậy nếu Quốc hội ủy quyền cho Tổng thống, lần này Tổng thống khối phải xin Quốc hội phê chuẩn những biện pháp ban hành. Tôi thiết nghĩ làm như thế chúng ta đã vi phạm điều 64 của hiến pháp, vì việc lập pháp ủy quyền cho hành pháp

tất cả mọi trách nhiệm của quyền lập pháp là đi ngược với Điều 3 hiến pháp : Nguyên tắc căn bản phân quyền phân nhiệm sẽ bị phản bội một cách trắng trợn. Dân biểu Nhan-Minh-Trang trước khối dân quyền lập luận rằng : " Sự ủy quyền lập pháp cho chính phủ chỉ có thể quan niệm được trong khuôn khổ chế độ nghị viện theo lối Anh, hay chế độ nghị hội theo lối Thụy-Sĩ, vì trong các chế độ ấy, nhân viên chính phủ cũng là dân biểu quốc hội cho nên quốc hội có thể kiểm soát việc làm của nhân vật được ủy quyền và có thể lấy quyền lại lúc nào cũng được, trái lại, trong chế độ Tổng thống, ba quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp được xem ngang nhau và độc lập đối với nhau, sự phân quyền rất rõ rệt nên việc ủy quyền không thể chấp nhận được.

Nghị sĩ Nguyễn Huy Chiêu bày tỏ như sau : " Hiến pháp Việt Nam Cộng Hòa 1967 là một hiến pháp cương tính, thừa nhận minh thị nguyên tắc phân quyền rõ rệt (điều 3). Hiến pháp 1967 không có điều khoản minh thị chấp nhận cũng như minh thị cấm đoán sự ủng hộ quyền lập pháp". Nghị sĩ Vũ Văn Mẫu quyết liệt hơn : vấn đề quan trọng đặt ra không phải là biểu quyết hay không biểu quyết dự luật ủy quyền mà chính là sự việc quốc hội khi từ bỏ trách vụ lập pháp có phản bội lịch sử và dân tộc không ?

Ký giả Trần Tấn Quốc, Nhật báo Đuốc Nhà Nam bày tỏ một ngạc nhiên : " Điều đáng chú ý và ghi nhận là trường hợp bất thường mới xảy ra trong một nước dân chủ và dưới chế độ Tổng Thống, Tổng Thống không yêu cầu quốc hội ủy quyền bằng văn thư chính thức mà do chính một nhóm dân biểu, nghị sĩ soạn thảo và ủng hộ dự án luật ủy quyền cho Tổng Thống trong 6 tháng " .

3)- Giữa hai khuynh hướng chống đối và tán thành là khuynh hướng độc lập, tuy không chấp nhận dự luật ủy quyền nhưng cũng không cho cho rằng ủy quyền là vi hiến và vi luật. Dân biểu Nguyễn Hữu Hiệu giải thích lập luận như sau : " Hiến pháp Việt Nam Cộng Hòa là một hiến pháp đặc thù và độc đáo, thu nạp tinh hoa của Tổng Thống chế

THƯ VIỆN KHOA HỌC TỔNG HỢP

LVHC 3504

và Nghị viện chế, vừa muốn mưu cầu một nền hành pháp mạnh mẽ và hữu hiệu, vừa muốn hạn chế độc tài, bảo vệ dân chủ, chúng ta vừa chấp nhận phân quyền vừa tán thành nguyên tắc phân nhiệm. Sự phân quyền rõ rệt có nghĩa là : sự phân quyền nguyên tắc, ủy quyền là biệt lệ và phải ghi trong hiến pháp ngược lại sự ủy quyền là nguyên tắc, nếu không có sự ủy quyền thì sự cấm chỉ phải ghi vào hiến pháp. Quan niệm của thuyết trình đoàn chỉ dẫn vào một lý do : Cái gì không cấm túc cho phép là thiếu sót, vì sự hỗn hợp của 2 tinh hoa Tổng thống chế và Nghị viện chế ; vấn đề ủy quyền không phải là luật lệ cấm đoán.

* Vấn đề thứ hai là đặt trong khung cảnh pháp lý và thể chế Việt Nam thì sự ủy quyền có hợp hiến hay không và cần phải tìm trong những điều khoản thành văn nào của hiệp pháp mặc nhiên cấm đoán hoặc mặc nhiên cho ủy quyền ? Đọc hiến pháp ta thấy có ba điều nói về sự phân nhiệm điều hòa : Điều 43, 45, 46 đều là những điều cho phép Tổng thống có quyền làm luật trong những trường hợp đặc biệt. Điều 35, 51, 56 qui định về những cơ chế căn bản quốc gia đều đặt trên nền tảng của sự phân nhiệm. Thưa quý vị, như vậy thì các điều khoản thành văn trong hiến pháp đã có những nguyên tắc của một sự phân nhiệm và có thể đưa đến một sự ủy quyền. Mặc dù tôi quan niệm như vậy, nhưng sự ủy quyền vẫn phải được giải thích bởi những nguyên tắc tổng quát của pháp lý, vì rằng hiến pháp đã không minh định vấn đề này. Hai nguyên tắc phải bổ túc lẫn nhau để có sự ủy quyền hợp hiến tính : Thứ nhất vấn đề thiết bách là luật. Vậy nếu quý vị nào chấp nhận sự ủy quyền, ý thức với lương tâm một cách thành thực rằng sự ủy quyền là cấp bách chúng ta phải làm thì quả thật hành vi đó không vi hiến hay vi luật. Ngoài ra, chúng mình cho lập luận chúng tôi là lý thuyết ủy quyền. Thưa quý vị, sự ủy quyền có một lý thuyết, việc Quốc hội ủy quyền cho Tổng thống có đi ngược lại lý thuyết đó không, chúng tôi xin minh xác và khẳng định rằng nếu quốc hội ủy quyền cho Tổng thống một phần nhiệm nào trong vấn đề lập pháp thì sự ủy quyền này không đi ra ngoài lý thuyết ấy, có

nghĩa là quốc hội dùng bao giờ ủy quyền cho Tổng thống quá thẩm quyền của mình. Thứ đến Tổng thống là người có năng cách tham dự việc làm luật hay không ? Điều này tôi đã chứng minh, vậy mình ủy một phần quyền của mình cho người có năng cách để làm một hành vi mình muốn ủy quyền là không đi ra ngoài lý thuyết ủy quyền".

Dân biểu Nguyễn hữu Hiệu đã giải thích sự ủy quyền là một hành vi hợp hiến và hợp pháp, ông cũng lập luận để bênh vực lập trường không chấp nhận dự án luật ủy quyền :

" Nếu chúng ta đã ủy quyền về kinh tế, tài chính, Quốc phòng, An ninh rồi thì chúng ta thử hỏi quốc hội còn gì để làm ngoài một bộ hình luật, một bộ dân luật, một bộ luật Lao động ? Do đó, tôi thấy rằng chúng ta không thể chấp nhận được mặc dù sự ủy quyền này hợp hiến, hợp pháp. Vì vậy tôi xin đề nghị với thuyết trình đoàn, nếu có thể xét lại và hạn chế đến mức tối đa sự ủy quyền và quy định một cách rõ rệt hơn nữa trong văn từ của dự luật ..."

Hiến pháp không minh thị quy định, Học lý và án lệ còn phôi thai, khuynh hướng chính trị lại phân tán và phức tạp nên trong thực tế, luật ủy quyền 005/72 đã gặp rất nhiều khó khăn, phải trải qua biết bao gian truân từng giai đoạn từ dự án luật 021/72/HT2, đến giai đoạn tu chính của 3 nghị sĩ, qua dự án luật 024/72/HT2, rồi lại tu chính bởi Liên ủy ban Hạ nghị viện, cuối cùng mới thành luật. Đó là diễn tiến việc hình thành luật ủy quyền số 005/72 mà người viết sẽ trình bày ở phần kế tiếp.

PHẦN

T
H
Ứ
M
H
À
T

D iễn Tiến Việc Hình Thành
_____ Luật Ủy Quyền
_____ 005/72

Mùa hè 1972 là mùa hè đở lửa (1) tiếng súng vượt tuyến vượt biên của Cộng Sản Bắc Việt bùng nổ ngày 29-3-1972 tại Quảng Trị, Bình-Long, Kontum, Pleiku, An-Lộc, Tân Cảnh v.v... đã thật sự đưa chiến tranh Việt Nam vào một khúc quanh khốc liệt và lịch sử. Sự tiên đoán cuộc thử lửa tối hậu giữa hai miền Nam Bắc đã trở thành sự thực với tất cả những vũ khí tối tân, tàn bạo và những trận đánh đẫm máu.

Miền Bắc đã công khai xâm lược, lột bỏ chiêu bài dân tộc giải phóng, từ bỏ chiến lược du kích hồng thống trị miền Nam bằng vũ lực. Miền Nam sau bao công lao khó nhọc, kiến tạo và xây dựng dân chủ, bị đặt trước ngưỡng cửa của những thử thách nghiêm trọng cho sự sống còn của chủ nghĩa quốc gia và vận toàn lãnh thổ. Chiến thắng quân sự là một phần của chiến thắng tối hậu, đồng thời là hậu thuẫn và áp lực mạnh mẽ cho những mặc cả chính trị tại bàn hội đàm. Vì thế cả hai bên Nam-Bắc đều dốc toàn bộ lực lượng quyết liệt thương lượng.

Tình hình mỗi lúc một cực kỳ nghiêm trọng, sự chuyển quân của Cộng Sản quanh Sài Gòn đe dọa một cuộc tổng tấn công vào Thủ Đô, những trận đánh vẫn tiếp diễn với mức độ khốc liệt. Chỉ trong vòng một tháng từ 29-3-1967 đến 1-5-1972 Miền Nam đã mất 14 quận và 1

(1) Phan Nhật Nam, Nhật ký của mùa hè đở lửa 1972, Khai Trí Xuất bản.

tính lý (1). Trước nguy vong đó, ngày 9-5-1972. Tổng Thống Việt-Nam Cộng Hòa NGUYỄN-VĂN-THIỆU đã lên tiếng trên đài truyền thanh và truyền hình quốc gia, báo động "Tổ quốc lâm nguy", đồng thời kêu gọi lưỡng viện quốc hội hậu thuẫn tối đa và giúp đỡ thiết thực cho Ông để cứu nước. Tiếp đó, sắc lệnh 271/TT/SL ngày 10-5-1972 ban bố tình trạng thiết quân luật trên toàn lãnh thổ được ban hành và mục tiêu chính là có thể trưng dụng tất cả tài nguyên, nhân lực, vật lực để cung ứng cho chiến trường.

Trong khi đó, quốc hội, trước tình thế ấy có những nhận định sau :

" Nhận thấy gần đây hoặc trên diễn đàn Hạ viện, hoặc bằng những bản văn kêu gọi, một số đồng viện đã đề nghị các hành động thích ứng để kịp thời đối phó với tình hình như : tình nguyện sung vào các đoàn y-sĩ giải phẫu ra tiền tuyến, tình nguyện đi ủy lạo chiến sĩ chiến trường, yêu cầu hoãn phiên họp khoảng đại 10 ngày để trở về công tác địa phương v.v... Những đề nghị ấy tuy đầy thiện chí nhiệt thành nhưng chỉ có tính cách nhất thời và không thể hiện đường lối chung của Hạ viện trước tình trạng dầu sôi lửa bỏng của đất nước.

Nhận thấy dư luận nhân dân tại Thủ đô cũng như địa phương đang mong mỏi, chờ đợi việc làm cụ thể của quốc hội và một đường lối chung để đối phó với tình hình hơn là ngồi thảo luận các dự án luật bài trừ cần sa, ma túy, độc nhất v.v...

Chúng tôi, một nhóm dân biểu thuộc các khối dân tộc xã hội, dân quyền và quốc gia, đồng thanh yêu cầu triệu tập một phiên họp khoảng đại đặc biệt để thảo luận về hiện tình đất nước, với những biện pháp cứu nguy cần khuyến cáo hành pháp thi hành hầu đối phó với tình trạng hiện nay.

(1) Đó là các quân Gio Linh, Cam Lộ, Hướng Hòa, Lộc Ninh, Bồ Đức, Dakto, Đông Hà, Hiệp Đức, Hoài Ân, Hoài Nhơn, (Bình Định) Triệu Phong, Hải Lăng, Mai Lĩnh và Tỉnh Quảng-Trị.

Tích cực hơn nữa, nhiều dân biểu và nghị sĩ thuộc những khuynh hướng chính trị khác nhau, trong lưỡng viện quốc hội đã vận động mạnh mẽ để Hạ viện nhóm họp khẩn cấp thảo luận một dự luật ủy quyền cho Tổng Thống được ban hành bằng sắc luật các biện pháp cần thiết trong thời gian 6 tháng để kịp thời đối phó với những đột biến bất ngờ của tình thế, thủ tục lập pháp bình thường không thể thỏa mãn.

Do đó, Luật ủy quyền đã chính thức ra đời, gây nên những sôi động chính trị và lôi cuốn sự chú ý của mọi tầng lớp dân chúng giữa mùa hè nóng bỏng chiến sự.

*
* *

MỤC I.- CÁC GIAI ĐOẠN HÌNH THÀNH.-

A.- GIAI ĐOẠN DỰ LUẬT 21/72/HT2.-

Sau khi Quảng Trị thất thủ ngày 1-5-1972, giữa không khí " Tổ quốc lâm nguy" loan báo qua lời Tổng Thống NGUYỄN-VĂN-THIỆU 82 dân biểu và nghị sĩ ý thức lời kêu gọi hậu thuẫn của người lãnh đạo hành pháp. Ngày 9-5-1972 đã đệ nạp ông chủ tịch Hạ viện một dự án luật" ủy quyền cho Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa quyết định và ban hành bằng sắc luật các biện pháp cần thiết để đối phó với tình hình đất nước, cùng yêu cầu ông chủ tịch cho ưu tiên ghi vào nghị trình theo thủ tục khẩn cấp.

Lý do thúc đẩy các nghị sĩ và dân biểu đệ nạp dự án luật như sau :

- 1)- Tổ quốc đang trong tình trạng lâm nguy.
- 2)-Cuộc xâm lăng công khai của cộng sản Bắc Việt với biển người và vũ khí tối tân do Cộng Sản quốc tế cung cấp, hiện đang đe dọa sự sống còn của đất nước từng giờ từng phút.
- 3)- Để bảo vệ lãnh thổ và độc lập tự do của toàn dân, đồng thời đối phó hữu hiệu với những đột biến của chiến cuộc, những biện pháp cần thiết phải được quyết định cấp bách và đúng lúc.
- 4)- Dự luật ủy quyền nhằm mục đích dành cho người lãnh đạo hành pháp thẩm quyền rộng rãi, để đáp ứng hợp thời và hữu hiệu nhu cầu thời cuộc.

- 5)- Sự ủy quyền trong lúc quốc biến có tác dụng quan trọng là biểu thị tinh thần nhất trí các cơ chế quốc gia. Sự hỗ trợ tích cực của lập pháp đối với hành pháp trong ý chí nhất quyết bảo vệ chế độ chống xâm lăng Cộng sản và cứu nước thoát con hiểm nghèo trước mắt.
- 6)- Sự ủy quyền được minh định giới hạn trong 6 tháng. Đó là thời gian mà Cộng Sản Bất Việt lợi dụng các biến chuyển, quốc tế, đốc toàn lực xâm lăng miền Nam, và Việt Nam Cộng cần đổi phó hữu hiệu để giải quyết chiến tranh trong chiều hướng thuận lợi cho đất nước.
- 7)- Dự luật ủy quyền cũng giữ nguyên quyền của quốc hội về việc phê chuẩn các hiệp ước và hiệp định quốc tế, quyết định về tuyên chiến và nghị hòa.
- 8)- Quân đội ngoài tiền tuyến, nhân dân ở hậu phương đang kỳ vọng nơi những người hĩa trách ở cơ chế thượng tầng quốc gia, sự đồng tâm nhất trí và những ý định cấp thời để cứu nước bằng hành động cụ thể, bởi vì nước mất thì tất cả đều không còn.
- 9)- Dự luật được chấp thuận chắc chắn sẽ ảnh hưởng lớn lao đến niềm tin vững mạnh của toàn dân, toàn quân trong cuộc chiến đấu tự tồn hiện tại.

Trong phiên họp khoáng đại Hạ viện ngày 14-5-1972, dưới sự chủ tọa của ông NGUYỄN-BÁ-CẨN, chủ tịch Hạ viện, dự luật 21/72/HT2 được đem ra thảo luận và biểu quyết kết quả có 82 phiếu thuận và 49 phiếu bác. Với đa số 82, Hạ viện đã chấp thuận dự luật 21/72/HT2 Nguyên văn dự luật này như sau :

Luật số..... ngày,,,,,..... tháng năm

" Ủy quyền cho Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa quyết định và ban hành sắc luật các biện pháp cần thiết để đối phó với tình hình đất nước".

* * *

Sau khi Quốc hội đã thảo luận và biểu quyết. Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa ban hành luật số ngày tháng năm ủy quyền cho Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa quyết định và ban hành bằng sắc luật các biện pháp cần thiết để đối phó với tình hình đất nước, nguyên văn như sau :

ĐIỀU THỨ NHẤT.-

Nay ủy quyền cho Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa quyết định và ban hành bằng sắc luật các biện pháp cần thiết để đối phó với tình hình đất nước, ngoại trừ sự phê chuẩn các hiệp ước và hiệp định, quyết định việc tuyên chiến và nghị hòa, trong thời hạn sáu (6) tháng kể từ ngày ban hành luật này.

Luật này được ban hành theo thủ tục khẩn cấp và đăng vào công báo Việt Nam Cộng Hòa.

B.- GIAI ĐOẠN TU CHÍNH CỦA 3 NGHỊ SĨ.-

Sau khi Hạ viện biểu quyết chấp thuận, dự luật 21/72/HT2 được chuyển sang Thượng nghị viện cứu xét theo thủ tục khẩn cấp.

Với 27 phiếu bác và 21 phiếu thuận, Thượng viện trong phiên họp khoáng đại ngày 2-6-1972 đã bác bỏ dự luật ủy quyền trên. Phiên họp kéo dài từ 10g30 tới 16g30 cùng ngày. Một cuộc thảo luận đã diễn ra vô cùng sôi nổi, gay go, có 3 khuynh hướng rõ rệt : khuynh hướng

chống đối hoàn toàn, khuynh hướng ủng hộ triệt để và khuynh hướng độc lập : có ủy quyền nhưng ủy quyền hạn chế, do đó phải tu chính dự luật 21/72/HT2. Tác giả của tu chính án dự luật là các nghị sĩ Đặng-Văn-Sung, Nguyễn-Ngọc-Kỹ và Nguyễn thôn Độ.

Ba nghị sĩ này đã đề ra một tu chính án, theo đó Quốc hội chỉ ủy quyền cho Tổng thống quyết định và ban hành bằng sắc luật trong thời hạn sáu (6) tháng các biện pháp cần thiết

- Để vận dụng đầy đủ tài nguyên, nhân vật lực cung ứng cho chiến trường
- Để áp dụng mọi biện pháp thích nghi thuộc lãnh vực an ninh quốc gia và trật tự xã hội.

Tu chính án được đệ nạp theo thủ tục dự liệu trong nội quy Thượng nghị viện và được ông chủ tịch Thượng nghị viện công bố trong phiên họp khoáng đại. Nhưng tại phiên họp này, sau khi thảo luận và biểu quyết bác bỏ dự luật 21/72/HT2, chủ tịch Thượng nghị viện ra lệnh cho thuyết trình viên đọc tu chính án để biểu quyết, bỗng nhiên nghị sĩ Nguyễn-Văn-Chức đứng lên khiếu nại, viện dẫn đã hết giờ làm luật, cuộc thảo luận kéo dài quá thời gian hiến định (1). Nhóm nghị sĩ chống đối tu chính án dựa vào điều trên để từ chối thảo luận và biểu quyết tu chính án, viện lẽ không thể tiếp tục làm luật được nữa, vì như thế sẽ vi hiến.

Các nghị sĩ Nguyễn Văn Chúc, Vũ Văn Mẫu, Vũ Minh Trân, Trương Tiến Đạt liên tiếp lên diễn đàn phản đối việc biểu quyết tu chính án và kéo dài thêm thời gian vi hiến, các nghị sĩ này còn cho rằng : Dự luật từ Hạ nghị viện chuyển lên đã bị bác bỏ thì còn gì nữa để tu chính.

(1) Thời gian thảo luận và biểu quyết của Thượng viện theo Hiến pháp chỉ có thể bằng 1/2 thời gian thảo luận và biểu quyết của Hạ nghị viện.

Do khiếu nại đó, ông chủ tịch Thượng nghị viện đã quyết định không cho biểu quyết tu chính án dự luật 21/72/HT2.

C.- GIẢI ĐOẠN DỰ LUẬT SỐ 24/72/T2.-

Sau khi tu chính án không được biểu quyết tại Thượng viện, ngày 2-6-1972, 3 nghị sĩ Đặng Văn Sung, Nguyễn Ngọc Kỳ và Nguyễn Thôn Độ liền đệ nạp tại văn phòng Hạ viện một dự án luật số 24/72/T2 và yêu cầu ông chủ tịch Hạ viện cho ưu tiên ghi vào nghị trình theo thủ tục khẩn cấp với những lý do sau đây :

" Về vấn đề dự án luật ủy quyền, một số nghị sĩ cùng với chúng tôi, không đồng ý quan điểm của các tác giả dự luật nguyên thủy, nên đã nạp tại văn phòng Thượng nghị viện một tu chính án, theo đó quốc hội chỉ ủy quyền cho Tổng Thống quyết định và ban hành bằng sắc luật trong thời hạn sáu (6) tháng các biện pháp cần thiết.

- Để vận dụng đầy đủ tài nguyên nhân vật lực cung ứng cho nhu cầu chiến trường.
- Để áp dụng mọi biện pháp thích nghi thuộc lĩnh vực an ninh quốc gia và trật tự xã hội.

Mặc dù việc đệ nạp tu chính án đã được thực hiện theo đúng thủ tục dự liệu trong nội quy thượng viện và mặc dù tu chính án đã được Ông Chủ-tịch thượng nghị viện công bố trong phiên họp khoáng đại đã được tác giả trình bày và thảo luận nhưng không được đem ra biểu quyết vì lý do " quá giờ hiến định " .

Để tiếp tục một sáng kiến lập pháp bị ngăn trở, dự luật án này được soạn thảo đúng theo tinh thần của tu chính án trước đây và chuyển tới quốc hội.

N. ận định rằng dự án luật nói trên, khi trở thành luật sẽ giúp cho Hành pháp có đủ quyền hạn cần thiết để cứu nguy đất nước, đồng thời bảo vệ nguyên vẹn các cơ cấu dân chủ hiện hữu, chúng tôi khẩn thiết mong mỗi quốc hội cứu xét dự án luật theo thủ tục khẩn cấp và dành cho dự án luật, hậu thuẫn tối đa ".

Sau đây là nguyên văn dự án luật số 24/72/T2 :

ĐIỀU DUY NHẤT --

Nay ủy quyền cho Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa quyết định và ban hành bằng sắc luật trong thời hạn sáu (6) tháng kể từ ngày ban hành luật này các biện pháp cần thiết :

- 1)- Để vận dụng đầy đủ tài nguyên nhân lực cung ứng cho Quốc phòng
- 2)- Để ứng phó hữu hiệu và lập thời giải quyết các vấn đề an ninh quốc gia và trật tự xã hội.

Luật này được ban hành theo thủ tục khẩn cấp và đăng vào công báo Việt Nam Cộng Hòa.

D.- GIAI ĐOẠN TỰ CHÍNH CỦA LIÊN ỦY BAN HẠ NGHỊ VIỆN.-

Sau khi dự luật số 21/72/HT2 do Hạ nghị viện chuyển sang bị Thượng viện bác bỏ, dự luật này được hoàn chuyển lại Hạ nghị viện để chờ phúc nghị ; đồng thời lại có thêm một dự luật số 24/72/T2 cũng qui định việc ủy quyền cho Tổng Thống do 3 nghị sĩ đệ nạp Hạ viện và yêu cầu cứu xét theo thủ tục khẩn cấp. Vì vậy chương trình nghị sự của Hạ nghị viện ngày 10-6-1972 có 2 phần.

- 1)- Chung quyết dự án luật số 21/72/HT2 do Thượng nghị viện yêu cầu phúc nghị.
- 2)- Thảo luận và biểu quyết dự án luật 24/72/T2.

Ở phần chung quyền dự luật 21/72/HT2 khi biểu quyết chỉ có 80 phiếu bác bỏ lời yêu cầu phúc nghị do Thượng nghị viện, trong tổng số 159 dân biểu như vậy hạ viện không đủ túc số hiến định để giữ vững quan điểm của mình, chiếu điều 43 hiến pháp : Ông Nguyễn Bá Cẩn, chủ tịch Hạ nghị viện tuyên bố quan điểm của Thượng nghị viện về dự luật 21/72/HT2 được coi là chung quyết.

Như vậy sáng kiến của ủy quyền tổng quát cho Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa của gần 100 dân biểu và nghị sĩ ngày 9-5-1972 đã không được quốc hội chấp thuận. Tuy vậy các dân biểu và nghị sĩ này vẫn hy vọng với dự án luật 24/72/T2 sáng kiến của họ sẽ thành luật.

Trong phần thảo luận và biểu quyết dự luật 24/72/T2, thuyết trình viên trong liên ủy ban Hạ nghị viện do dân biểu Nguyễn Hữu Thống làm chủ tịch để cho rằng dự án luật 24/72/T2 tuy có giới hạn sự ủy quyền nhưng giới hạn này mơ hồ và không quy định rõ rệt, vì thế liên ủy ban Hạ nghị viện sau khi cứu xét kỹ những hình thức và nội dung dự luật đã quyết định tu chính dự án 24/72/T2 để giới hạn một cách cụ thể việc ủy quyền thuộc 4 lãnh vực an ninh, Quốc phòng, kinh tế, tài chánh. Ông chủ tịch Liên ủy ban Hạ nghị viện đề nghị quý vị dân biểu chấp thuận dự án luật tu chính do liên ủy ban đệ trình trước phiên khoáng đại ngày 10-6-1972. Sau khi thảo luận và biểu quyết "dự luật 24/72/T2 do Liên ủy ban Hạ nghị viện tu chính " Được 79 phiếu thuận và 61 phiếu bác như vậy chiếu điều 43 Hiến pháp 1967 "dự luật 24/72/T2 do Liên ủy ban Hạ nghị viện tu chính " được Hạ nghị viện chấp thuận thông qua.

Sau đây là nguyên văn dự án luật 24/72/T2 do Liên ủy ban Hạ nghị viện tu chính :

ĐIỀU DUY NHẤT : Để đối phó với tình thế, nay ủy quyền cho Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa được quyết định và ban hành bằng sắc luật các biện pháp cần thiết trong các lãnh vực : an ninh, Quốc phòng, kinh tế, tài chánh trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày ban hành luật này.

Luật này được ban hành theo thủ tục khẩn cấp và đăng vào công báo Việt Nam Cộng Hòa.

GIẢI ĐOẠN HÌNH THÀNH.-

E.- LUẬT ỦY QUYỀN 005/72.-

" Dự án luật 24/72/T2 do Liên ủy ban Hạ nghị viện tu chính" sau khi Hạ nghị viện biểu quyết chấp thuận liền được chuyển sang Thượng nghị viện. Ngày 27-6-1972 dự luật này được đem ra thảo luận và biểu quyết tại Thượng viện. Nhưng suốt ngày 27-6-1972 dự luật vẫn chưa được thảo luận và biểu quyết như dự định mặc dù có đến 49 nghị sĩ hiện diện vì ông chủ tịch Thượng viện không chịu khai mạc phiên họp.

Viện lý do 3 nghị sĩ Trần duy Đôn, Nguyễn văn Chúc và Võ văn Truỵện vắng mặt vì bị đe dọa, chủ tịch Thượng nghị viện tuyên bố : " Muốn bảo vệ tài sản, danh dự và sinh mạng của mọi công dân, nhất là các nghị sĩ, tôi không thể khai mạc phiên họp khi có sự đe dọa an ninh các nghị sĩ" Nghị sĩ Đành nêu nội quy đòi ông chủ tịch Thượng nghị viện tôn trọng đề nghị vào nghị trình, ông Huyền nói : " Không những tôi tôn trọng nội quy mà còn tôn trọng hiến pháp và tự do dân chủ. Nay tự do bị đàn áp, tính mạng nghị sĩ Chúc chưa biết thế nào, trong hoàn cảnh ấy Thượng viện không thể yên tâm ngồi họp". Nói xong Ông đứng dậy tạm đình phiên nhóm.

Các nghị sĩ và báo chí kiên nhẫn chờ đợi, đến 20g30. Nghị sĩ chủ tịch Nguyễn văn Huyền lẳng lạng ra về không một lời tuyên bố. Hai nghị sĩ Đặng Văn Sung và Trần ngọc Đành chặn lại hỏi lý do tại sao ông chủ tịch mới đến họp, bắt chờ rồi không có một lời tuyên bố giải tán mà lại bỏ về ? Nghị sĩ Huyền nại lý do đặc biệt, có một vài nghị sĩ đe dọa nên không họp lại được.

Nghị sĩ Huyền ra về, hầu hết các nghị sĩ chống đối cũng ra về sau đó. Nhưng 27 nghị sĩ ủng hộ luật ủy quyền quyết định ở lại và tiếp tục họp vì ông chủ tịch chưa tuyên bố hủy bỏ phiên họp mà

chính ông gọi thư mời. Đến 21 giờ, 27 nghị sĩ vào phòng họp dưới sự chủ tọa của nghị sĩ Phạm-Nhu-Phiên, đệ II Phó chủ tịch.

Sau hơn 2 tiếng thảo luận, cuộc biểu quyết lúc 23 giờ 15' đem lại kết quả là 26 trên 27 nghị sĩ hiện diện chấp thuận dự luật ủy quyền do Hạ viện chuyển lên. Sau khi Thượng viện biểu quyết chấp thuận dự luật 24/72/T2 đêm 27-6-1972, thì liền sáng hôm sau tức 28-6-1972 hành pháp đã chính thức ban hành thành luật ngay.

Một thông cáo của văn phòng Phủ Tổng thống phổ biến sáng 28-6-1972 viết như sau :

" Hôm nay 28-6-1972 Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa đã ký ban hành luật số 005/72 ủy quyền cho Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa quyết định và ban hành bằng sắc luật các biện pháp cần thiết trong các lãnh vực an ninh, quốc phòng, kinh tế, tài chánh trong thời hạn 6 tháng. Dự luật này đã được Hạ nghị viện biểu quyết và chấp thuận ngày 27-6-1972.

Sau đây là nguyên văn luật ủy quyền số 005/72 :

" Chiếu Hiến pháp Việt Nam Cộng Hòa ngày 1-4-1967

Sau khi Quốc Hội thảo luận và biểu quyết, Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa ban hành luật số 005/72 ngày 28-6-1972 ấn định việc ủy quyền cho Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa quyết định và ban hành bằng sắc luật các biện pháp cần thiết để đối phó với tình thế đất nước nguyên văn như sau :

ĐIỀU DUY NHẤT : Để đối phó với tình thế, nay ủy quyền cho Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa quyết định và ban hành bằng sắc luật các biện pháp cần thiết trong các lãnh vực : An ninh, Kinh tế, Tài chánh, Quốc phòng trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày ban hành luật này.

Luật này được ban hành theo thủ tục khẩn cấp và đăng vào công báo Việt Nam Cộng Hòa.

Cùng ngày 28-6-1972 khi Tổng Thống Thiệu ban hành luật ủy - quyền buổi sáng, thì buổi trưa lúc 12g 5' chủ tịch Thượng viện Nguyễn Văn Huyền đã mở cuộc họp báo để phản đối, buổi họp của Thượng viện tối 27-6-1972 mà ông cho là bất hợp pháp. Viện dẫn nội quy và cho rằng nghị sĩ Phạm-Nhu-Phiên đệ II Phó chủ tịch đã tiếm quyền chủ tọa, nghị sĩ Huyền cho biết Ông sẽ viết thư phản đối lên Tổng Thống về phiên họp đêm 27-6-1972 mà theo Ông không có giá trị chi cả. Khối Dân Tộc và liên danh Hoa Sen tại Thượng viện cũng ra một thông cáo cho rằng cuộc biểu quyết của 27 nghị sĩ đêm 27-6-1972 hoàn toàn vi pháp và vi hiến, tiếm đoạt danh nghĩa Thượng viện để biểu quyết chấp thuận dự luật ủy quyền. Do đó khối Dân Tộc và liên danh Hoa Sen cho rằng các quyết định này vô hiệu tuyệt đối. Tại Hạ viện, trong phiên họp sáng 29-6-1972 dân biểu Nguyễn-Phước đã đọc một bản nhận định của khối Dân Tộc Xã-Hội và nhóm Quốc gia nội dung không coi quyết định của 27 nghị sĩ ủy quyền là quyết định chính thức của Thượng viện, Tổng thống đã hành động hấp tấp nếu không phải là có hậu ý trong việc gấp rút ban hành dự luật 24/72/T2 và tán đồng nội dung kháng thư do chủ tịch Thượng viện Nguyễn Văn Huyền gửi Tổng Thống ngày 28-6-1972.

Trong khi đó nhóm dân biểu và nghị sĩ ủng hộ dự luật ủy quyền cũng nêu ra những lý lẽ để phản đối hành động của Ông chủ tịch Thượng viện trong phiên họp ngày 27-6-1972. Thật vậy trong phiên họp ngày 30-6-1972 của Thượng viện nghị sĩ Trần Ngọc Đanh đã viện dẫn rất nhiều điều khoản trong nội quy Thượng viện để tố cáo chủ tịch Huyền thiếu nghiêm chỉnh thi hành nội quy trong việc điều khiển phiên họp ngày 27-6-1972. Tiếp đến nghị sĩ Nguyễn Văn Ngãi cũng lên diễn đàn bày tỏ quan điểm của ông và cho rằng phiên họp khoáng đại về dự luật ủy quyền của Thượng viện hoàn toàn hợp lệ, hợp pháp, có giá trị vì đó là một quyết định của Thượng viện hoàn toàn phù hợp với nội quy.

Dư luận báo chí, thì cho rằng tất cả các diễn tiến xảy ra tại Thượng viện suốt ngày 27-6-1972 thật "lạ lùng" và "đặc biệt" ..

Nhưng dù phản đối hay tán thành cuộc biểu quyết của Thượng viện đêm 27-6-1972 thì luật ủy quyền vẫn được ban hành. Đối lấy kết quả về vang đó hành pháp đã tốn biết bao công vận động, hứng chịu rất nhiều lời chỉ trích từ mọi nơi, mọi phía.

MỤC II.- NHỮNG VẤN ĐỀ CỦA HÀNH PHÁP.-

A.- NHỮNG KHÓ KHĂN TRONG VIỆC VẬN ĐỘNG QUỐC HỘI VÀ QUÂN CHÚNG.-

20 tiếng đồng hồ trước khi Hạ nghị viện họp phiên khoáng đại ngày 14-5-1972 để thảo luận và biểu quyết dự luật 21/72/HT2 ủy quyền cho Tổng Thống trong thời hạn 6 tháng ngoại trừ truyền tuyên chiến và nghị hòa Tổng Thống Nguyễn van Thiệu ngày 12-5-1972 đã mời các dân biểu vào Dinh Độc Lập để nghe Tổng Thống trình bày lý do khiến hành pháp xin Quốc Hội hậu thuẫn tối đa. Trước 90 dân biểu, Tổng Thống Thiệu báo Cộng Tố quốc sắp lâm nguy nếu Quốc Hội không ủy quyền cho Tổng Thống ban hành các sắc luật thích hợp trong thời chiến thì trong 4 tháng tới Quốc gia sẽ lọt vào tay Cộng Sản ; Tổng thống Thiệu nói : 4 tháng tới đây là 4 tháng quyết định bằng xương máu, theo âm mưu của Cộng Sản thì chúng ta sẽ dự liệu đánh xã lảng tối đa trong vòng 8 tháng tới nhưng nhờ các biện pháp gài mìn, phong tỏa Hải Cảng Bắc Việt của Hoa Kỳ, nên chúng chỉ còn đủ lượng thực và súng đạn để đánh mạnh nhất trong vòng 4 tháng tới mà thôi". Ông tiếp " Trên 20 năm năm qua nhân dân chúng ta đã quyết tâm chống lại xâm lăng cộng sản thì nay không vì lý do gì chúng ta lại thuê Cộng Sản trong 4 tháng tới". Theo Tổng Thống, nếu Quốc hội không ủy quyền thì hành pháp rất khó khăn chống lại cuộc xâm lăng khốc liệt của Cộng Sản và có thể chúng ta sẽ thuê. Cũng trong việc tiếp xúc này Tổng thống Thiệu thề rằng Ông sẽ không lạm dụng sự ủy quyền của Quốc hội để đàn áp các chính đảng và các nhân vật đối lập, Ông cũng cam kết là mặc dù được ủy quyền, những mỗi khi ban hành sắc luật nào có tính cách quan trọng đến có sự tham khảo ý kiến Quốc Hội. Kết quả là sau cuộc tiếp xúc này dự luật 21/72/HT2 đã được Hạ viện thông qua để chuyển lên Thượng viện chung quyết.

Trước khi Thượng viện họp khoáng đại để biểu quyết dự luật do Hạ viện chuyển lên Tổng Thống Thiệu bằng văn thư số 037/TT/VT ngày 16-5-1972 chính thức yêu cầu Thượng viện áp dụng thủ tục khẩn cấp đối với dự luật ủy quyền và dành hậu thuẫn tối đa cho dự luật này. Mặc dù vậy, Thượng viện vẫn chung quyết bác bỏ dự luật với 27 phiếu chống và 21 phiếu thuận.

Những khó khăn và gay go bắt đầu khi dự luật ủy quyền 21/72/HT2 được chuyển về Hạ viện chung quyết. Hành pháp chỉ làm sao vận động được đa số hiến định 2/3 tổng số dân biểu ủng hộ để đánh đổ quan điểm của Thượng viện. Trước khó khăn đó, 2 ngày trước khi Hạ viện họp khoáng đại chung quyết dự luật 21/72/HT2, lúc 17 g ngày 8-6-1972. Tổng Thống Thiệu lại với một số dân biểu thân chính quyền vào dinh độc lập để gặp gỡ thân mật, mục đích của cuộc gặp gỡ này nhằm vận động thêm những dân biểu ở ngoài ủng hộ dự luật cho đủ túc số hiến định 2/3 tức 106 phiếu thuận trên 159 tổng số dân biểu quốc hội.

Hiện tại 159 dân biểu đã chia làm 4 khối và 2 nhóm lập trường rõ rệt : Khối Cộng Hòa (45 dân biểu) và Khối Độc Lập (33 dân biểu) nhiệt tình thân hành pháp. Khối Dân Tộc Xã Hội (33 dân biểu) đối lập dứt khoát do dân biểu Trần Văn Tuyên làm trưởng khối. Khối Dân Quyền (26 dân biểu) đối lập xây dựng theo cương lĩnh của Phong Trào Quốc-Gia cấp tiến phần còn lại là nhóm Quốc Gia (12 dân biểu) và nhóm Cô Đơn (10 dân biểu) không liên kết với khối hay nhóm nào cả. Trong cuộc thảo luận và biểu quyết dự luật ủy quyền ngày 14-5-1972 tại Hạ viện. Hai khối Cộng Hòa và Độc Lập (78 dân biểu) ủng hộ hành pháp, chống lại là 59 dân biểu thuộc 2 khối Dân Tộc, xã hội và Dân Quyền. Riêng 22 dân biểu đứng ngoài, thì 12 dân biểu nhóm Quốc Gia đã chống lại, 10 dân biểu Cô Đơn chỉ có 3 vị ủng hộ. Như vậy phải có thêm ít nhất 25 dân biểu ủng hộ thì túc số hiến định mới đủ. Hành pháp đã thực sự không vượt qua nổi khó khăn này nên trong phiên họp khoáng đại ngày 10-6-1972 tại Hạ viện, quan điểm phản đối của Thượng viện được coi là chung quyết.

Sang đến giai đoạn dự án luật 24/72/T2, sau khi được Hạ viện biểu quyết chấp thuận chuyển lên Thượng viện và trước khi Thượng viện họp khoáng đại chung quyết ngày 12-6-1972. Tổng Thống Thiệu gửi văn thư cho Ông chủ tịch Thượng viện yêu cầu Thượng viện thảo luận và biểu quyết theo thủ tục khẩn cấp, đồng thời dành hậu thuẫn tối đa cho luật ủy quyền. Văn thư nêu 4 lý do :

1)- Mục tiêu cấp thời của chúng ta hiện nay là phải sớm chiếm lại dân số và đất đai bị tạm mất vào tay Cộng Sản xâm lược, đánh đuổi chúng ra khỏi đất nước càng nhanh càng tốt hầu bảo vệ sự vẹn toàn lãnh thổ; duy trì chế độ tự do dân chủ và đem lại một nền hòa bình công chính cho toàn dân.

2)- Mặc dù hiện nay quân ta đã nắm lại thế chủ động trên các trận chính và mặc dầu các hải cảng cùng những đường tiếp tế khác của Bắc Việt đã bị ngăn chặn, nhưng Cộng Sản vẫn còn đủ khả năng để mở các cuộc tấn công lớn và tung các hoạt động trong những tháng tới.

3)- Bản chất của cuộc chiến này có tính cách đa diện, với tiềm năng còn lại Cộng Sản Bắc Việt có thể gây ra những đột biến bởi những hành động liều lĩnh của chúng. Do đó hành pháp rất cần có những quyền hạn thích nghi để đối phó hữu hiệu với tình thế, đặc biệt trong các lãnh vực : an ninh, quốc phòng, kinh tế, tài chính.

4)- Một đạo luật ủy quyền kịp thời và đúng lúc của Quốc hội trong các lãnh vực nói trên sẽ giúp cho Quốc Hội và nhân dân tiết kiệm được xương máu cùng tài sản, đồng thời sớm đưa đất nước ra khỏi tình trạng lâm nguy hiện nay.

B.- NHỮNG PHẢN KHÁNG VÀ TỔ CÁO.-

Cùng lúc với văn thư của Tổng Thống gửi Thượng viện là cuộc điều trần thuyết phục của 2 Ông Tổng Trưởng Tài chính, Kinh tế : Hà Xuân-Trùng, Phạm-Kim-Ngọc trước liên ủy ban kinh tế tài chính thượng

viện. Cuộc điều trần được mô tả là thất bại khi hai Ông Tổng Trưởng thắng thán cho biết là trong cuộc chiến hiện tại, Việt Nam Cộng Hào không chủ động, cần theo sát những biến chuyển mới có được những biện pháp thích nghi, đặc biệt Ông Hà Xuân Trùng nói thẳng cho các nghị sĩ biết sắc-luật ủy quyền không được thông qua thì hiến pháp cũng sẽ có những văn kiện lập quy để thực hiện những mục tiêu, nhưng biện pháp mà hành pháp mưu lược đó kết quả tất sẽ tệt hại. Điều này khiến một nghị sĩ nổi giận: " Thế thì hành pháp còn cần gì phải xin được ủy quyền" ? Tuy nhiên hành pháp không chịu bó tay để luật ủy quyền thất bại. Thật thế dự luật ủy quyền 24/72/T2 đã được Thượng viện thông qua ngày 27-6-1972 với đa số 26/27 phiếu thuận bất chấp dư luận. Một kháng thư của chủ tịch Thượng viện sau đó được gửi lên Tổng Thống Nguyễn-Văn-Thiệu như sau :

" Kính thưa Tổng Thống :

Chúng tôi được biết là đêm 27-6-1972, một số quý vị nghị sĩ đã tự động họp với sự chủ tọa bất hợp lệ của Ông đệ II Phó chủ tịch, mặc dầu lúc ấy tôi không bị điều chỉ ngăn trở để điều khiển phiên họp nhưng chỉ tạm hoãn mọi việc cho đến khi biết rõ tình trạng của nghị sĩ Võ-Văn-Truyện, đệ I Phó chủ tịch, và nghị sĩ Nguyễn Văn Chúc, mà chúng tôi được tin là đã bị ngăn cản không đến họp được.

Chúng tôi xin minh xác rằng, sự biểu quyết của các nghị sĩ trong những điều kiện nói trên là bất hợp lệ vô giá trị, không thể coi đó là một quyết định chính thức của Thượng nghị viện.

Xin Tổng thống nhận nơi đây lòng trọng kính của tôi.

Nghị sĩ Nguyễn Văn Chúc trong phiên họp ngày 30-6-1972, tại diễn đàn Thượng viện đã cực lực phản đối hành động của những người ủng hộ Tổng Thống Thiệu, đối với Ông ngày 27-6-1972 mà ông cho rằng Hành pháp đã dùng những thủ đoạn bất chánh để làm áp lực những người chống đối ; Ông nói :

Thưa Ông Chủ-Tịch, thưa quý đồng viên :

Tôi vẫn đứng trong hàng ngũ các nghị sĩ chống đối luật ủy - quyền, chống đối vì nghĩ đến quyền lợi quốc gia, uy tín chế độ. Chống đối vì sự ủy quyền hiến nhiên trái với hiến pháp hiện hành. Những kẻ ủng hộ Tổng Thống về vấn đề này có thể quan niệm khác với chúng tôi và có quyền hành động dành phần thắng cho quan điểm của mình, nhưng không vì vậy mà Tướng Thiệu và chân tay Ông được phép dùng những thủ đoạn bất chính để áp lực những người chống đối. Nếu tôi không làm thì trong vụ luật ủy quyền một số đồng viên đã là nạn nhân của những thủ đoạn bất chính ấy. Cá nhân tôi đã bị hăm dọa : đốt xe, tông xe, gài chất nổ, thậm chí người ta còn gọi điện thoại đe dọa bắt cóc 3 đứa con tôi, nếu tôi tiếp tục chống đối luật ủy quyền. Vẫn biết chính trị là thủ đoạn những chúng tôi không thể ngờ rằng giữa những người Quốc gia với nhau, Tổng Thống Thiệu và chân tay Ông có thể tàn tạt lương tâm, dùng những thủ đoạn mà Cộng Sản thường dùng. Khi thấy rằng trực tiếp đe dọa không làm cho tôi thay đổi lập trường, và thấy rằng tôi sẽ là một trở ngại lớn cho luật ủy quyền. Tướng Thiệu và chân tay Ông đã dùng đến một thủ đoạn đê hèn nhất và cũng là thủ đoạn cuối cùng, tức là nhờ một liên hệ gia đình tôi đến nói thẳng với vợ tôi rằng : nếu ngày 27-6-1972 tôi đi họp thì sẽ bị ám sát : sáng ngày 27-6-1972 có ít nhất là 2 người đã đi lại trước nhà tôi để cho vợ tôi thay. Vì quá lo sợ cho tính mạng tôi, vợ tôi đã xin tôi đừng đi họp, các con tôi đứa lớn nhất 9 tuổi ; đứa nhỏ nhất 4 tuổi đã khóc như trong nhà có đám tang. Tôi xin được miễn kể ra đây những chi tiết của tấn thảm kịch hôm ấy . Người đạo diễn tấn thảm kịch đó là ai, dư luận đoán biết. Báo chí cũng đã đề cập đến lá thư của vợ tôi do Ông Đệ I Phó Chủ Tịch Hội Viện chuyển tới Cụ Chủ Tịch Thượng Viện buổi chiều hôm đó .

Đứng trước thảm trạng đó, tôi không thể hành động khác hơn : vắng mặt tại nghị trường. Điều đó làm tôi đau lòng và tôi cúi đầu nhận lãnh sự phê phán của dư luận quốc dân. Tôi vừa trình bày tất cả sự thật

không phải để tự bào chữa mà để nói lên kinh nghiệm, những người Quốc Gia đang tranh đấu cho tự do dân chủ hãy nhìn cho rõ. Nếu Tướng Thiệu đã tỏ ra hoàn toàn bất lực trong công cuộc lãnh đạo Quốc Gia thì trái lại Ông và tay chân Ông đã tỏ ra có khả năng trong việc áp dụng những thủ đoạn đê hèn nhất để đàn áp những người Quốc gia (Nguyên văn).

C.- THÁI ĐỘ THỜ Ơ CỦA QUẦN CHÚNG.-

Phản kháng thư của chủ tịch Thượng viện Nguyễn Văn Huyền và lời tố cáo áp lực của nghị sĩ Nguyễn Văn Chức được phổ biến trong báo giới và quần chúng nhưng dư luận vẫn im lặng, hành pháp cũng chẳng biện minh hay cải chính gì cả.

Sự thụ động của quần chúng cho thấy rằng vấn đề ủy quyền chỉ sôi nổi ở Nghị Trường, ít có người dân chú ý tới, báo chí chỉ tường thuật ý kiến của các dân biểu Nghị sĩ, chứ rất ít bình luận. Có thể đó là một vấn đề cấm kỵ, nói đến sợ báo bị tịch thu, cũng có thể người dân quá chán chường chịu đựng không còn muốn có phản ứng nữa. Hành pháp được ủy quyền, ai đi lính vẫn đi lính, ai trốn thuế vẫn trốn thuế, ai bị bắt vẫn bị bắt (1).

Những nhóm áp lực như các đoàn thể tôn giáo đã không ngần ngại thẳng thắn tuyên bố đứng ngoài "luật ủy quyền". Dư luận hàng Giáo phẩm và Giáo dân Công giáo đều tỏ vẻ không hài lòng khi thấy một vài nghị sĩ cố tình lôi cuốn giáo hội vào vòng chiến bằng cách phao tin Tòa Tổng Giám Mục Sài-Gòn và nhóm trí thức công giáo (Pax Romma) đều ủng hộ thái độ của chủ tịch Huyền cùng các vị nghị sĩ chống đối. Một vị trong nhóm Pax Romma cho biết "Giáo hội công giáo Việt Nam hoàn toàn đứng ngoài vụ luật ủy quyền lập trường của một vài giáo dân hoạt động trong ngành lập pháp không phải là lập trường của Giáo Hội. Bên Phật Giáo, Thượng Tọa Thiện Hoa, Viện Trưởng Viện Hóa

(1) Nhật báo LÂM DÂN số 534 ngày 1.7.72 trang 1 mục ý kiến.

Đạo Ấn Quang tuyên bố với ký giả : "Không có ý kiến gì về việc Quốc Hội bác bỏ hay ủng hộ dự luật ủy quyền cho Tổng Thống Thiệu" (1).

Tóm lại không khí im lặng bao trùm dư luận và luật ủy quyền 005/72 sau bao phen sóng gió đã thặng hoa bình an ngày 28-6-1972.

*
* *

(1) Nhật báo CHÍNH LUẬN số 2536 ngày 30.6.72, trang 3.

PHÂN

T
H
Ứ
H
A
I

Luận Về Những Ảnh Hưởng
Sau Luật Ủy Quyền

005/72

Sau những vận động để được ủy quyền, ngày 28-6-1972 với luật số 005/72, chính phủ đã có trong tay đầy đủ quyền hành hùng vận dụng toàn bộ nhân-vật-lực cứu nước. Trong thời hạn 6 tháng liên nhiệm cả lập pháp lẫn hành pháp, Tổng Thống đã ban hành tất cả 60 sắc luật liên quan đến các lãnh vực an ninh, quốc phòng, kinh tế, tài chính.

Trong chương này ở phần đầu người viết sẽ giới thiệu khái quát những sắc luật phát sinh do luật ủy quyền ; kế tiếp là phần nhận định những ảnh hưởng của nó.

MỤC I : NHỮNG SẮC LUẬT KHAI SINH DO LUẬT ỦY QUYỀN 005/72.-

A.- KHÁI LƯỢC NHỮNG SẮC LUẬT.-

Những sắc luật được ban hành đánh số từ 002-TT/SLU đến 061-TT/SLU dưới đây là những sắc luật, đại cương những nội dung :

- Sắc luật số 002-TT/SLU ngày 8-7-1972 sửa đổi một số điều khoản của luật số 003-68 ngày 19-6-68 ban bố lệnh Tổng động viên.
- Sắc luật số 003-TT/SLU ngày 8-7-1972 ấn định những thể thức cần thiết để tổ chức và điều hành thị trường hối đoái ; thể thức ấn định hối xuất ấn định cho các nghiệp vụ hối đoái.
- Sắc luật số 004-TT/SLU ngày 15-7-1972 ấn định những biện pháp an ninh trong suốt thời gian ban bố tình trạng chiến tranh hay Thiết quân luật.

- Sắc luật số 005-TT/SLU ngày 25-7-1972 ấn định những biện pháp áp dụng trong suốt thời gian ban bố tình trạng thiết quân luật,

- Sắc luật số 006-TT/SLU ngày 28-7-1972 ấn định quan thuế - biểu nhập cảng và xuất cảng.

- Sắc luật số 007-TT/SLU ngày 4-8-1972 sửa đổi một số điều khoản của luật số 019/69 ngày 30-12-69 về qui chế báo chí.

- Sắc luật số 008-TT/SLU ngày 12-8-1972 hủy bỏ dụ số 60 ngày 27-9-1955 về thuốc phiện và sửa đổi sắc lệnh ngày 16-7-1919 được tu chính bởi sắc lệnh số 49-1011 ngày 26-7-1949 về những độ chất ma túy và chất nguy hiểm.

- Sắc luật số 009-TT/SLU ngày 26-8-1972 ấn định những biện pháp trừng trị những tội hối lộ, hối mại quyền thế, biến thủ sòng quỹ tương thưởng những kẻ hữu công tố cáo các hành vi phạm pháp này.

- Sắc luật số 011-TT/SLU ngày 1-9-1972 qui định chế tài đặc biệt đối với những hành vi phạm pháp có tính cách xâm phạm trầm trọng an ninh và trật tự công cộng.

- Sắc luật số 010-TT/SLU ngày 2-9-1972 liên quan đến Hội đồng kỷ luật và các thủ tục liên hệ trong các qui chế Quân nhân, Công chức và Cán bộ đối với một số những trường hợp phạm lỗi nặng.

- Sắc luật số 012-TT/SLU ngày 16-9-1972 sửa đổi điều 7 đoạn 1 và điều 40 luật 009/69 ngày 19-6-69 về qui chế chính đảng và đổi lập chính trị.

- Sắc luật số 013-TT/SLU ngày 16-9-1972 sửa đổi một số điều khoản của luật 006/70 ngày 23-6-1970 liên quan đến các tòa án mật - trần.

- Sắc luật số 014-TT/SLU ngày 21-10-1972 qui định thuế điện thố.

- Sắc luật số 015-TT/SLU ngày 6-11-1972 thiết lập thuế xe tự động.

- Sắc luật số 016-TT/SLU ngày 23-11-1972 ấn định thẩm quyền xét xử và trừng trị các tội vi phạm về thể thức xin và cấp thẻ căn cước.

- Sắc luật số 017-TT/SLU ngày 25-12-1972 ấn định những biện pháp áp dụng trong trường hợp tuyên bố tình trạng báo động.
- Sắc luật số 018-TT/SLU ngày 25-11-1972 ấn định những biện pháp áp dụng trong trường hợp tuyên bố tình trạng khẩn trương.
- Sắc luật số 019-TT/SLU ngày 25-11-1972 ấn định những biện pháp áp dụng trong trường hợp tuyên bố tình trạng giới nghiêm.
- Sắc luật số 020-TT/SLU ngày 25-11-1972 ấn định những biện pháp và trật tự an ninh.
- Sắc luật số 021-TT/SLU ngày 14-12-1972 thiết lập thuế lợi tức.
- Sắc luật số 022-TT/SLU ngày 16-12-1972 ấn định qui chế vật giá trên toàn cõi Việt-Nam.
- Sắc luật số 023-TT/SLU ngày 16-12-1972 qui định hệ thống cân lường và trừng trị các tội mạo hóa và biến tạo các thứ sản phẩm.
- Sắc luật số 024-TT/SLU ngày 19-12-1972 qui định khoản lệ phí trừng phạt các vụ vi phạm liên quan đến bằng sáng chế.
- Sắc luật số 025-TT/SLU ngày 19-12-1972 qui định khoản lệ phí trừng phạt các vi phạm liên quan đến nhãn hiệu chế tạo và thương liên.
- Sắc luật số 026-TT/SLU ngày 20-12-1972 ban hành bộ hình luật.
- Sắc luật số 027-TT/SLU ngày 20-12-1972 ban hành luật hình tố tụng.
- Sắc luật số 028-TT/SLU ngày 20-12-1972 ban hành bộ dân luật.
- Sắc luật số 029-TT/SLU ngày 20-12-1972 ban hành bộ luật thương mại.
- Sắc luật số 030-TT/SLU ngày 20-12-1972 ban hành bộ luật dân sự và thương sự tố tụng.
- Sắc luật số 031-TT/SLU ngày 21-12-1972 ấn định thể thức thi hành nghĩa vụ quân sự.
- Sắc luật số 032-TT/SLU ngày 21-12-1972 qui định thuế môn bài.

- Sắc luật số 033-TT/SLU ngày 21-12-1972 thiết lập quan thuế.
- Sắc luật số 034-TT/SLU ngày 21-12-1972 thiết lập thuế hí cuộc.
- Sắc luật số 035-TT/SLU ngày 21-12-1972 thiết lập thuế trị - giá gia tăng đánh trên hàng hóa và dịch vụ.
- Sắc luật số 036-TT/SLU ngày 22-12-1972 thiết lập sắc thuế liên tục đặc biệt áp dụng đối với một số sản phẩm.
- Sắc luật số 037-TT/SLU ngày 22-12-1972 sửa đổi một số điều khoản sắc luật số 13/58 ngày 3-10-1958 sửa đổi bởi sắc luật số 04/67 ngày 30-10-1967 ấn định thuế nhập nội, xuất ngoài và tại Việt-Nam cho người ngoại quốc.
- Sắc luật số 038-TT/SLU ngày 22-12-1973 sửa đổi một số điều khoản của dụ số 10 ngày 6-8-50 qui định thuế lập hội.
- Sắc luật số 039-TT/SLU ngày 22-12-1972 sửa đổi một số điều khoản của dụ số 08 ngày 14-5-51 về bộ quân luật.
- Sắc luật số 040-TT/SLU ngày 23-12-1972 ấn định thuế lệ hành nghề chế tạo nhập cảng, phụ trội, tồn trữ và phân phối các loại hóa học dùng trong canh nông.
- Sắc luật số 041-TT/SLU ngày 23-12-1972 sửa đổi một số điều khoản của dụ số 25 ngày 2-4-56 qui định việc mua bán và thuế tàu biển.
- Sắc luật số 042-TT/SLU ngày 23-12-1972 ấn định thành phần hội đồng kỷ luật đối với sĩ quan cấp Tướng.
- Sắc luật số 043-TT/SLU ngày 23-12-1972 ấn định việc thành lập tổ chức và quản trị các khu chế xuất tại Việt-Nam.
- Sắc luật số 044-TT/SLU ngày 23-12-1972 ấn định việc thành lập và tổ chức các khu miễn quan cảng tại Việt-Nam.
- Sắc luật số 045-TT/SLU ngày 24-12-1972 cho phép chính phủ tham dự vào một số giới hạn các nghiệp vụ kỹ nghệ, thương mại, tài chính dưới hình thức các công ty thuộc.
- Sắc luật số 046-TT/SLU ngày 24-12-1972 sửa đổi sắc luật số 018/CT/LEGG/SLU ngày 24-10-1964 ấn định thuế lệ ngành ngân hàng và cơ quan tín dụng.

- Sắc luật số 047-TT/SLU ngày 24-12-1972 ấn định qui chế đặc nhượng đất thôn quê thuộc khối công sản tư dụng quốc gia.

- Sắc luật số 048-TT/SLU ngày 24-12-1972 tu chỉnh sắc luật số 15/65 ngày 17-9-65 ấn định qui chế các hoạt động bảo hiểm.

- Sắc luật số 049-TT/SLU ngày 24-12-1972 thiết lập chức vụ sĩ quan hộ tịch trong Quân Lực Việt-Nam Cộng-Hòa.

- Sắc luật số 050-TT/SLU ngày 25-12-1972 ban hành các biện pháp áp dụng việc thu hồi các tài sản quốc gia bị chiếm dụng bất hợp pháp.

- Sắc luật số 051-TT/SLU ngày 25-12-1972 thiết lập thuế trước bạ.

- Sắc luật số 052-TT/SLU ngày 25-12-1972 qui định thuế con niêm.

- Sắc luật số 053-TT/SLU ngày 25-12-1972 qui định các điều khoản cho phép mở các trung tâm giải trí tại các khu biệt lập.

- Sắc luật số 054-TT/SLU ngày 25-12-1972 qui định chế độ xâm lấn, thủ tục và hình phạt áp dụng về lâm sự.

- Sắc luật số 055-TT/SLU ngày 26-12-1972 biến cải Nha Vô - Tuyển Truyền Hình, Nha Vô Tuyển truyền thanh thành những cơ quan công lập tự trị.

- Sắc luật số 056-TT/SLU ngày 26-12-1972 ấn định lại lãnh-hải Việt-Nam Cộng-Hòa về phương diện ngư-nghiệp.

- Sắc luật số 057-TT/SLU ngày 26-12-1972 ấn định qui chế nhân viên chánh ngạch thuộc Lực Lượng Cảnh sát Quốc Gia.

- Sắc luật số 058-TT/SLU ngày 26-12-1972 ấn định qui chế quân nhân hiện dịch trong Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa.

- Sắc luật số 059-TT/SLU ngày 26-12-1972 ấn định qui chế quân nhân trừ bị trong Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa.

- Sắc luật 060-TT/SLU ngày 27-12-1972, sửa đổi luật số 009/69 ngày 19-6-69, sửa đổi sắc luật số 012-TT/SLU ngày 16-72 ấn định qui chế chánh đảng và đổi lập chính trị.

- Sắc luật số 061-TT/SLU ngày 27-12-1972 tu chỉnh sắc luật số 019-SLU ngày 3-9-66 qui định thể chế tài chánh và kế toán quốc gia.

B. - PHÂN LOẠI NHỮNG SẮC LUẬT. -

Như vậy trong công tác điển chế và ấn định luật pháp, nhằm tạo sự thuận nhất về phương diện pháp lý và ổn cố về phương diện chính trị phân cách các chế độ Nam, Trung, Bắc nằm trong chính sách chia để trị thời Pháp thuộc trước đây. Tổng Thống đã ban hành bằng sắc luật 5 bộ luật lớn : hình luật - luật hình sự tố tụng - Dân luật - luật thương mại - Dân sự và Thương sự tố tụng. Còn lại 55 sắc luật chia ra như sau :

- 29 sắc luật thuộc địa hạt an ninh quốc phòng gồm có :
 - + 9 sắc luật thuộc phạm vi quốc phòng
 - + 8 sắc luật liên quan đến an ninh quốc gia do nguy cơ chiến tranh nội loạn hay khủng hoảng chính trị.
 - + 12 sắc luật thuộc phạm vi an ninh trật tự công cộng.
- 26 sắc luật liên quan đến địa hạt kinh tế tài chánh chia ra :
 - + 10 sắc luật thuộc phạm vi thuế vụ
 - + 4 sắc luật liên quan đến lãnh vực tài chánh chuyên môn.
 - + 12 sắc luật thuộc phạm vi kinh tế.

Sự phân chia như trên nằm trong mô hình của trí tưởng, ngoài thực tế tính cách hỗn nhập của an ninh quốc phòng hay kinh tế tài chánh khó bề tách biệt. Trong phần dưới đây, những sắc luật chính và quan trọng sẽ được phân tích nội dung cùng thẩm định giá trị.

MỤC II. - THẨM ĐỊNH ẢNH HƯỞNG. -

Do sự xếp loại trên, người viết sẽ lần lượt trình bày và thẩm định giá trị những sắc luật trong các địa hạt : quốc phòng, an ninh, thuế vụ, kinh tế và tài chánh, sau cùng là phần nhận xét tổng quát về các bộ luật thống nhất.

A.- THUỘC PHẠM VI QUỐC PHÒNG.-

Có tất cả 9 sắc luật, nội dung tóm lược như sau :

- Sắc luật 002-TT/SLU ngày 8-7-72 sửa đổi luật ban bố lệnh Tổng động viên.
- Sắc luật 011-TT/SLU ngày 2-9-72 liên quan đến hội đồng kinh tế và thủ tục các qui chế quân nhân, công chức.
- Sắc luật 031-TT/SLU ngày 21-12-72 ấn định thể thức thi hành nghĩa vụ quân sự.
- Sắc luật 039-TT/SLU ngày 22-12-72 sửa đổi bộ quân luật.
- Sắc luật số 042-TT/SLU ngày 23-12-72 liên quan đến hội đồng kỹ luật sĩ quan cấp Tướng.
- Sắc luật 049-TT/SLU ngày 24-12-72 thiết lập sĩ quan hộ tịch.
- Sắc luật 057-TT/SLU ngày 26-12-72 ấn định qui chế nhân viên Cảnh sát Quốc Gia.
- Sắc luật 058-TT/SLU ngày 26-12-72 ấn định qui chế quân nhân hiện dịch.
- Sắc luật 059-TT/SLU ấn định qui chế quân nhân trừ bị.

Trong 9 sắc luật kể trên, chỉ có sắc luật 002-TT/SLU ngày 8-7-72 là quan trọng nhất, có ảnh hưởng trực tiếp và nhanh nhất trong giới nam công dân. Sắc luật 002 hủy bỏ và thay thế các điều khoản 2,3,4,7 và 8 của luật số 003/68 ngày 19-6-68 như sau :

Điều 2 mới : ngoại trừ các quân nhân hiện dịch, nam công dân từ 16 đến 50 tùy theo hạn tuổi được huy động phục vụ cho một trong hai lực lượng kể sau :

- Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa với tư cách quân nhân trừ bị tuổi từ 18 đến 38, nếu nhu cầu quân sự đòi hỏi, có thể gọi thêm các hạn tuổi sau đây theo thứ tự công dân 17 tuổi, công dân 39 đến 43 tuổi để phục vụ trong các đơn vị không tác chiến tại hậu phương.

- Nhân dân tự vệ : Công dân các hạn tuổi 16, 17 và từ 59-50, các công dân được động viên tại chỗ qui định tại điều 8.

Điều 3 mới :

Việc động viên được thi hành do lệnh gọi tập thể hay cá nhân hay thứ tự ưu tiên : những người chưa thi hành nghĩa vụ quân sự, cựu quân nhân có ít thâm niên quân vụ.

Điều 4 mới : Ngoại trừ trường hợp bị sa thải và kỷ luật, quân nhân có thể được giải ngũ vì các lý do sau : sức khỏe, đáo hạn tuổi theo qui chế hiện hành khi tình hình quân số cho phép, khi các cử vào các chức vụ dân cử hay tham chánh tại cấp trung ương.

Theo tinh thần sắc luật trên, Bộ Quốc Phòng ngày 9-7-1972 đã chính thức ra một thông cáo :

- Hủy bỏ lệnh gọi nhập ngũ tập thể các hạn tuổi từ đơn quân từ 39 đến 43.

- Hoàn trình diện hạn tuổi 17 cho đến khi có lệnh mới (1)

(1) Ngày 13.5.1972 trước khi Quốc hội thảo luận luật dự quyền cho Tổng Thống, chính phủ đã cho áp dụng ngay biện pháp quyết liệt, trong đó có 3 điều liên quan đến quốc phòng là : Thu hồi quân nhân biệt phái - hạn chế hoãn dịch - đơn quân tuổi 17 và gọi nhập ngũ các lớp tuổi từ 39 - 43.

Phản ứng đầu tiên của dân chúng sau sắc luật 002-TT/SLU và thông cáo của Bộ Quốc Phòng là : 'mọi người đều thờ phào (1). Không phải tất cả thiếu niên 17 và nam công dân 39-43 tuổi là tất cả dân số miền Nam này, nhưng các hạng tuổi kể trên đều liên hệ trực tiếp hoặc gián tiếp đến hầu hết mọi gia đình trong xã hội hiện tại, cho nên sắc luật hủy bỏ lệnh gọi nhập ngũ tập thể các hạng tuổi đơn quân 17 và 39-43 đã làm mọi người trút bỏ ngay gánh nặng tư mang nặng từ hơn một tháng nay và cùng nhẹ nhõm. Đây là một cuộc đảo lộn gần như toàn diện cho mọi hạng người là vì :

- Tuổi động viên với tư cách quân nhân trừ bị lại đổi về hạng 18 đến 38 tuổi.

- Hạng 17 tuổi sắp bị động viên lại được hoãn đến một hạn mới.

- Chế độ hoãn dịch thu hẹp vào một số người rất ít : đại diện dân cử, thẩm phán tối cao pháp viện, giám sát viện và người không đủ sức khỏe. Như vậy kể luôn cả Tổng Trưởng, Công chức cao cấp, tu sĩ, thượng toạ, giám mục, linh mục, sinh viên và học sinh đúng tuổi ; người có gia đình nặng đến đâu, tư chức cần thiết cho xí nghiệp đến đâu cũng phải động viên. Duy chỉ còn phân-biệt xem động viên vào quân đội hay động viên tại chỗ. Điều này cho thấy rất nhiều người đang được hoãn dịch nay phải vào chế độ động viên tại chỗ, nhưng không phải là bất cứ ai được hoãn dịch trước đây nay cũng được động viên tại chỗ. Những người động viên tại chỗ chỉ gồm có : tu sĩ tối cần thiết, sinh viên học sinh đúng tuổi, công chức và nhân viên xí nghiệp tối cần thiết, cùng một số gia cảnh thật nặng nề. Số người được động viên tại chỗ như vậy giới hạn nhiều và có thêm rất nhiều người phải xung vào quân đội vì thiếu những điều kiện kể trên.

Ta có thể nói rằng ngoài một số hoãn động viên rất ít và ngoài các hạng Nhân Dân Tự Vệ (16,17 và từ 44-50) tất cả nam công dân từ 18-43 trừ trường hợp thiếu sức khỏe đều liên quan đến quân đội, đều là người nhà

(1) Nhật báo ĐUỐC NHÀ NAM, trang một, ngày 6.7.1972.

binh, người thi thuộc qui chế động viên tại chỗ, người thi thuộc qui chế quân nhân trừ bị. Do sự động viên tất cả mọi người, như vậy người ta hy vọng có được sự công bằng trong việc thi hành nghĩa vụ quân sự - dầu sự công bằng ấy giả tạo và bất chính. Chế độ động viên tại chỗ cũng trói buộc mọi người vào Bộ Quốc Phòng ; bất cứ vì một lý do hay nhu cầu gì, sự động viên tại chỗ của một công dân cũng có thể bị giải trừ bởi Bộ Quốc Phòng ; đây là ảnh hưởng sâu đậm và nặng nề nhất của sắc luật 002-TT/SLU ngày 8-7-1972.

E. - THUỘC PHẠM VI AN NINH QUỐC GIA, DO NGUY CƠ CHIẾN TRANH, NỘI LOẠN HAY KHỦNG HOẢNG CHÍNH TRỊ. -

Có tất cả 8 sắc luật liên quan đến lãnh vực này :

- Sắc luật 004-TT/SLU ngày 15-7-72 ấn định những biện pháp an ninh trong suốt thời gian ban bố tình trạng chiến tranh hay thiết quân luật.
- Sắc luật 005-TT/SLU ngày 25-7-72 ấn định những biện pháp áp dụng trong suốt thời gian thiết quân luật.
- Sắc luật 010-TT/SLU ngày 1-9-72 qui định những chế tài đặc biệt đối với những hành vi phạm pháp có tính cách xâm phạm trầm trọng an ninh và trật tự cộng đồng.
- Sắc luật số 013-TT/SLU ngày 16-9-72 sửa đổi luật liên quan đến tòa án quân sự mặt trận. (TAQSMT)
- Sắc luật 017-TT/SLU ngày 25-12-72 liên quan đến tình trạng báo động.
- Sắc luật 018-TT/SLU ngày 25-12-72 liên quan đến tình trạng khẩn trương.
- Sắc luật 019-tt/SLU ngày 25-12-72 liên quan đến tình trạng giới nghiêm.
- Sắc luật 020-TT/SLU ngày 25-12-72 ấn định những biện pháp về trật tự an ninh.

Nội dung 8 sắc luật kể trên, chính quyền đã ban hành những biện pháp và ấn định những chế tài để duy trì an ninh quốc gia trong các trường hợp chiến tranh, thiết quân luật, báo động khẩn trương và giới nghiêm. Tòa án quân sự mặt trận về thẩm quyền cùng những chế tài đặc biệt cũng đã được sửa đổi cho thích hợp với tình trạng mới.

Luật mới cũng định nghĩa và phân biệt rõ ràng các tình trạng báo động, khẩn trương, giới nghiêm hay thiết quân luật.

- Tình trạng báo động xảy ra khi có nguy cơ trầm trọng hoặc tại biển công cộng (đ 1, SLO17).

- Tình trạng khẩn trương được tuyên bố nếu có nguy cơ thiết bách vĩ trật tự công cộng sắp bị xáo trộn trầm trọng hoặc xảy ra những biến cố có tính cách thiên tai công cộng (đ 1, SLO18)

- Đặc biệt tình trạng thiết quân luật chỉ được ban bố trong trường hợp quốc gia lâm nguy do ngoại xâm hay nội loạn (đ 1, SLO05)

Trong các sắc luật chính quyền cũng có qui định những biện pháp sẽ được áp dụng như :

- Thiết lập hệ thống phòng thủ thụ động, tăng cường hệ thống phòng thủ dân sự, huy động nhân lực và trưng dụng tài nguyên, ấn định những khu vực được bảo vệ, kiểm soát và hạn chế sự lưu thông, kiểm soát thực phẩm cùng nhu yếu phẩm (tình trạng báo động), ấn định giờ giới nghiêm, ban bố lệnh thiết quân luật (trường hợp khẩn trương) chỉ được cư trú, giam giữ hay biệt trú cho những phần tử nguy hiểm (trường hợp giới nghiêm) chuyển giao quyền hành của nhà chức trách dân sự sang cho nhà chức trách quân sự để bảo vệ trật tự công cộng và an ninh (tình trạng thiết quân luật).

Ngoài ra những điều trên, những biện pháp sau đây sẽ được áp dụng cho mọi trường hợp :

Xét tư gia bất luận ngày đêm, cấm đình công bãi thị, biểu tình, bãi khóa, cấm phổ biến tàng trữ cũng như lưu hành những ấn loát phẩm tài liệu, bản tin, truyền đơn, tranh ảnh xét ra có hại cho an ninh quốc gia. Trong suốt thời gian ban bố các tình trạng kể trên, tòa án quân sự ngoài thẩm quyền và thủ tục thường lệ, còn có những thẩm quyền và thủ tục đặc biệt để xét xử, các vụ vi phạm an ninh và trật tự công cộng trầm trọng cùng thiết bách.

Tóm lại những điều khoản về an ninh quốc gia được qui định rất nhiều và rất tỉ mỉ trong các lãnh vực, biện pháp áp dụng, chế tài, thẩm quyền cùng thủ tục của tòa án do các sắc luật trên.

Người ta chú ý tới sắc luật 013-TT/SLU ngày 16-9-72 liên quan tới các Tòa án quân sự mặt trận, bản viện dẫn lý do ban hành viết : 'Trong thời gian chiến tranh, hay thiết quân luật, việc chế tài các tội phạm liên quan đến an ninh quốc gia và trật tự công cộng phải nhanh chóng để thị uy cùng trấn an dư luận ; do đó các vụ được tòa án quân sự mặt trận thụ lý gia tăng. Nhằm đáp ứng nhu cầu trên, thành phần tọa thẩm của các tòa án quân sự mặt trận phải có sự tham dự tích cực của các thẩm phán quân sự , phiên tòa có thể triệu tập tại bất cứ nơi nào trong lãnh thổ quân khu và quyền đăng đường cần được giao hoàn cho các ủy viên chánh phủ như thường luật' .

Sắc luật 013-TT/SLU kể trên cũng như các sắc luật mới về an ninh đều không dứt khoát nói rộng thẩm quyền xét xử của tòa án quân sự mặt trận mà cũng không dứt khoát hạn chế thẩm quyền của các tòa án khác. Ai cũng biết trong tình trạng chiến tranh hay thiết quân luật, một số các thẩm quyền dân sự được chuyển qua nhà chức trách quân sự để một số các tội phạm trước khi tầuộc tòa dân sự xét xử nay giao cho tòa quân sự thường hay quân sự mặt trận xét xử mau lẹ với thủ tục đơn giản và đôi khi với hình phạt gương mẫu. Ở đây trong luật mới, nhà làm luật muốn dành cho các giới chức quân sự tùy nghi quyết định về thẩm quyền các tòa án khi qui định rằng, nếu nhà chức trách quân sự không dành quyền truy tố trước tòa án

quân sự mặt trận thì các tòa thường tụng và quân sự thường vẫn có thẩm quyền xét xử. (điều 5,6 SL/013/TT/SLU)

Việc dành cho các giới chức quân sự quyền thích nghi truy tố trước tòa án mặt trận, đồng thời qui định rằng các tòa án khác vẫn có thể có thẩm quyền xét xử, có vẻ như từ nay vấn đề thẩm quyền sẽ không còn là một điều tranh luận giữa các cấp tài phán nữa, đồng thời cũng chẳng còn là đối tượng để có thể nêu lên làm khúc biện trước tòa. Có lẽ đây là một sáng kiến mới, một điều mới trong nền luật pháp nước nhà, nó có cái hay mà cũng có cái dở.

Cái hay thứ nhất là tránh được việc tranh chấp quyền giữa các tòa án ít nhất ở trong phạm vi áp dụng và thi hành sắc luật mới. Thật vậy, trước đây vấn đề tranh chấp thẩm quyền đã nhiều lần xảy ra, để có những trường hợp khi tòa thường tụng xét xử một vụ, tuyên bố vô thẩm quyền vì cho rằng vụ đó thuộc thẩm quyền tòa mặt trận hay tòa quân sự, đến khi vụ đó được chuyển qua tòa quân sự thì tòa này cũng tuyên bố vô thẩm quyền vì luôn, sau đó người ta phải đưa vụ phạm pháp lên tòa pháp án hay Tối Cao Pháp Viện xin phân thẩm, thủ tục xin phân định đó nhiều khi rườm rà mất thì giờ, có khi phải đợi cả tháng, cả năm mà vụ phạm pháp vẫn chưa được xét xử. Nay thì chuyện đó không còn nữa bởi lẽ theo sắc luật 013-TT/SLU thì nguyên tắc là tòa quân sự mặt trận nếu các giới chức quân sự muốn như vậy, bằng không thì tòa thường tụng cứ xét mà không cần phải lo ngại hay dè dặt gì về thẩm quyền cả.

Bên cạnh cái hay, là cái dở chứa đựng cái may rủi cho người phạm pháp cũng như người bị thiệt hại do sự thích nghi quyết định về thẩm quyền của giới chức quân sự. Thật vậy, trước hết về phía người phạm pháp nếu người phạm pháp bị truy tố ra tòa mặt trận, đương nhiên họ thấy rằng việc xét xử họ nhanh chóng lắm, vì thủ tục của tòa mặt trận rất đơn giản không cần phải qua giai đoạn thẩm vấn tại phòng dự thẩm cũng không xin xử lại được - bởi tòa mặt trận xử chung quyết. Ngược lại, nếu người phạm -

pháp bị truy tố ra tòa thường tụng thì họ biết rằng họ sẽ được tòa sơ -
thẩm xét xử, sau tòa sơ thẩm có thể kháng cáo lên tòa thượng thẩm, và
nếu tội phạm là tội đại hình thì trước khi xử họ còn qua một giai đoạn
thẩm vấn tại phòng dự thẩm. Thành thử ra ở đây có vấn đề may rủi do sự
thích nghi quyết định của những giới chức quân sự, mà chắc chắn là
thông thường không ai muốn bị đưa ra tòa án quân sự mặt trận.

Đối với người thiệt hại muốn đòi bồi thường, chắc không ai muốn
người gây thiệt hại cho mình bị đưa ra mặt trận cả, lẽ giản dị là tòa
mặt trận không có thẩm quyền quyết định về quyền lợi dân sự, do đó không
có vấn đề tuyên phán, bồi thường như tòa thường tụng xử về hình sự. Trong
trường hợp vụ phạm pháp bị đưa ra xét xử trước tòa mặt trận, người bị
thiệt hại sẽ phải đợi đến khi tòa này xử xong rồi mới có thể xin bồi thường
trước tòa dân sự mà thủ tục thường thường đòi hỏi một thời gian chừng
vài năm, thành thử ra ở đây cũng lại có vấn đề may rủi cho người bị thiệt
hại do sự thích nghi quyết định về thẩm quyền của giới chức quân sự.

Một trường hợp đặc biệt là trường hợp các nhà báo, không hiểu
rằng nhà báo khi được tòa mặt trận tha bổng có xin được bồi thường ngay
như ở trước tòa thường tụng hay không ? hay là lại phải đi kiện trước
tòa hành chính xin bồi thường ? điều này còn phải chờ án lệ mới rõ. Tuy
nhiên, có hay không thì điều ghi nhận là từ xưa tới nay vấn đề thẩm quyền
là một vấn đề có tính cách công cộng trật tự mà sự vi phạm sẽ bị chế -
tài vô hiệu. Nay thì khác, tính cách trật tự công cộng đó không còn nữa
mà nhường chỗ cho sự thích nghi của nhà cầm quyền quân sự.

Sang đến sắc luật 004-TT/SLU ngày 15-7-72 về an ninh và trật tự
công cộng, ta thấy rằng luật mới phạt tù và phạt tiền những người vi -
phạm giới giới nghiêm. Hình phạt là từ 06 ngày đến 02 tháng ; hình phạt
tiền là từ 1.000 đến 10.000\$. Thực ra ý kiến qui định hình phạt tù và
tiền cho những vi phạm giới giới nghiêm không phải là mới mẻ. Thời đệ Nhất
Cộng Hòa, vấn đề đó đã được đặt ra. Hơn nữa đây cũng chẳng phải là lần

đầu tiên có hình phạt tội vi phạm giờ giấc nghiêm. Từ trước tới nay, người vi phạm vẫn bị phạt, nhưng hình phạt chỉ là vi cảnh, tối thiểu 200\$, tối đa 600\$. Cơ quan phạt là cơ quan Cảnh sát, người bị phạt đóng tiền rồi đi về, cùng lái thử đưa ra Tòa vi cảnh, tiền phạt cũng vẫn vậy; có thêm chăng là những lệ phí tỉ như trước bạ bản án vi cảnh v.v... Nay thì hình phạt tăng, không còn là vi cảnh nữa, mà là phạt tù và phạt tiền.

Nhận xét thứ hai là theo sự hiểu biết thông thường, thì đa số những người vi phạm giờ giấc nghiêm đều là những người vi sinh kế, ham kiếm thêm chút tiền mà về chậm, họ là những người lái taxi, cyclic hoặc những người bán hàng chợ, đi sớm về khuya. Con số những người vi phạm vì những lý do khác tỉ như trộm cắp hay làm những việc phương hại đến an ninh công cộng chắc không có bao nhiêu. Nếu đúng như vậy thì mặc nhiên hậu quả của sự gia tăng hình phạt là những người bị trừng trị lại thuộc thành phần lao động, sống lam lũ vất vả, nhưng lương thiện và vô tình.

Về lãnh vực khác của sắc luật an ninh trật tự liên quan đến việc cấm đình công của giới công nhân trong tình trạng thiết quân luật. Ông Trần Quốc Bửu, chủ tịch Tổng Liên Đoàn Lao Công Việt-Nam nhận định rằng, sắc luật số 004-TT/SLU ngày 15-7-1972, đã có một sơ hở căn bản tức, vì một mặt sắc luật đó đã tước bỏ khí giới tự vệ duy nhất của công nhân là đình công, mặt khác vẫn để một khe hở cho giới chủ nhân có thể tác oai tác quái với công nhân, vẫn có thể 'giải công' lẻ tẻ qua hình thức sa thải vì lý do này hay vì lý do khác. Trường hợp điển hình nhất là tại Công Ty Hàng Không Việt-Nam, ban giám đốc đã sa thải một cán bộ lãnh đạo nghiệp đoàn công nhân Hàng Không Việt Nam ngay sau khi sắc lệnh trên ban hành, mà giới công nhân không thể phản ứng gì được vì tôn trọng luật lệ quốc gia. Vẫn theo ông Bửu, giới chủ nhân vẫn thường muốn triệt hạ các cán bộ lãnh đạo công nhân; và đây là cơ hội tốt để họ có thể thực hiện giấc mộng đó. Nếu tệ trạng này tiếp diễn trong vòng 06 tháng thì toàn bộ hệ thống nghiệp đoàn sẽ tan rã. Bởi thế, ông Bửu nhấn mạnh - Tổng Liên Đoàn Lao Công Việt Nam một mặt vẫn tôn trọng luật lệ quốc gia, mặt khác cũng phải tìm đường

sống cho giới công nhân. Vấn đề sẽ được đệ trình lên Tổng Thống cứu xét để xin bỏ khuyết cũng như sẽ được đưa ra trước đại hội vận tải quốc tế sắp nhóm họp tại Nhật.

Ông Bửu nhân cơ hội này cũng phê bình chính sách ngoại giao của chính phủ không thiên về phía đại chúng, hầu hết các tòa đại sự Việt Nam Cộng Hòa tại ngoại quốc chỉ liên lạc với giai cấp thượng lưu trong lúc tại các quốc gia tiên tiến đó, chính các tổ chức công nhân, nghiệp đoàn mới có ảnh hưởng quan trọng.

Ngoài những việc như tăng hình phạt khi vi phạm giờ giới nghiêm và cấm đình công, bãi thị, biểu tình bãi khóa trong các thời gian báo động, khẩn trương hay thiết quân luật. Nhà nước còn qui định các chế tài đặc biệt đối với những hành vi phạm pháp có tính cách xâm phạm trầm trọng an ninh và trật tự công cộng. Thật vậy, sắc luật số 10-TT/SLU ngày 1-9-72, có điều khoản phạt tử hình và chung thân khổ sai kẻ cướp đoạt tài sản của người khác với bạo hành làm nạn nhân thiệt mạng hay gây thương tích gây bất năng lực nạn nhân trên 30 ngày (điều 2, SLO10-TT/SLU). Sắc luật cũng ấn định hình phạt tử hình cho bất cứ kẻ nào uy hiếp phi hành đoàn, thủy thủ đoàn để cướp đoạt phi cơ, tàu biển; kẻ nào dùng bạo lực để bắt cóc, hiếp dâm hay cưỡng bách mãi dâm (điều 4,5,6 SLO10-TT/SLU). Đur luận quần chúng tỏ ra hoan nghênh việc gia tăng hình phạt đối với kẻ cướp đoạt tiền của tài sản của người khác. Ai cũng nhận thấy trong thời gian gần đây nạn trộm cướp - nhất là đánh giết hay giết người cướp của gia tăng ở Đô thành cũng như các nơi khác, trộm cướp lộng hành đến độ mà ngày nay không muốn ai không đề phòng.

Thế nhưng, hoan nghênh là một chuyện, nhìn vào luật để thấy sự khó khăn trong việc thi hành với áp dụng lại lẽ điều khác, khó khăn mà chúng ta thấy ngay trong điều luật là vấn đề danh từ. Hai chữ 'cướp đoạt' có vẻ như là danh từ mới trong luật pháp. Đành rằng chẳng ai lạ gì chữ 'cướp', trong thông thường chữ cướp vẫn là chữ thường dùng và như vậy danh từ 'cướp'

một danh từ trong ngôn ngữ thường ngày được du nhập vào ngôn ngữ luật pháp. Vậy thì cướp là gì ? Luật mới chỉ du nhập chứ không định nghĩa, không hiểu rồi ra họ sẽ phải biết thế nào là trộm có bạo hành và cướp có bạo hành ? Sự phân biệt đó không phải là sự phân biệt có tính cách lý thuyết vô ích, bởi lẽ cướp có bạo hành theo luật mới có thể bị phạt đến tử hình, còn trộm có bạo hành theo luật có từ trước thì hình phạt tối đa chỉ là khổ sai. Cái nguy hiểm của việc sử dụng danh từ trong lãnh vực luật pháp là như vậy.

Nhận xét khác là sắc luật 010-TT/SLU ngoài việc qui định những chế tài đặc biệt, các hành vi trộm cướp, bắt cóc, hiếp dâm v.v... còn có điều khoản khác đến các tội tổ chức và tham dự cờ bạc. Điều này phạt tù từ 1 đến 5 năm, phạt tiền từ 100.000\$ đến 1.000.000\$, kẻ chứa cờ bạc, kẻ tham dự cờ bạc cũng bị phạt tù từ 1 đến 6 tháng, phạt tiền từ 50.000\$ (điều 7, SLO10-TT/SLU).

Chúng ta nhận thấy rằng điều luật mới chỉ gia tăng hình phạt mà không định nghĩa lại hay nói rộng hai chữ cờ bạc ; sự gia tăng hình phạt cũng được biểu lộ sự chiều cố của nhà cầm quyền đến các vấn đề bài trừ tệ đoan xã hội. Luật mới không định nghĩa danh từ cờ bạc, cho nên luật lệ căn bản về cờ bạc là điều 410 hình luật, điều luật này phạt những ai chứa chấp hay tổ chức một trò chơi may rủi trong một nhà nào hay trên tàu, trên thuyền mà công chúng được ra vào công khai hay do sự giới thiệu, điều luật cũng phạt cả những ai tham dự vào trò chơi may rủi tại những cơ sở đó. Căn bản của điều kiện như vậy là hai tính cách : cơ sở công khai và trò chơi may rủi.

Người ta sẽ nói bất cứ hình thức cờ bạc nào mà chẳng là một trò chơi may rủi, ngoại trừ việc đánh cờ tướng, chơi billard v.v... là không có may rủi. Theo một số luật gia, trước đây đã có những bản án không coi trò chơi tổ tôm và mạt chược là những trò chơi may rủi, người ta lý luận rằng : ở đây chuyện cao thấp quan trọng hơn là chuyện may rủi. Ngược lại, một

số trò chơi khác thì hoàn toàn bị coi như trò chơi may, rủi tỷ như đánh xúc đĩa, ở đây không có vấn đề tính toán của người đánh bài, không có vấn đề cao thấp. Nói như vậy để thấy luật lệ trước đây đã được giải thích rất chặt chẽ. Do đó dư luận hoang mang rằng không hiểu ngày nay những quan niệm chặt chẽ đó có còn được giữ hay không? không hiểu rằng ngày nay, mỗi khi có vụ đánh bài được đưa ra xét xử, những người có trách nhiệm có đo lường mức độ may rủi hay có nhận định vì yếu tố thông minh, tài cao thấp của người chơi bài không.

Cũng theo dư luận thì dù cho ngày nay, quan niệm về cờ bạc được hiểu một cách rộng rãi để cho rằng: bất cứ một trò chơi may rủi nào cũng là cờ bạc và có thể bị trừng phạt thì theo điều 410 hình luật yếu tố thứ hai của tội cờ bạc vẫn là phải có một cơ sở công khai, mà công chúng ra vào tự do hay có một sự giới thiệu nào đó của những người liên hệ. Không có một cơ sở công khai đánh bạc thì không có chuyện cờ bạc đi tù.

Như vậy, ta thấy rằng: nếu đúng theo những gì mà luật lệ đã qui định thì chuyện 'có thể đi tù' phụ thuộc vào nhiều điều kiện lắm và không phải bất cứ một hình thức cờ bạc nào dù là giải trí hay có tính cách gia đình, vui chơi đã là cờ bạc đi tù. Thời đệ nhất cộng hòa khẩu hiệu bài trừ tứ đồ tưởng đã nhiều lần lần áp luôn luật lệ, người ta đã chỉ nhìn những khẩu hiệu đó mà quên luôn những giới hạn của điều luật, vì vậy có sự hoang mang rằng: hiện nay những gì đã xảy ra dưới thời đệ nhất cộng hòa sẽ còn tái diễn sau việc qui định chế tài mới trừng trị tội cờ bạc hay không? Dù sao người ta cũng hy vọng là chuyện đó không xảy ra, vấn đề là làm sao tránh được chuyện có phạt, dù thực sự luật không phạt.

Có lẽ nhằm chuẩn bị một xã hội lương thiện nhằm đấu tranh chính trị với Cộng sản mà công cuộc lãnh mạng hóa xã hội, được thúc đẩy một cách dồn dập. Trong tháng tám năm 1972, những biện pháp được ban hành về sửa soạn gấp rút để tận diệt các tệ đoan xã hội, phải chăng, lúc đó là lúc thuận tiện sau những sắc luật an ninh?

- Ngày 12-8-72 : Tổng Thống ban hành sắc luật 008-TT/SLU liên quan đến thuốc phiện, ma túy và độc chất.
- Ngày 17-8-72 : Thông tư của Thủ Tướng ngăn chặn mọi trường hợp nhân viên công quyền sách nhiễu tiền bạc của những công dân cần giấy tờ hay bị kiểm soát tình trạng quân dịch.
- Ngày 23-8-72 : Thủ Tướng ra chỉ thị chấm dứt nạn hành khất
- Ngày 26-8-72 : Tổng Thống ban hành luật số 009-TT/SLU trừng trị các tệ đoan tham nhũng, hối lộ, hối mại quyền thế và biến thủ v.v...
- Ngày 30-8-72 : Thông tư của Thủ Tướng ngăn chặn việc đánh cắp nhiên liệu quân đội và bán xăng lẻ bất hợp pháp.
- Ngày 31-8-72 : Tin các báo cho biết Hội đồng nội các đang cứu xét dự luật trừng trị tới mức tối đa với hình phạt tử hình, nạn cướp giật trên các đường phố, các tổ chức mại dâm, các tổ chức cờ bạc, chích chोác, bê hội đồng v.v...

Ngoài việc sạch sẽ hóa bộ mặt xã hội, những biện pháp an ninh chính phủ cũng được chiếu cố qua ba sắc luật qui định các tình trạng báo động, khẩn trương, giới nghiêm. Cả ba sắc luật đều có một đặc điểm chung là không nói gì đến các tòa án quân sự mặt trận cả. Ba tình trạng khẩn trương, báo động, giới nghiêm, là những chuyện nhỏ so với tình trạng chiến tranh hay thiết quân luật đã được ban hành qua sắc lệnh số 271-TT/SL ngày 10-5-72 và luật mới 004-TT/SLU ngày 15-7-72. Phải chăng đó là một sự sửa soạn cho thời kỳ sau khi ngưng bắn hay mãn hạn ủy quyền ? hoặc đề phòng những biến động khởi loạn ở nông thôn vào thành thị hay chính giữa đô thị do cộng sản chủ mưu và xúi giục, trước khi ngưng bắn chính thức trong thời gian tranh tối tranh sáng ? điều này có vẻ gần như là sự thực khi thấy mọi biện pháp an ninh đã quá đầy đủ và chu đáo cho một sinh hoạt bình thường.

C. - THUỐC LÀNH VỰC AN NINH VÀ TRẬT TỰ CÔNG CỘNG XÃ HỘI. -

Về địa hạt này có tất cả 12 sắc luật, trong đó có những sắc luật quan trọng và gây nhiều ảnh hưởng như sắc luật về báo chí, sắc luật bãi trừ tham nhũng, ma túy, sắc luật ấn định qui chế chính đảng và đổi lập chính trị v.v. 12 sắc luật đó là :

- Sắc luật 007-TT/SLU ngày 4-8-72 sửa đổi một số điều khoản của luật số 019/69 ngày 30-12-69 về qui chế báo chí.

- Sắc luật 008-TT/SKU ngày 12-8-72 hủy bỏ dụ số 60 ngày 27-9-55 về thuốc phiện và sửa đổi sắc lệnh ngày 16-7-1919 được tu chính bởi sắc lệnh số 49/1011 ngày 26-7-1949 về những độc chất ma túy và chất nguy hiểm.

- Sắc luật số 009-TT/SLU ngày 26-8-72 ấn định những biện pháp trừng trị các tội hối lộ, hối mại quyền thế, biến thủ công quỹ và tương thưởng kẻ hữu công tố cáo các hành vi phạm pháp.

- Sắc luật số 012-TT/SLU ngày 16-9-72 sửa đổi điều 7 đoạn 1 và điều 40 luật 009/69 ngày 19-6-69 về qui chế chính đảng và đổi lập chính trị.

- Sắc luật 016-TT/SLU ngày 23-11-72 liên quan đến căn cước.

- Sắc luật 037-TT/SLU ngày 22-12-72 sửa đổi sắc luật 13/58 ngày 3-10-58 sửa đổi bởi sắc luật 04/67 ngày 30-10-67 ấn định thể lệ nhập nội, xuất ngoại và lưu trú tại Việt-Nam cho những người ngoại quốc.

- Sắc luật 038-TT/SLU ngày 22-12-72 sửa đổi dụ số 10 ngày 6-8-1950 qui định thể lệ lập hội.

- Sắc luật 047-TT/SLU ngày 24-12-72 ấn định qui chế đặc nhượng đất thôn quê thuộc khối công sản quốc gia tư dụng.

- Sắc luật 048-TT/SLU ngày 24-12-72 tu chính sắc luật 15/65 ngày 17-9-65 ấn định qui chế các hoạt động bảo hiểm.

- Sắc luật 050-TT/SLU ngày 25-12-72 ban hành các biện pháp áp dụng trong việc thu hồi các tài sản quốc gia bị chiếm dụng bất hợp pháp.

- Sắc luật 055-TT/SLU ngày 26-11-72 biến cải Nha Vô Tuyến Truyền hình và điện ảnh, Nha Vô Tuyến Truyền Thanh thành cơ quan công lập tự trị.

- Sắc luật 060-TT/SLU ngày 27-12-72 sửa đổi luật 009/69 ngày 19-6-69, sửa đổi bởi sắc luật 012-TT/SLU ngày 16-9-72 ấn định qui chế chính đảng và đổi lập chính trị.

Ta sẽ lần lượt điếm qua những sắc luật quan trọng gây nhiều phản ứng và dư luận trong quần chúng.

Trước hết là sắc luật 007-TT/SLU sửa đổi qui chế báo chí, nội dung sắc luật có những điều khoản quan trọng sau đây :

1) - Phải ký quỹ : điều 4 mới đoạn 6 qui định : muốn ra báo phải có biên nhận đóng tiền ký quỹ tại Tổng Nha Ngân Khố trong một trương mục có lời :

- Đối với Nhật báo : hai mươi triệu đồng (20.000.000\$)

- Đối với tạp chí định kỳ : mười triệu đồng (10.000.000\$).

Trương mục này do chủ nhiệm hoặc chủ bút hay quản lý đứng tên và dành để bảo đảm việc thanh toán các ngân hình án phí và tiền bồi thường thiệt hại cho dân sự nguyên cáo định trong những bản án tuyên xử liên quan đến các vi phạm những điều khoản của luật này. Tuy nhiên, không được xử dụng trương mục này để đóng tiền ký quỹ tại phòng lục sự về việc thượng tố - nói nơi điều 52 mới. Số tiền ký quỹ nói trên sẽ được :

- Giảm 1/2 đối với một cơ quan ngôn luận chính thức của mỗi chính đảng đã được hợp thức hóa. Tuy nhiên chủ nhiệm hay chủ bút của cơ quan ngôn luận này phải do một trong các ủy viên ban chấp hành trung ương đảng đứng tên và trên nhật báo phải ghi rõ là cơ quan ngôn luận chính thức của đảng.

→ Kiến hãn đối với các tạp chí định kỳ có tính cách thuần túy nghiên cứu về từng lãnh vực chuyên biệt : giáo dục, tôn giáo, khoa học, kỹ thuật.

2)- Phải có văn kiện chứng minh xuất xứ vốn kể cả tiền ký quỹ

Điều 4 mới đoạn 7 ấn định : mọi sự man khai sẽ bị trừng phạt theo điều 43 mới của luật này, ngoài ra còn có thể bị truy tố về tội trạng khác nếu có.

3)- Tổng trưởng Nội Vụ, Tỉnh trưởng có quyền tịch thu hoặc tạm đình bản báo chí, điều 19 mới :

Để bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự công cộng và thuần phong mỹ tục hoặc trong những trường hợp có vi phạm điều 32 đoạn b, e và điều 33 đoạn a, b, c của luật này. Tổng trưởng Nội Vụ đối với báo chí xuất bản tại Sài Gòn, Gia định. Thị trưởng, Tỉnh trưởng đối với báo chí xuất bản tại địa phương liên hệ, có thể ra lệnh tịch thu nhật báo hay tạp chí định kỳ, trước khi lưu hành hay trong khi lưu hành.....

Tuy nhiên, nếu sau lần bị tịch thu và lý do an ninh quốc gia hay trật tự công cộng, nhật báo hay tạp chí định kỳ, còn bị tịch thu lần thứ hai cũng vì lý do này thì Tổng Trưởng Nội Vụ, trái với điều 1 đoạn 3 và điều 18 luật này, có thể trong khi chờ đợi một phán quyết của tòa án, tạm thời đình bản nhật báo hay tạp chí nói trên miễn là lần tịch thu trước đã có truy tố dù chưa có án chung quyết.

Điều 20 mới : Trong các cuộc dự liệu trong điều 19 mới trên đây, nếu được tòa án tha bổng, chủ nhiệm nhật báo hay tạp chí bị truy tố có thể ngay tại phiên tòa ấy phản tố đòi bồi thường thiệt hại, bồi khoản phải tương xứng với số thiệt hại và sẽ do công quỹ gánh chịu, những số báo đã bị tịch thu không được hoàn lại.

4)- Phát hành báo chí cũng phải đóng tiền ký quỹ :

Nếu tự phát hành, thì nhật báo ký quỹ 5 triệu đồng (5.000.000đ) tạp chí định kỳ là hai triệu năm trăm ngàn đồng (2.500.000đ). Còn nếu phát hành báo do người khác hay do một tổ hợp thì phải ký quỹ năm mươi triệu đồng (50.000.000đ) tại Tổng Nha Ngân Khố trong một trương mục có lời.

5)- Các chế tài khác :

Điều 46 mới : Vi phạm điều 38 và điều 33 đoạn a, sẽ bị phạt tù từ 2 năm đến 3 năm và phạt vạ từ 1 triệu đồng (1.000.000đ) đến 5 triệu đồng (5.000.000đ).

Điều 47 mới : Vi phạm điều 29 sẽ bị phạt tù từ 2 tới 5 năm và phạt vạ từ 1 triệu đồng (1.000.000đ) đến 5 triệu đồng (5.000.000đ).

Điều 3 của sắc luật 007-TT/SLU qui định trong suốt thời gian ban bố lĩnh trạng chiến tranh hay tình trạng thiết quân luật :

a)- Vi phạm các điều 27 mới, điều 28 và điều 29 luật số 019/69 ngày 30.12.1969 sẽ bị phạt cấm cố và phạt vạ từ 1 triệu đồng (1.000.000đ) đến 5 triệu đồng (5.000.000đ).

b)- Việc xét xử các vi phạm các điều 27 mới, điều 28 và 29 nói trên thuộc thẩm quyền của tòa án quân sự mặt trận, nơi xuất bản tờ báo. Tuy nhiên tòa án thường tụng vẫn tiếp tục thụ lý như thường lệ nếu nhà chức trách quân sự không dành quyền truy tố trước tòa án quân sự mặt trận.

Điều 4 luật mới cũng quy định nguyên tắc bắt câu phát hình phạt không áp dụng cho những hình tuyên phạt các vi phạm luật số 019/69 ngày 30-12-69 được sửa đổi bởi sắc luật này.

Sắc luật 017-TT/SLU sửa đổi qui chế báo chí kể trên, đã gây phản ứng mạnh mẽ trong làng báo. Thật vậy, sắc luật được Tổng Thống ban hành ngày 4-8-72 thì sau đó ngày 8-8-72 một thông cáo của hội đồng báo chí đã được đăng tải trên các báo chí thủ đô bày tỏ sự nhận định của hội đồng (1) thông cáo viết :

'Trong phiên họp bất thường ngày 8-8-72 sau khi thảo luận về sắc luật số 007-TT/SLU ban hành ngày 4-8-72. Hội đồng báo chí nhận định :

Áp dụng sắc luật này sẽ gây cho làng báo một sự khủng hoảng trầm trọng chưa từng có trong lịch sử báo giới từ trước đến nay. Hội đồng báo chí đã đề cử một phái đoàn lên yết kiến Tổng Thống để trình bày quan niệm của Hội đồng và của làng báo đối với sắc luật nói trên. Đồng thời hội đồng cũng bắt đầu tham khảo ý kiến và vận động một cách rộng rãi trong các giới, nhất là với hai nghiệp đoàn ký giả, vì hậu quả của sắc luật 007-TT/SLU sẽ liên hệ trực tiếp đến hàng ngàn gia đình ký giả và công nhân liên thuộc.

Hội đồng báo chí yêu cầu tất cả anh em trong làng báo hãy bình tĩnh, tôn trọng kỷ luật và chờ đợi kết quả.'

Phản ứng quyết liệt hơn Hội đồng chủ báo Việt Nam đã quyết định để cho các nhật báo thủ đô đình bản hai ngày hòng phản đối sắc luật mới vì báo chí : 'để biểu tỏ thái độ chung trước tình trạng báo giới nước

(1) Thông cáo số 23, do chủ tịch Huỳnh thành Vị ký tên và đóng dấu. Báo Chính Luận số 2450 ngày 9.8.1972, trang 3.

nhà, sau ngày ban hành sắc luật mới về báo chí, đại hội bất thường của hội chủ báo Việt-Nam họp ngày 18-8-72 đã đồng tình quyết định : các nhật báo ở thủ đô sẽ đình bản liên tiếp hai ngày thứ ba 22 và thứ tư 23.8.72 tức hai số báo đề ngày 23 và 24-8-1972' (1)

Quyết định này chỉ được 24 nhật báo chấp hành mà thôi, trong khi đó còn 5, 6 nhật báo vẫn phát hành đều đặn (2)

Ngoài phản ứng của báo giới, một số các nghị sĩ cũng bày tỏ quan điểm của mình vào sắc luật 007-TT/SLU. Nghị sĩ Trần Ngọc Oánh nhận định :

- 'Tình trạng hỗn loạn báo chí phải được chấm dứt.
- Phải tìm mọi cách giúp đỡ các tờ báo đứng đắn để họ có cơ hội phát triển, bắt luận tờ báo thân chính quyền hay đối lập miễn là có tinh thần quốc gia.
- Phải loại bỏ các 'con sâu làm rầu nồi canh', cả làng báo, mượn tờ báo để vu khống mạ lỵ, hầu làm tiến người lương thiện và những phần tử cộng sản cùng thân cộng, len lỏi vào hàng ngũ báo chí để phá hoại chế độ, làm giảm sút tinh thần chiến đấu của binh sĩ và xúc phạm đến nền an ninh chung quốc gia.

Sắc luật số 007-TT/SLU ngày 4-8-72 đã đáp ứng đúng những nguyện vọng đó, điều 19 mới, chế tài nặng và biện pháp kỷ quỹ là những phương - cách hữu hiệu để đạt các mục tiêu nói trên. Tuy nhiên, những biện pháp đó là con dao 2 lưỡi, sự áp dụng đòi hỏi những cân nhắc sáng suốt, trách - nhiệm của ông Tổng Trưởng Nội Vụ, Tỉnh Thị trưởng từ nay sẽ rất nặng nề

(1) Nhật báo ĐUỐC NHÀ NAM - Số ra ngày 22.8.72. Trang 1.

(2) Đó là các nhật báo : QUẬT CƯỜNG, ĐÔNG PHƯƠNG, TIN ĐIỀN, SAIGON MỚI, TRANH THỦ v.v...

trong sự áp dụng khéo léo điều 19 mới. Chắc chắn từ nay sự tịch thu nhật báo hay tạp chí định kỳ sẽ là một hành động thực bất thường, chứ không phải là một việc làm bừa bãi như từ trước tới giờ'. (1)

Tóm lại, sắc luật mới về báo chí, mang lại nhiều thay đổi trong làng báo, sắc luật 007-TT/SLU là phản ứng đối với tình trạng hỗn loạn báo chí hiện tại, nhưng đó mới chỉ là phản ứng về một mặt : một biện pháp chế tài, luật mới đã gia tăng gấp đôi các hình phạt : về tù tăng lên cấm cố, về tiền lên tới 5 triệu, nhưng còn về những tội danh thì phần lớn cũng giống y như luật cũ, nghĩa là được qui định một cách rất đại cương tùy theo cách suy diễn của các giới chức. Như vậy sắc luật 007 trở nên quá hữu hiệu như thiếu công minh. Có ba điều khó khăn lớn nhất cho làng báo :

a)- Việc giải thích luật :

Rất lờ mờ và co dãn, không có những tiêu chuẩn rõ ràng để ấn định các tội danh, đặc biệt là về các điều 28 và 29 qui chế báo chí, đến nỗi dăng lại lời tuyên bố của một Tướng lãnh trong một buổi phỏng vấn công khai cũng phạm lỗi vi phạm an ninh quốc gia. Nhiều tờ báo chỉ dăng lại bản tin Việt Tấn xã cũng 'vi phạm an ninh quốc gia' và 'làm lợi cho cộng sản' trong khi chính cơ quan thông tấn nhà nước lại không bị chế tài

b)- Vấn đề đóng cửa báo :

Điều 19 luật mới định rằng Tổng Trưởng nội vụ có quyền tạm thời đóng cửa một tờ báo khi tờ báo này bị tịch thu lần thứ hai vì tội vi phạm an ninh quốc gia và trật tự công cộng mặc dù lần tịch thu trước

(1) Nhật ký Thượng viện ngày 26.8.1972.

chưa bị tòa xử chung quyết là có tội. Gạt hết mọi vấn đề pháp lý ra ngoài và chỉ đứng trên khía cạnh thực tế, một tờ báo đăng tin 'Việt Tấn Xả' mà đã có thể bị ghép tội 'vi phạm an ninh quốc gia' như vậy là có thể bị đóng cửa. Nếu áp dụng một cách máy móc điều 19 trên đây, thiết tưởng sẽ không một tờ báo nào mà không bị đe dọa đóng cửa.

c)- Vấn đề ký quỹ :

Luật mới định rằng, mỗi báo phải đóng tiền ký quỹ 20 triệu cho nhật báo, 10 triệu cho tuần báo. Đối với các báo đã xuất bản, thời hạn nộp tiền ký quỹ cùng với các giấy tờ hồ sơ khác là một tháng, đến 3-9-72, nếu chưa nộp là coi như đóng cửa vĩnh viễn (điều 2, SLO07). Tiền ký quỹ nộp vào trong một trương mục có lời, nhưng lời bao nhiêu thì sắc luật không nói, số tiền ký quỹ quá cao, thời gian quá ngắn, đối với một tờ báo tư nhân, không có sự yểm trợ của một đoàn thể hay cơ quan nào khác thì đó là cả một vấn đề. Và mức lời được ấn định quá thấp so với mức lời mà tòa báo phải vay thì vô hình chung tờ báo phải đều đều hàng tháng chịu một khoản phí tổn 'vô danh' lên đến hàng nửa triệu bạc.

Thật ra, qui chế báo chí 019/69 đã không cai trị làng báo một cách thật công minh và hữu hiệu. Không thông minh vì các tội danh báo - chí chỉ được qui định một cách đại cương và trong việc áp dụng, không có một nghị định nào để ấn định những tiêu chuẩn rõ ràng về các tội danh, do đó mọi trường hợp phạm pháp đều do sự suy diễn của các giới chức. Không hữu hiệu vì các biện pháp chế tài cũng rất mơ hồ, việc áp dụng cũng rất lỏng lẻo. Tội danh không qui định rõ ràng, biện pháp chế tài mơ hồ, một áp dụng lỏng lẻo nên có những cây bút quá đà, đạo đức nghề nghiệp không còn được tôn trọng, báo đã hỗn loạn, nạn nhân đầu tiên là những người làm báo đứng ~~dẫn~~ Sắc luật 007 là một phản ứng lại hỗn loạn tình trạng đó, phản ứng hữu hiệu nhưng không công minh, do đó nạn nhân đầu tiên cũng là những người làm báo đứng ~~dẫn~~.

Ước mong trong việc đi tìm một an toàn pháp định cho báo chí, chúng ta cần có một nghị định rõ ràng, sáng sủa, định nghĩa thế nào là phạm lại nền an ninh quốc gia, những yếu tố cần thiết thành tội phạm với một vài tiêu chuẩn rõ rệt để tránh lại tình trạng điều 28 luật báo chí là một điều luật mơ hồ, đáng tiếc, chỉ có sự nhận định đơn phương của người thi hành luật.

Trong thực tế, ảnh hưởng của luật 005/TT/SLU thật sáng tỏ : trước kia có tới gần 50 nhật báo cùng rất nhiều tạp chí định kỳ khác được phát hành. Sau ngày sắc luật mới ra đời, chúng ta chỉ còn lại có 29 nhật báo gồm 17 tờ Việt Ngữ, 11 tờ Hoa Ngữ, 1 tờ Anh Ngữ cùng 5 tạp chí định kỳ Việt Ngữ khác mà thôi.

Bước sang một lãnh vực khác của những sắc luật an ninh và trật tự công cộng xã hội là sắc luật 009/TT/SLU ngày 26-6-1972 nhằm bài trừ tham nhũng.

Nhiều người nhận xét rằng, luật lệ tự nó không hữu hiệu để đi đến chỗ nghi ngờ kết quả của sắc luật số 009. Về bài trừ tham nhũng bởi vì vấn đề luật lệ và bài trừ tham nhũng không phải là mới mẻ, nó đã có từ thời Pháp thuộc tức trước năm 1954. Thật vậy, thời Pháp thuộc trước năm 1954, hình phạt áp dụng cho những tội hối lộ, hối mại quyền thế, biểu thức tương đối nhẹ. Luật lệ lúc bấy giờ coi các tội hối lộ hay hối mại quyền thế là những tội tiểu hình tức hình phạt tối đa không quá 5 năm tù. Về các tội biến thủ thì hình phạt có thể lên đến khổ sai tùy theo số tiền hay trị giá vật biến thủ. Biến thủ càng lớn thì hình phạt càng nặng. Hồi đó, dù hình phạt tuy đã được dự liệu nhưng cũng chẳng mấy khi có những vụ hối lộ, hối mại quyền thế hai biến thủ được đưa ra Tòa xét xử.

Sang đến đệ I Cộng Hòa, tháng 7/1954 ngày Ông Ngô-Bình-Diệm về nước, việc bài trừ tham nhũng là một việc đầu tiên Ông mới làm. Tháng 7/1954 một đạo dụ được ban hành và lần đầu tiên, việc trừng trị các tội hối lộ, hối mại quyền thế và phù lạm được gia tăng. Hình phạt

khó sai đã thay thế. Hình phạt vài năm tù ở tù thời pháp và đương như có sự nói rộng ý nghĩa những tội danh, hối lộ và hối mại quyền thế, khi trừng trị luôn cả việc nhận của cho và vật biếu, không cần phải có đòi hỏi mới là hối lộ, mà thụ động chấp nhận của cho vật biếu, cũng là nhận hối lộ, dù của cho, vật biếu chỉ là để đền ơn. Luật lệ đã khắc khe hơn vậy.

Hồi với luật lệ khắc khe đó, biện pháp khác nhằm mục tiêu bài trừ tham nhũng cũng được ban hành, đó là việc kê khai tài sản. Biện pháp này đã ban hành vào tháng 8/1954. Luật buộc rằng : tất cả mọi viên chức, tất cả mọi công dân nhận lãnh công cụ, tất cả mọi người nắm giữ, chức vụ dân cử, hằng năm phải kê khai tài sản của mình và của vợ con mình cùng những chứng minh nguồn gốc những tài sản đó.

Một thời, người ta đã tưởng nạn tham nhũng bị chặn đứng, nhất là sau khi một số vụ điển hình được mang ra xét xử công khai. Nhưng chỉ vài năm sau đó thì một đạo luật mới nữa lại được ban hành. Đó là một luật qui định hình phạt tử hình tội biến thủ nếu số tiền biến thủ lên quá 2 triệu đồng (2.000.000đ). Luật đó ban hành vào năm 1959, cùng với việc gia tăng hình phạt áp dụng cho tội biến thủ, một tội mới được qui định và cũng bị phạt tử hình, đó là tội tiêu tán tài sản Quốc gia. Luật lệ tự nó không hữu hiệu và từ đó cho đến cuối trào đệ nhất Cộng Hòa, chuyện tham nhũng đã trở thành câu chuyện đầu lưỡi.

Sang đến thời cách mạng, đệ nhất Cộng Hòa sụp đổ, cùng với khí thế cách mạng, tập đoàn tham nhũng, đương như bành trướng hơn nữa. Mãi đến hơn một năm, sau khi cách mạng thành công, sau bao nhiêu vụ đào thải liên tiếp xảy ra, bấy giờ mới thấy sắc luật mới, sắc luật 4/65 ngày 19-7-1965.

Sắc luật này do chính Tổng Thống Thiệu khi đó là Chủ tịch Ủy ban lãnh đạo Quốc Gia ban hành. Với sắc luật mới, một lần nữa, lại có sự leo thang hình phạt. Hình phạt mới cho các tội hối lộ, hối mại quyền thế là tử hình và tịch thu tài sản nếu số tiền hối lộ, hối mại quyền thế lên đến hơn 100.000đ và khó sai chung thân, cùng tịch thu một phần

hay toàn thể tài sản, nếu số tiền hối lộ dưới ngạch đó. Đến nay, luật 4/65 đã thi hành được hơn 7 năm. Trong 7 năm đó, có 4 năm mà công cuộc bài trừ tham nhũng đã được tăng cường bởi một cơ chế hiến định là Giám sát viện cùng Phủ Phó Tổng Thống (sắc lệnh số 001/TT/SL ngày 1-1-1972, ủy quyền cho Phó Tổng Thống đặc trách điều tra và chế tài mọi hành vi tham nhũng, hối mại quyền thế hoặc phương hại đến quyền lợi kinh tế hay tài chánh) mà ngân sách quốc gia đã tốn phí mỗi năm hàng trăm triệu. Bảy năm qua, vấn đề tham nhũng bành trướng thêm hay đã bị chặn đứng, tăng hay giảm, điều này chúng ta đã biết rõ từ lâu rồi.

Ngày nay, sắc luật mới vừa được ban hành nhằm hai mục tiêu :

- " Khích lệ sự đóng góp của mọi người, trong một nhiệm vụ chung là bài trừ viển ảnh của nguy cơ tham nhũng một nguy cơ có thể làm mất nước, sự khích lệ ấy chẳng những căn cứ vào ý thức trách nhiệm của người dân, phải tố giác các vi phạm đại hình, mà còn được thể hiện bằng sự tưởng kim cho kẻ hữu công tố cáo tham nhũng.

- Làm cho kẻ toan có hành vi tham nhũng phải khiếp sợ hơn, chẳng những vì hình phạt nặng nề, mà còn vì e-sợ sự tố cáo, khiến phải dưng chân lại nơi thêm phạm pháp"(1).

Hai mục tiêu nêu trên, tự nhiên đã nhìn nhận rằng : Trong 7 năm qua dầu có luật số 4/65, dầu có thêm Giám sát viện, các tệ đoan tham nhũng vẫn mỗi ngày một gia tăng, gia tăng đến độ có thể tạo thành một nguy cơ mất nước, một quốc nhục.

Luật mới đã ban hành, chẳng hiểu rồi ra vấn đề bài trừ tham nhũng sẽ đạt được những kết quả nào ? dầu rằng, nhà nước đã dùng đến chữ " cách mạng" và coi đó như là đặc điểm của sắc luật 009/TT/SLU.

(1) Bản viện dẫn lý do ban hành sắc luật 009/TT/SLU ngày 26.8.1972 của Phủ Tổng Thống.

Nhận xét cho thấy rằng luật mới chỉ qui định hình phạt đối với các tội hối lộ, hối mại quyền thế và biến thủ, thì vấn đề phải hỏi là : phải chăng chuyện tham nhũng chỉ giới hạn vào các hành vi đó mà thôi ? Chắc không ai nghĩ như vậy. Ai cũng biết nạn tham nhũng có thiên hình vạn trạng, chuyên hối lộ, hối mại quyền thế là những chuyện thông thường, không thiếu gì những chuyện tham nhũng được che đậy bằng những hình thức rất hợp pháp và rất tinh vi. Hối lộ, hối mại quyền thế chỉ là chuyện thông thường, và chỉ thông thường chỉ luôn luôn ở cấp thấp. Tham nhũng có cả những hệ thống hết sức chặt chẽ, mà khi động chạm người ta sợ "bút đây, động rừng", như vậy thì đương nhiên người ta phải đề dặt về kết quả việc tho hành luật mới.

Ngoài chuyện báo chí, chuyện tham nhũng, chuyện quy chế về chính đảng và đối lập chính trị cũng được bàn tới, phản ứng dữ dội và quyết liệt có lẽ ở phía các đảng phái, phong trào, tổ chức chính trị v.v.

Thực ra quy chế chính đảng và đối lập chính trị không phải bây giờ mới có, mà từ năm 1969 và do luật 009/69 ngày 19-6-1969, quy chế đó không thích ứng và hợp lý với tình thế mới, nên nhà nước phải sửa đổi và sửa đổi tới 2 lần.

Thoạt tiên, người ta ngạc nhiên thấy rằng sắc luật 012/TT/SLU ngày 16-9-1972 sửa đổi quy chế chính đảng quá sơ sài thế nhưng giới am hiểu lại cho rằng đó chỉ là sắc luật mào đầu cần được đưa ra gấp để giải quyết một tình trạng cấp thời trong khi chờ đợi sắc luật thật sự. Tình trạng gấp rút cần giải quyết là tình trạng nào ? giới am hiểu cho rằng đó là tình trạng một số trụ sở của các đảng phái ở địa phương đã chứa chấp những phần tử đào binh trốn quân dịch mà các Tỉnh Trưởng đành bó tay vì không được quyền khám xét.

Người ta nhớ lại rằng đã từng có trụ sở đảng phái bị bắt vì chứa sòng bạc phải đưa ra Tòa (1). Sắc luật mới ấn định những thể thức

(1) Trụ sở đảng nhân dân kiến quốc do Ông Nguyễn đình Quát làm Tổng Thư ký đã bị bắt vì chứa bạc ngày 21.10.1971 [Tin các báo].

và điều kiện khám xét trụ sở đảng một cách dễ dàng hơn, người ta cũng cho rằng sắc luật vừa ra là để mào đầu cho sắc luật sau, thử xem các đảng phái phản ứng ra sao ? Phần đông người ta chờ sắc luật chính và nghi ngờ rằng sắc luật ấy sẽ khác khe hơn quy chế hiện tại. Quy chế hiện tại theo một số nhân vật chính đảng có những điểm vô lý : Thí dụ như không có biện pháp nâng đỡ chính đảng và không có biện pháp để đáp ứng với hiến pháp có ghi rằng, Quốc gia cần tiến tới chế độ lưỡng đảng. Quy chế đó không có biện pháp nâng đỡ chính đảng, thí dụ như không có điều khoản cho các nhân viên quan trọng của đảng được hoãn dịch hết, đảng không còn người làm việc. Nhiều người còn cho rằng việc tranh cử không phải là độc quyền của đảng phái (như ở các nước khác), do đấy, không ai cần vào đảng và đảng không thể lớn lên được. Đảng phái cũng không được khuyến khích bằng những sự trợ giúp của Quốc gia và trong nhiều trường hợp những ấn định trong quy chế chính đảng (thí dụ về việc các đảng phái đối lập việc bầu một lãnh tụ đối lập về vấn đề tiến tới chế độ lưỡng đảng) cứ nằm ỳ ra đó, Quy chế chính đảng hiện thời, (luật 009/09) không đáp ứng đúng nhu cầu tiến đến lưỡng đảng và vì điều kiện để hợp thức hóa quá ít (10 tỉnh bộ, mỗi tỉnh bộ 500 đảng viên) các đảng đáp ứng dễ dàng cho các điều kiện đó đã mọc ra quá nhiều. (1) Vì vậy, người ta mong mỗi một sửa sai và sự sửa sai ấy đã tới. Thật vậy, sắc luật 060/TT/SLU ngày 27-12-1972 ấn định quy chế chính đảng và đối lập chính trị mới, sẽ được ban hành theo thủ tục khẩn cấp mà nội dung có những điều khoản quan trọng sau đây :

* ĐIỀU THỨ 1 : Nay sửa đổi các điều khoản sau đây, của luật số 009/69 ngày 19-6-1969 sửa đổi bởi sắc luật 012-TT/SLU ngày 16-9-1972 ấn định quy chế chính đảng và đối lập chính trị.

(1) Chúng ta có tới gần 30 đảng, tổ chức, phong trào, hiệp hội chính trị v.v... (tài liệu Bộ Nội Vụ).

- Điều 7 đoạn 2 (mới) :

Trụ sở trung ương của chính đảng phải đặt tại Thủ Đô Sài-Gòn.

- Điều 10 (mới) :

1)- Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày được cấp phải lập, chính đảng hay liên minh chính đảng. Muốn được hợp thức hóa phải hội đủ các điều kiện sau đây :

a.- Thiết lập Đô, Tỉnh, Thị bộ, tại ít nhất một nửa (1/2) tổng số Đô, Tỉnh và Thị Xã trên toàn quốc trong đó phải có Đô Thành Bộ tại Đô Thành Sài-Gòn. Mỗi Đô, Tỉnh, Thị Bộ phải thiết lập được một số phường xã bộ ít nhất một phần tư (1/4). Tổng số phường xã trong Đô, Tỉnh, Thị Xã ấy.

b.- Số đảng viên của mỗi Đô, Tỉnh, Thị bộ, ít nhất phải hội đủ một phần hai mươi (1/20) tổng số cử tri tại Đô, Tỉnh hay Thị xã liên hệ tính theo danh sách cử tri đã niêm yết trong kỳ bầu cử dân biểu Hạ nghị viện gần nhất.

c.- Đảng viên phải cư trú chính thức tại địa phương liên hệ và làm đơn gia nhập chính đảng.

2)- Các nhân viên ban chấp hành đô, tỉnh, thị bộ, phường hay xã phải có cư trú chính thức tại địa phương liên hệ và phải hội đủ điều kiện ghi tại điều 06.

3)- Nộp biên bản bầu cử ban chấp hành trung ương nếu chỉ nộp lúc khai báo.

- Điều 22 (mới) :

Không ai bị bó buộc phải khai đảng tịch trong các văn kiện, trừ trường hợp tư pháp thăm cứu hay luật lệ định khác.

- Điều 23 (mới) :

Hai hay nhiều chính đảng đã hợp thức hóa có thể hợp nhất thành một liên minh chính đảng ; chính đảng gia nhập liên minh được coi như bị giải tán và liên minh được coi như một chính đảng mới. Bộ nội vụ sẽ ban hành nghị định hợp thức hóa sự giải tán của chính đảng cũ và cấp phép lai cho chính đảng mới trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ khai báo về việc này.

- Điều 30 (mới) :

1)- Chánh đảng có thể tự ý giải tán theo thể thức đã được ấn định trong đảng quy, hay điều lệ. Quyết định tự giải tán phải được thông báo cho Bộ nội vụ trong vòng (1) một tuần lễ kể từ ngày có quyết định giải tán :

2)- Chánh đảng được coi như đương nhiên giải tán :

a.- Khi không còn hội đủ các điều kiện quy định ở điều 10 luật số 009/69 ngày 19-6-1969 sửa đổi bởi điều thứ nhất sắc luật này.

b.- Nếu không đề cử ứng viên tham gia tranh cử trong các cuộc bầu cử Quốc hội. Sự tự giải tán của chánh đảng được coi như đương nhiên sau ngày niêm yết lần thứ hai danh sách ứng cử viên.

c.- Nếu qua mỗi cuộc bầu cử, mà không đạt được một phần năm (1/5) tổng số ghế Dân biểu tại Hạ nghị viện hoặc thất cử trong cuộc bầu cử Thượng nghị viện mà liên danh không đạt được 20% tổng số phiếu tính trên tổng số cử tri đi bầu. Trường hợp chánh đảng đề cử trên 01 liên danh ứng cử, số phiếu được tính là số phiếu của liên danh có số phiếu cao nhất. Sự tự giải tán chánh đảng được coi như đương nhiên sau ngày công bố chánh thức kết quả cuộc bầu cử.

d.- Nếu có đề cử ứng cử viên tham gia tranh cử Tổng Thống và Phó Tổng Thống mà không hội đủ hai mươi phần trăm (20%) tổng số phiếu tính trên tổng số cử tri đi bầu trên toàn quốc. Sự giải tán của chánh đảng

được coi như đương nhiên sau ngày công bố kết quả chính thức của cuộc bầu cử.

3)- Cũng sẽ phải tự giải tán, chính đảng nào sau mười hai (12) tháng hoạt động công khai mà không hội đủ các điều kiện ghi nơi điều 10 luật số 009/69 ngày 19-6-1969 sửa đổi bởi điều thứ nhất sắc luật này.

4)- Đối với các trường hợp trên đây, Bộ nội vụ phải hợp thức hóa sự giải tán chính đảng bằng một nghị định đảng trong công báo Việt-Nam Cộng Hòa.

Điều 31 (mới) :

Trong trường hợp, chính đảng tự giải tán, đương nhiên tài sản của chính đảng sẽ được thanh toán và xử dụng theo sự ấn định của đảng quy hay điều lệ miễn là tuân theo các điều kiện luật định. Nếu đảng quy hay điều lệ không ấn định việc thanh toán xử dụng, Tòa án, chiếu lời yêu cầu của Bộ nội vụ đề cử một thanh toán viên. Trong thời hạn 3 tháng; thanh toán viên sẽ triệu tập đại hội đồng chính đảng để quyết định việc thanh toán và qui dụng tài sản. Nếu vì duyên cố gì, thanh toán viên không triệu tập được đại hội đồng chính đảng, thanh toán viên sẽ xin tòa án quyết định việc thanh toán và qui dụng tài sản ấy.

- Điều 33, đoạn 1 (mới) :

Chính đảng thành lập và hoạt động không theo điều 5, 6, 7, 9 (mới) và 30 (mới) của luật 009/69 ngày 19-6-1969 sửa đổi bởi sắc luật số 012-TT/SLU ngày 16-9-1972 và sửa đổi bởi sắc luật này, sẽ đương nhiên bị coi là bất hợp pháp.

* Điều thứ hai :

1)- Chỉ có các chính đảng mới được quyền đề cử trong cuộc bầu cử Tổng Thống và Phó Tổng Thống và Quốc hội, tất cả các ứng viên tham gia

các cuộc bầu cử này đều phải do chính đảng đề cử, phải có đảng tịch của chính đảng đề cử.

2)- Các chính đảng muốn được quyền đề cử các ứng viên tham gia tranh cử trong các cuộc bầu cử nói trên, phải đã được hợp thức hóa theo các điều kiện dự liệu nơi điều 10, luật số 009/69 ngày 19-6-1969 sửa đổi bởi điều thứ 1 sắc luật này.

3)- Sự tham gia tranh cử trong các cuộc bầu cử quốc hội có tính cách bó buộc đối với tất cả các chính đảng đã được hợp thức hóa. Riêng đối với cuộc bầu cử Tổng Thống, Phó Tổng Thống, sự tham gia có tính cách nhiệm ý đối với mỗi chính đảng đã được hợp thức hóa.

* Điều thứ ba :

Trong thời hạn ba (3) tháng kể từ ngày ban hành luật này, các chính đảng đã phải được cấp phát lại và chính đảng đã được hợp thức hóa theo điều kiện qui định nơi điều 10 (mới) luật số 009/69 ngày 19-6-1969, sửa đổi bởi sắc luật này.

Sắc luật này được ban hành theo thủ tục khẩn cấp và đăng vào công báo Việt Nam Cộng Hòa Bản viện dẫn lý do ban hành sắc luật tu chính quy chế chính đảng và đổi lập chính trị cho biết :

Trước những biến cố quốc tế dồn dập mở đầu cho một sự sắp xếp lại các tương quan lực lượng trên thế giới, hầu hết các quốc gia Đông Nam Á mặc dầu trong tình trạng thanh bình nhưng đã phải chuyển mình mạnh mẽ để thích ứng với cuộc diện mới, những gì hiện đang xảy ra trong chế độ dân chủ tại các Quốc gia này là do nguyên nhân và động lực nói trên.

Việt Nam Cộng Hòa mặc dầu đang phải chiến đấu, một mất, một còn với chế độ Cộng Sản, nhưng đã quyết chọn dân chủ và quyết tâm bảo vệ dân chủ cùng quan niệm rằng, chỉ có chế độ dân chủ đích thực mới thắng được Cộng Sản. Chính vì lẽ ấy nên cần phải duyệt xét lại vấn đề chính đảng là nền tảng sinh hoạt chính trị của một chế độ dân chủ.

Chúng ta không thể không quan tâm đến thực trạng phân hóa, yếu kém của các chính đảng hiện hữu và sự phồng tồng bất ổn của nền dân chủ phối thai mà luật lệ về chính đảng hiện hành chưa cải thiện được.

Nhu cầu sửa đổi thực trạng đó phải được coi là tối thiết để đặt nền móng vững vàng cho công cuộc xây dựng dân chủ và nhất là quốc gia đủ sức đương đầu trong chính trị trực diện và công khai với Cộng sản trong những ngày tháng sắp tới. Bản văn sắc luật gồm các tu chính căn bản sau đây :

Thứ 1 : Buộc các chính đảng, muốn được thành lập và hoạt động hợp pháp phải có tổ chức ở trên ít nhất phân nửa (1/2) đô, tỉnh, thị xã trên toàn quốc, trong đó buộc phải có tổ chức ở đô thành mỗi đô, tỉnh, thị bộ phải có tổ chức ở ít nhất một phần tư (1/4) tổng số xã phường. Ngoài ra số đảng viên tại mỗi đô, tỉnh thị phải bằng ít nhất 1/20 tổng số cử tri.

Sự qui định này nhằm giúp các chính đảng thoát ra khỏi tình trạng tổ chức, cục bộ, trái rộng ảnh hưởng trên phạm vi quốc gia, bành trướng cơ sở tại hạ tầng có một căn bản hậu thuẫn trong quần chúng.

Thứ 2 : Buộc các chính đảng phải hủy thế khi thành lập một liên minh chính trị mới. Sự quy định này nhằm tạo dựng một thể kết hợp chặt chẽ, thực sự giữa các chính đảng, mở đường cho những kết hợp rộng lớn quy mô trong đời sống chính trị quốc gia, chắc chắn rằng, biện pháp này sẽ có tác dụng tốt là chấm dứt được những hình thức liên minh tạm bợ, tạo bất ổn cho sinh hoạt chính trị.

Thứ ba : Buộc các chính đảng phải tham gia vào các cuộc bầu cử có tầm mức quốc gia, và sau mỗi cuộc bầu cử phải hội đủ một số ghế : 1/5 tại hạ viện hoặc 1 tỷ lệ phiếu 20% trong cuộc bầu cử thượng nghị viện hay tổng thống.

Sự quy định này nhằm giúp các chính đảng thoát ra khỏi hình thức hoạt động của những hội kín và phải luôn luôn cải tiến để có thể thu đạt lá phiếu ủng hộ của quần chúng cử tri, hầu tiến vào chính quyền quốc gia qua ngã dân cử hợp hiến và hợp pháp.

Thứ bốn : Buộc các ứng cử viên khi ra tranh cử phải có sự giới thiệu của một chính đảng đã được hợp thức hóa theo sắc luật tu chính này và ngân sách quốc gia, sẽ tài trợ cho các ứng cử viên tranh cử một ngân khoản lớn hơn thường lệ.

Đây là một quyền dành riêng cho các chính đảng, nhằm giúp các chính đảng có cơ hội củng cố và phát triển.

Chắc chắn rằng những hình thức hoạt động chính trị cá nhân, rời rã sẽ không còn nữa, sinh hoạt chính trị dân chủ của miền Nam sẽ trưởng thành và ổn định.

Sắc luật 060.TT/SLu kể trên đã được phía chính quyền cùng những người ủng hộ ca tụng như một phương thế, thần hiệu kềm hãm đã làm phát đảng phái và là con đường duy nhất dẫn tới chế độ lưỡng đảng (1). Hai nghị sĩ Nguyễn Văn Ngãi và Trần Ngọc Cảnh thì cho rằng

(1) "Đôi lập là những đồng cỏ thúc đẩy đảng cầm quyền, lúc nào cũng phải cố gắng để phục vụ đồng bào đúng mức, nhưng đôi lập chỉ có thể làm đúng vai trò khi có những chỉ trích, đề nghị xây dựng với tất cả tinh thần trách nhiệm. Tuy nhiên không thể có sự ganh đua để tiến bộ, khi có quá nhiều khuynh hướng trong một Quốc hội, quá nhiều đảng phái trong một quốc gia và các đảng đó lại thiếu hậu thuẫn của quần chúng. Sắc luật mới về chính đảng vừa đề cho một số đảng đối lập với chính quyền, hoạt động, vừa có tác dụng kềm hãm đã làm phát đảng phái trong tinh thần của hiến pháp là quốc gia khuyến khích việc tiến tới chế độ lưỡng đảng" (Bãi nói chuyện của Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu trước khóa hội thảo rèn cán chính, cơ quan cán bộ Đảng Dân Chủ tại Trung tâm huấn luyện cán bộ quốc gia Vũng Tàu ngày 03.5.1973. Tài liệu Ronéo). X.ch nhất báo Chính luận, số 2753. Thứ Năm mùng 3.5.1973, trang 1)

sắc luật mới về chính đảng đối lập chính trị là một tiến bộ lớn lao và vượt bậc trong địa hạt sinh hoạt chính trị thực tiễn ở miền Nam, nó chứng tỏ quyết tâm của nhà cầm quyền muốn thực thi và thiết tha với hệ thống lưỡng đảng, đồng thời sửa soạn một thể đúng vững mạnh cho các tổ chức quốc gia trong giai đoạn tranh đấu chính trị với cộng sản khi hậu chiến (1)

Ngược lại, Đại Việt cách mạng đảng và nhóm dân biểu quốc gia Hạ nghị viện đã lên tiếng phản đối quyết liệt. Đảng Đại Việt cho rằng sắc luật 060/TT/SLU ngày 27.12.1972, chính là một bản án khai tử cho tất cả các đảng phái và là một hành vi đóng kín mọi tự do sinh hoạt chính trị đối các công dân yêu nước ở miền Nam Việt Nam vì nội dung sắc luật này đã cưỡng đặt một số điều kiện không tương và phi lý cho tất cả các chính đảng quốc gia (2)

Nhận định rằng, bất cứ một định chế chính trị nào cũng phải phát sinh từ thực tại của đất nước và phản ảnh trung thực hoàn cảnh sinh hoạt của quốc gia, sắc luật 060.TT/SLU đã quy định những điều kiện về tổ chức chính đảng và tỷ lệ đảng viên xa vời, với thực trạng chính trị trong xã hội miền Nam vì những tỷ lệ, ấy là những tỷ lệ gặt gạo mà ngay cả các nước độc tài cộng sản cũng như các nước dân chủ tiền tiến Âu - Mỹ vẫn chưa đạt tới (3)

(1) Nhật ký Thượng nghị viện. Phiên khoáng đại bất thường ngày 30.12.1973.

(2), (3) Tuyên ngôn của Đại Việt Cách Mạng đảng (Tài liệu Ronéo).

Việc ấn định một thời gian cưỡng bách không khó gì, một tối hậu thư đối với tất cả các chính đảng quốc gia buộc phải điều chỉnh đầy đủ các điều kiện mà sắc luật qui định trong vòng (3) ba tháng, nếu không Bộ Nội Vụ sẽ ký nghị định giải tán chính đảng là một ràng buộc nghiêm ngặt nhằm tạo mọi khó khăn không thể vượt qua cho các chính đảng hòng làm suy yếu và tan rã các đoàn thể chống cộng tại miền Nam, cho một ý đồ huỷ diệt đối lập, dành độc quyền chính trị cho đảng chính quyền chiếm trọn các cơ quan hiến định. Như vậy, chế độ dân chủ chỉ là một xác chết và con đường độc tài đảng trị, tất nhiên sẽ thành hình, để không chế nhân dân (1).

Quốc cùng Đại Việt Cách Mạng Đảng kết luận : Sắc luật 060-TT/SLU là một sắc luật vi hiến, phản dân chủ và nhằm :

- Triệt hạ các chính đảng quốc gia đã từng hoạt động hợp pháp xưa nay.
- Thiết lập một chế độ độc tài đảng trị, phá vỡ mọi tiến trình xây dựng dân chủ của toàn dân (2).

Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu khi ban hành sắc luật 060-TT/SLU ngày 27.12.1972 đã làm một việc tiền hậu bất nhất, kinh thường các chính đảng và đánh giá sai lầm về trình độ hiểu biết cùng ý thức chính trị của nhân dân, do đó Đại Việt Cách Mạng đảng cương quyết phản đối sắc luật 060-TT/SLU và long trọng tuyên cáo sẽ cùng với nhân dân và các đoàn thể bạn tiếp tục đấu tranh dù phải gánh chịu gian truân thống khổ (3).

(1), (2), (3) Tuyên ngôn của Đại Việt Cách Mạng đảng
(Tài liệu Ronéo)

Trước đó, Đại Việt cách mạng đảng đã đưa ra một bản nhân định về sắc luật 060/TT/SLU ngày 27-12-1972 như sau : " Sắc luật 060-TT/SLU ngày 27-12-1972 đã vi phạm hiến pháp Việt Nam Cộng Hòa".

1)- Vi phạm các điều 3, 30 và 39 hiến pháp :

Sắc luật 060-TT/SLU được Tổng Thống quyết định và ban hành chiếu luật số 005/72 ngày 28-6-1972 ủy quyền cho Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa, quyết định và ban hành bằng sắc luật các biện pháp cần thiết, trong 4 lãnh vực : an ninh, quốc phòng, kinh tế, tài chính. Thế nhưng tất cả các điều khoản của sắc luật 060/TT/SLU và sửa đổi luật số 009/69 hay nối thêm vào. Không có điều khoản nào có thể gọi là biện pháp cần thiết, thuộc một trong 4 lãnh vực trên, trái lại toàn là những điều khoản ấn định các điều kiện thành lập đảng và giải tán đảng. Như vậy, sắc luật trên chỉ có tính cách ấn định một định chế chính trị, chứ không thể hiện một biện pháp an ninh, quốc phòng, kinh tế, tài chính nào cả. Nói khác đi Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa đã quyết định và ban hành một sắc luật ngoài phạm vi của luật ủy quyền, như vậy đã vi phạm nguyên tắc phân quyền và tự dành quyền lập pháp của Quốc hội, vi phạm các điều 3, 30 và 39 của hiến pháp Việt-Nam Cộng Hòa.

2)- Vi phạm điều 13, đoạn 2 và 3 hiến pháp :

Điều 2, sắc luật 060-TT/SLU ngày 27-12-1972 đoạn 1 và 3 có quy định :

- Các chánh đảng bắt buộc phải cử người ra tranh cử quốc hội.
- Bất kỳ, một công dân nào muốn ứng cử, nhưng không phải là đảng viên dù không được đảng đề cử, cũng không được ứng cử.
- Muốn được ứng cử phải tham gia vào một đảng và vận động để đảng đề cử mình.

Sắc luật nói trên đã vi phạm rõ rệt điều 13, đoạn 2 hiến pháp trong đó " mọi công dân đều có quyền bầu cử, ứng cử và tham gia công vụ trên căn bản bình đẳng theo điều kiện và thể thức luật định"

Khi Hiến pháp Cộng Hòa nhận quyền ứng cử của mọi công dân tức là người công dân có quyền ứng cử hay không ứng cử, do đó mọi luật lệ bó buộc một hạng công dân này phải ứng cử hoặc cấm đoán một hạng công dân khác không được ứng cử là vi phạm hiến pháp.

Điều luật cũng vi phạm điều 13, đoạn 3 hiến pháp theo đó "Quốc gia tôn trọng các quyền chính trị của mọi công dân kể cả quyền tự do thỉnh nguyện, quyền đối lập công khai bất bạo động và hợp pháp". Khi hiến pháp công nhận quyền chính trị của mọi công dân, tức là công nhận công dân có quyền làm chính trị bằng mọi phương cách hợp pháp do mình lựa chọn chứ không bó buộc công dân muốn làm chính trị phải gia nhập một đảng. Như vậy mọi luật lệ bó buộc như trên điều vi hiến.

3)- Vi phạm điều 99 hiến pháp.

Điều 1 sắc luật 060/TT/SLU ngày 27-12-1972 đã sửa đổi các điều 10, 30 luật số 009/69 và ấn định lại các điều kiện rất khắc khe để một đảng được hợp thức hóa và nhất là những điều kiện tùy thuộc vào các cuộc bầu cử về sau nếu không hội đủ - mặc dầu đã được hợp thức hóa, đảng sẽ đương nhiên coi như bị giải tán. Tỷ dụ trong điều 30 (mới) đoạn 2 các phân đoạn b, c, d các chính đảng phải đương nhiên bị giải tán nếu :

- Không đề cử ứng cử viên ra tranh cử Quốc hội
- Nếu có tranh cử mà không đạt được 1/5 tổng số ghế dân biểu hoặc không đạt được 20% tổng số phiếu cử tri đi bầu, trong các cuộc bầu cử Thượng nghị viện, hay Tổng Thống và Phó Tổng Thống.

Trong các nước dân chủ tự do, quyền bầu cử của công dân được tôn trọng tuyệt đối và không ai có thể có quyền biết trước được kết quả của một cuộc bầu cử. Như vậy, những điều kiện trên tùy thuộc vào kết quả các cuộc bầu cử do sắc luật 060/TT/SLU ấn định chỉ có tính cách may rủi ; do đó không thể bảo rằng đó là những điều kiện luật định

để cho một đảng được tiếp tục hoạt động hợp pháp, bởi vì những điều kiện luật định theo đúng nghĩa của nó phải là những điều kiện cụ thể, chắc chắn chứ không phải là điều kiện mơ hồ, may rủi.

Chỉ với những điều kiện nói trên, không một chính đảng nào đã hoạt động hợp pháp từ trước đến nay, dầu có đủ điều kiện để được hợp thức hóa theo điều 10 (mới) sắc luật 060/TT/SLU mà có thể chắc chắn vượt qua để được tồn tại.

Như vậy điều luật đã đi ngược hẳn với tinh thần điều 99 hiến pháp theo đó :

- Quốc gia công nhận chính đảng giữ một vai trò thiết yếu trong chế độ dân chủ.
- Chính đảng được tự do thành lập và hoạt động theo các thể thức cùng những điều kiện luật định (1), cùng một lập trường với Đại Việt cách mạng đảng, nhóm dân biểu quốc gia. Hạ nghị viện (2) đã gay gắt lên tiếng phản đối sắc luật 060/TT/SLU ngày 27-12-1972, như một âm mưu độc diễn để có một đảng phái và một Quốc hội (3).

-
- (1) Bản nhận định về sắc luật 060-TT/SLU ngày 27.12.72 của Đại Việt Cách Mạng đảng, trang 1 và 2 - Tài liệu Ronéo.
 - (2) Nhóm quốc gia Hạ nghị viện gồm 11 dân biểu có tên sau đây : Nguyễn Văn Bình (Trưởng nhóm) Nguyễn Tuấn Anh, Nguyễn Đức Cung, Nguyễn Văn Kim, Nguyễn Trọng Nho, Đỗ Sinh Tứ, Nguyễn Văn Cử, Nguyễn Minh Đăng, Dương Minh Kính, Phạm Kế Toại, Đặng Văn Tiếp.
 - (3) Phần trình bày của nhóm Dân biểu quốc gia trong phiên họp khoáng đại Hạ nghị viện ngày 8.1.73 về dự án 38 quy định thể thức bầu cử bán phần thường viện, trang 1, tài liệu Ronéo.

Thật vậy trong phiên họp khoáng đại Hạ nghị viện ngày 8-1-1973 về dự án luật 38 qui định thể thức bầu cử bán phần thượng viện, dân biểu Đặng Văn Tiếp đại diện nhóm quốc gia hạ nghị viện đã cho rằng sắc luật số 060 và điều 23 trong dự án luật số 38 là một cố tình cô lập và ngăn cấm những công dân độc lập có khả năng tham gia vào sinh hoạt chính trị quốc gia cùng mưu toan dành độc quyền thao túng chính trường của phe nhà nước (1).

Qua sắc luật 60 ngày 27-12-1972 Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu đã giết chết các chính đảng, đã nhận chìm mọi con thuyền đảng phái xuống lòng biển cả và chúng ta không có quyền ném thêm những hòn đá vào con thuyền đó ; điều 23 trong dự luật 38 là tảng đá đồng lõa (2).

Chính sách tiêu diệt đảng phái và cô lập các công dân yêu nước của Tổng Thống Thiệu ngày hôm nay là bất cứ chính sách đốt sách chôn học trò của Vua Tần thời cổ Trung Hoa và chính sách diệt chủng của nhà độc tài Đức Quốc xã ở vào lịch sử cận đại. Hậu quả của sắc luật 060/TT/SLU do đó thật là tai hại, Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu đã ký sắc luật 060 ngoài thẩm quyền mà Quốc hội đã ủy nhiệm cho Ông, vì vậy chúng ta hãy mạnh dạn gạt bỏ những điều khoản ngăn cấm các công dân độc lập tham gia sinh hoạt chính trị ra ngoài dự luật 38 để tỏ ra rằng chúng ta tôn trọng hiến pháp hơn Ông Nguyễn Văn Thiệu (3). Nhóm dân biểu Quốc gia Hạ nghị viện nhân cơ hội này cũng bày tỏ thái độ cương quyết phản đối sắc luật 060/TT/SLU và cùng với Đại Việt cách mạng đảng gửi đơn lên Tối Cao Pháp Viện xin phán quyết về tính cách bất hợp hiến của sắc luật nói trên.

Trong thực tế, sau 3 tháng ban hành sắc luật 060/TT/SLU ngày 27-12-1972 miền Nam Việt Nam chỉ còn lại 3 đảng là :

- Đảng dân chủ
- Liên minh dân chủ xã hội Miền Nam
- và đảng tự do.

(1), (2), (3) Tài liệu đã dẫn trang 3, trang 4 và phần cuối.

Hai đảng sau này chưa được hợp thức hóa chính thức, các đảng khác đã bị giải tán bởi nghị định của Bộ nội vụ ngày 24-5-1973.

Ngoài ra trong lãnh vực báo chí, hai nhật báo Dân Quyền và Thời Đại Miền Nam của Phong Trào Quốc Gia Cấp Tiến và Phong Trào Phục Hưng Miền Nam cũng bị đóng cửa vì thiếu tiền ký quỹ 10 triệu để trở thành một tờ báo của tư nhân sau khi hai đảng trên không còn đủ điều kiện hầu hợp thức hóa thành một chính đảng theo sắc luật mới.

D.- THUỘC PHẠM VI THUẾ VỤ.-

Trong khuôn khổ 26 sắc luật thuộc lãnh vực kinh tế tài chánh được ban hành do luật ủy quyền 005/72, người ta thấy có tới 10 sắc luật mới về thuế khóa, đa số là những sắc thuế mới địa.

- Sắc luật số 014-TT/SLU ngày 21-10-72 quy định thuế điền thổ
- Sắc luật số 015-TT/SLU ngày 6-11-72 thiết lập thuế xe tự động
- Sắc luật số 021-TT/SLU ngày 14-12-72 thiết lập thuế lợi tức
- Sắc luật số 032-TT/SLU ngày 21-12-72 quy định thuế môn bài
- Sắc luật số 033-TT/SLU ngày 21-12-72 thiết lập quan thuế
- Sắc luật số 034-TT/SLU ngày 21-12-72 qui định thuế hí cuộc
- Sắc luật số 035-TT/SLU ngày 21-12-72 thiết lập thuế trị giá gia tăng hàng hóa và dịch vụ.
- Sắc luật số 036-TT/SLU ngày 22-10-72 thiết lập sắc thuế tiêu thụ đặc biệt áp dụng đối với một số sản phẩm.
- Sắc luật số 051-TT/SLU ngày 25-12-72 thiết lập thuế trước bạ
- Sắc luật số 052-TT/SLU ngày 25-12-72 quy định thuế con niêm.

Trong 10 sắc luật về thuế khóa kể trên, có tới 8 sắc thuế nằm trong lĩnh vực thuế nội địa mà 3 sắc thuế quan trọng nhất về phương diện mục tiêu tài chính xếp trên hết :

- 1)- Thuế lợi tức
- 2)- Thuế trị giá gia tăng
- 3)- Thuế tiêu thụ đặc biệt
- 4)- Thuế môn bài
- 5)- Thuế xe tự động
- 6)- Thuế hí cuộc
- 7)- Thuế trước bạ
- 8)- Thuế con niêm.

Tất cả 8 luật thuế này đều được Tổng Thống Việt-Nam Cộng-Hòa ban hành mới đây, công trình này của chánh phủ Việt Nam đã mở đầu cho một hệ thống thuế khóa tân tiến và hữu hiệu.

Thật vậy, Trước khi chúng ta nghiên cứu việc quản trị một hệ thống thuế khóa sao cho hữu hiệu nhất, chúng ta cần phải nắm vững phạm vi của hệ thống đó, nghĩa là chúng ta phải biết có những sắc thuế gì ? thuế xuất ra sao và những ai phải chịu thuế. Đây là một điều hết sức khó khăn nếu nhìn vào hệ thống thuế khóa của Việt Nam trước ngày ban hành các sắc luật thuế mới ; Thực vậy hệ thống thuế khóa hiện tại phức tạp bao gồm trên 20 sắc thuế, chồng chất lên nhau và nhiều khi tương phản nhau, những luật thuế này đã ban hành rải rác từ thời Pháp thuộc tới nay. Từ thuế suất, căn bản chịu thuế, trả thuế cho đến các thủ tục hành thu và tổ tụng đều khác biệt nhau.

Một số các sắc thuế đó lại tỏ ra kém hiệu năng, đem lại một số thu không đáng kể. Thật là có một rừng luật lệ, nghị định, thông tư, chỉ thị rườm rà và hỗn độn với tu chỉnh sửa đổi. Khi một hệ thống thuế phức tạp như vậy thì thật là khó khăn cho cơ quan thuế vụ trong việc

quản trị và cho người dân tuân hành những luật lệ ấy. Các sắc luật thuế mới được ra đời đã giải quyết được tình trạng ấy theo chiều hướng :

- Đơn giản hóa bằng cách hợp nhất các sắc thuế phức tạp và hủy bỏ các sắc thuế không quan trọng (1).
- Tạo điều kiện phát triển kinh tế bằng cách miễn phần lớn các sắc thuế cho nghiệp vụ sản xuất.
- Giản dị hóa các thủ tục hành thu cho nhanh chóng và hữu hiệu
- Những biện pháp chế tài thích nghi kể cả hình pháp tù đày với những người thọ thuế gian lận và nhân viên thuế vụ đồng lõa được áp dụng.

Tuy nhiên có một điều chúng ta cần phải công nhận là hệ thống thuế khóa mới của chúng ta hiện nay còn nặng nề thuế gián thu. Nếu tính các tỷ lệ bách phân đóng góp của thuế trực thu và thuế gián thu trong tổng số thuế nội địa thì thuế trực thu chiếm một phần tư (1/4) và thuế gián thu chiếm ba phần tư (3/4) (2). Theo thống kê tỷ lệ bách phân của thuế trực thu trong tổng số thu thuế nội địa vào những năm 1970 - 1971 và tháng 8 năm 1972 là 21,1% ; 21,8% và 24,4% (3).

(1) Thí dụ thuế tri giá gia tăng (TVA) đánh trên các hàng hóa và dịch vụ, hợp nhất và thay thế các sắc thuế sau đây : Thuế sản xuất, thuế xay lúa, thuế tiêu thụ thịt, thuế tiêu thụ nước đá, thuế xa xỉ bảo vật, quý kim, thuế cao lâu từ quan, thuế cho thuế phim chiếu bóng và thuế đặc biệt.

(2) Danh từ thuế trực thu ở đây chỉ thuế môn bài và các sắc thuế lợi tức, còn thuế gián thu là một sắc thuế mà người chịu thuế không trực tiếp đóng thuế.

(3) Tài liệu của Tổng Nha Thuế vụ. NGUYỄN HẢI BÌNH : Thuế nội địa trong khung cảnh chính sách thuế khóa quốc gia Chính Luận số 2663 ngày 9.1.1973. Trang 2.

Vì hệ thống thuế khóa đặt nặng hay nhẹ vào thuế trực thu hoặc gián thu có một ý nghĩa quan trọng về khía cạnh chính trị và xã hội. Hãy lấy một ví dụ : một công nhân đập xích lô, một bác sĩ, một tỷ phú khi mua một gói thuốc hút phải trả một số thuế công quản và sản xuất nhất định tỷ dụ là 60%. Ta thử hỏi lợi tức của 3 người trên khác nhau là bao nhiêu ? Điều đó cho thấy ngay rằng thuế gián thu là một sắc thuế không công bằng xét theo nguyên tắc khả năng đóng thuế.

Xưa kia khi trình độ hiểu biết về thuế của đa số quần chúng còn thấp kém và khi mà thuế khóa chưa trở thành một gánh nặng thì không ai nói đến tính chất bất công của thuế khóa. Ngày nay với đà tiến triển của trình độ chính trị trong quần chúng đi liền với gánh nặng thuế khóa ngày một đồng nhất ; vật giá leo thang vì thuế, quần chúng đã ý thức được ý nghĩa không công bằng của loại thuế gián thu. Báo chí hàng ngày thì đề cập đến những vấn đề thuế mà như đặt ra câu hỏi " những nhà giàu đã đóng thuế đúng mức chưa ".

Đây là một sự kiện thời sự quan trọng mà chúng ta phải đặc biệt quan tâm, thành thực mà nói rằng chưa đánh thuế đúng mức các nhà giàu. Thực vậy, nếu chúng ta nhìn vào kết quả hành thu của 3 loại thuế lợi tức là :

- Thuế lợi tức pháp nhân
- Thuế lợi tức thể nhân
- Thuế lưu bông.

Chúng ta sẽ thấy thuế lợi tức pháp nhân chiếm một tỷ lệ quan trọng như sau :

- năm 1970 : 49,5% của tổng số thu về thuế lợi tức.
- năm 1971 : 54,5%

Về thuế hưu bổng số thu năm 1970 là 1 tỷ bạc và năm 1971 là 2 tỷ 4. Trong khi đó số thu thuế lợi tức năm 1970 là 1 tỷ 6, năm 1971 là 1 tỷ 7 (1).

Nhìn vào các con số trên đây ai cũng rút ra được một kết luận: Chính phủ chưa đánh thuế đúng mức người có lợi tức tương đối cao trong đa số quần chúng. Thực vậy người có đồng lương cố định; có một mức lợi tức thấp kém như quân nhân, công chức lại đóng góp nhiều hơn là giới có lợi tức cao, tức là giới thượng lưu, kỹ nghệ gia và hành nghề tự do. Đó là một điều phi lý không thể chấp nhận được.

Dường hướng thuế vụ trong tương lai phải nhìn các mục tiêu :

- Cung ứng tài nguyên cho ngân sách quốc gia
- Công bằng thuế khóa.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển kinh tế.

Một hệ thống thuế khóa muốn đạt được sự công bằng thuế phải đặt nặng vào sắc thuế trực thu, phải làm sao để tỷ lệ đóng góp của thuế lợi tức. Đặc biệt là lợi tức thể nhân, tăng lên đến 25% số thu thuế nội địa. Có như vậy chính phủ mới có thể tự hào đã có công bằng thuế khóa.

Ngoài ra trên phương diện quản trị thuế vụ, không một sắc thuế nào đạt được các mục tiêu một cách tốt đẹp trừ phi được thu một cách hữu hiệu. Sự trốn thuế không những làm giảm đi một số thu, mà còn làm xáo trộn cả một guồng máy kinh tế do sự suy bì, cạnh tranh giữa cá nhân này với cá nhân kia, giữa xí nghiệp này với xí nghiệp kia, sự trốn thuế cũng là một sự bất công thuế khóa, vì đa số những người trốn thuế là những thể nhân hay pháp nhân có một lợi tức rất cao, cho nên cơ quan thuế vụ phải đón đóc việc thi hành chính xác, tránh việc trốn thuế và dùng mọi biện pháp cứng rắn luật định nếu người thọ thuế ngoan cố.

(1) Tài liệu của Tổng Nha Thuế Vụ
NGUYỄN HẢI BÌNH - bài đã dẫn.

E.- THUỘC LÃNH VỰC TÀI CHÍNH CHUYÊN MÔN KHÁC.-

Về phương diện này chỉ có 4 sắc luật :

- Sắc luật 003-TT/SLU ngày 8-7-1972 ấn định những thể thức cần thiết để tổ chức, điều hành thị trường hối đoái và thể thức ấn định hối xuất cho các nghiệp vụ hối đoái.
- Sắc luật 053-TT/SLU ngày 25-12-1972 quy định các điều khoản cho pháp mở các trung tâm giải trí tại những khu biệt lập.
- Sắc luật 061-TT/SLU ngày 27-12-1972 tu chỉnh sắc luật số 019-SLU ngày 3-9-1966 quy định thể chế tài chính và kế toán quốc gia.

Trong 4 sắc luật trên có 2 sắc luật 003 và 006 liên quan đến vấn đề hối đoái và quan thuế biểu là gây ảnh hưởng mạnh nhất.

Trước hết đối với sắc luật 003-TT/SLU ngày 8-7-1972 dư luận nổi bật nhất là dư luận về vấn đề du học. Việc hối xuất du học từ 1 lên gần gấp 4 khiến cho nhiều gia đình thất vọng. Một số người nhận định rằng hối xuất mới này sẽ hạn chế số sinh viên du học là bất lợi cho tương lai đất nước. Nhưng một số người khác lại hy vọng rằng sửa đổi chính sách hối đoái với du học sinh là thực hiện một sự công bằng. Thật vậy các sinh viên trong nước đông đúc bao nhiêu lại sẵn sàng để bị động viên, thế mà họ chẳng được hưởng gì gọi là lộc nước. Trái lại sinh viên du học lại được hưởng nhiều tiền nhờ hối xuất thấp. Có tất cả 5875 du học sinh, chính phủ phải chi vào đây 20 triệu mỹ kim. Trong khi đó với 60.000 sinh viên trong nước chính phủ phải chi một món tiền tương đương với 3 triệu mỹ kim. Một sinh viên xuất ngoại vì thế được hưởng gấp 70 sinh viên trong nước về phương diện tài chính. Do đó không kể rằng sinh viên xuất ngoại còn tránh được động viên trên thực tế. Việc sửa đổi lại chính sách hối đoái đối với du học sinh, hành pháp sẽ hy vọng rút bớt nhu cầu được 6 tỷ hay là giảm được 6 tỷ

trong sự thiếu hụt của ngân sách. 6 tỷ là một số tiền rất lớn, nhất là lại bằng ngoại tệ.

Ngoài nhận định về khía cạnh hối xuất du học, còn có những nhận định khác. Điều 3 sắc luật 003-TT/SLU ghi rằng :

" Các thể thức cần thiết để tổ chức, điều hành thị trường hối đoái về thể thức ấn định hối xuất áp dụng cho các nghiệp vụ hối đoái sẽ được ban hành bằng sắc luật " .

Câu này có nghĩa là : " quyền về hối đoái nhất là ấn định hối xuất là quyền của hành pháp " . Nói cho rõ thêm là cơ quan lập pháp không được can dự vào việc ấn định hối xuất nữa (ít ra là trong thời gian ủy quyền và trong khi chờ lập pháp có những quyết định khác). Như thế là chấm dứt được một sự tranh chấp giữa 2 quan niệm trái ngược ở tại Việt Nam cũng như ở nhiều nơi khác. Những Quốc-gia tân-tiến như Anh, Nhật-Bản, việc ấn định hối xuất là do hành-pháp và cũng chỉ có vài người trong hành-pháp dự bàn mà thôi. Rất ít Quốc-gia dành quyền ấn định hối xuất cho Quốc-Hội và phần đông giao trách nhiệm cho Chính phủ (Dan-Mạch, Phần Lan, Tây Đức, Na-Uy, Á-căn-Binh, Ấn-Độ v.v...) vậy thì sự quy định hối xuất do hành-pháp Việt-Nam đảm lãnh từ nay cũng chỉ là bình thường hoá thủ-tục theo thông lệ của nhiều nước. Đặc biệt quyền ấn định hối xuất không do Tổng-Thống hành sử như tại Pháp hay Hồi-Quốc mà do một Hội-đồng hối đoái chịu trách nhiệm⁽¹⁾ Hối xuất hiện nay chẳng qua là giá bán ngoại-tệ hàng ngày không khác nào giá bán hàng hoá, có thể thay đổi hoặc cần thay đổi theo mức cung cầu. Bởi thế nhiều Quốc gia còn giao hẳn cho Ngân-hàng trung ương quyền ấn định hối xuất linh động như Ba-Tây, Bolive, Pérou, Soudan, Liban, Đại-hàn, v.v... Do vậy, sự uỷ quyền cho Hội-đồng hối-đoái quyền ấn định hối xuất ở Việt-Nam chẳng có gì đáng thắc mắc.

(1) Điều 3 sắc lệnh của Thủ Tướng số 207/TC ngày 8.7.72.

Ngoài ra bên cạnh hối suất chính thức là 425\$ (1) vẫn có hối suất đặc biệt (như hối suất 290\$ cho các nghiệp vụ nhập cảng theo chương trình biện trợ Mỹ) Tuy nhiên cả 2 hối suất đó không còn là hối suất cố định như 35\$ hay 80\$ trước đây mà chỉ là căn bản để định giá ngoại tệ mỗi loại nghiệp vụ, lên cao hơn hoặc xuống thấp hơn tùy mức cung cầu ngoại tệ.

Căn bản để định giá trị ngoại tệ cho mỗi loại nghiệp vụ lên cao hơn hoặc thấp xuống hơn tùy mức cung cầu ngoại tệ. Vì thế các nghiệp vụ mua bán ngoại tệ theo các luật lệ vừa ban hành sẽ không theo hối suất mới 425\$ hay 290\$ nhưng sẽ theo căn bản hối suất đặc biệt. Nhiều xí nghiệp buôn bán hiện nay cũng phải bỏ hối suất cố định mà chuyển sang hối suất linh động hầu theo sát thực tế mà tránh những xáo trộn đột ngột. Thật ra lối ấn định hối suất luôn luôn bám theo hối suất thả nổi cũng có dụng ý hấp dẫn những đầu tư ngoại quốc vào Việt Nam, các nhà đầu tư sẽ được lợi tối đa về sự biến hối suất luôn luôn theo thực trạng.

Bên cạnh chuyện hối suất là chuyện quan thuế biểu do sắc luật 006.TT/SLV ngày 28-7-1972 ban hành. Đối với sắc luật này điều quan trọng mà người ta chú ý là khi ban hành 9 biện pháp kinh tài mà thu đặt định chính sách tự do kinh doanh (2). Chính phủ có thông báo cho các nhà sản xuất trong nước biết là hết tháng 6/72, trở sau hơn 7 tháng chuẩn bị; chính phủ sẽ cho nhập cảng thả dãn không hạn chế bất cứ loại hàng nào kể cả xe hơi du lịch. Quốc hội tuy bắt buộc chấp nhận nguyên tắc đó, nhưng muốn nâng hàng nào thuế quan bảo vệ hàng nội hóa từ 25% lên đến 50%. Nhưng nay qua sắc luật 006.TT/SLU quan điểm trên đã bị chính thức bác bỏ để vẫn giữ ở mức bảo vệ hàng nội hóa là 25%.

(1) Thông tư số 13/17/73Đ của NHQG/VN phổ biến thương, khân ngày 9.7.72... " Kể từ 0 giờ ngày 10.7.72 hối suất chính thức đồng bạc VN được ấn định là 425\$ 1 Mỹ kim..."

(2) 9 biện pháp này được Liên Bộ Kinh Tế Tài Chánh ban hành vào ngày 15.11.71 và được chính quyền ca tụng bằng một danh từ hết sức hấp dẫn "Cách mạng kinh tế mua thu"

Mức bảo vệ mà theo các nhà kinh doanh, chỉ có thể áp dụng giữa 2 nền ngoại thương tương đương như Nhật với Hoa Kỳ, còn đối với Việt Nam Cộng Hòa thì với mức bảo vệ trên mà vẫn cho nhập cảng tự do thì giới sản xuất trong nước khó sống.

Chung quanh những chuyện trên là chuyện chính quyền cho phép mở các trung tâm giải trí tại một số những khu vực đặc biệt, điều này không có gì đáng nói ở tình trạng bình thường nhưng trở lên rất khôi hài khi sắc luật được cho phép thi hành giữa lúc chiến tranh gia tăng ác liệt nhất và ở lại trong khuôn khổ của luật ủy quyền 005/72 ủy quyền cho Tổng Thống Việt-Nam Cộng-Hòa quyết định và ban hành các biện pháp cần thiết để cứu nước !

F.- THUỘC PHẠM VI KINH TẾ.-

Trong lãnh vực này có tất cả 12 sắc luật chia ra như sau :

- Sắc luật 022-TT/SLU ngày 16-12-1972 ấn định quy chế vật giá trên toàn cõi Việt-Nam.
- Sắc luật 023-TT/SLU ngày 16-12-1972 quy định hệ thống căn lường và trừng phạt các tội mạo hóa và biến tạo các thứ sản phẩm.
- Sắc luật 024-TT/SLU ngày 19-12-1972 quy định khoản lệ phí trừng phạt các vụ vi phạm liên quan đến bằng sáng chế.
- Sắc luật 025-TT/SLU ngày 19-12-1972 quy định khoản lệ phí trừng phạt các vụ vi phạm liên quan đến nhãn hiệu sáng tạo và thực hiện.
- Sắc luật 040-TT/SLU ngày 23-12-1972 ấn định thể lệ hiện hành nghề, chế tạo nhập cảng, pha trộn, tồn trữ và phân phối các loại hóa học dùng trong canh nông.
- Sắc luật 041-TT/SLU ngày 23-12-1972 sửa đổi dụ 25 ngày 2-4-1956 quy định việc mua bán thuế tàu biển.

- Sắc luật 043-TT/SLU ngày 23-12-1972 ấn định việc thành lập, tổ chức và quản trị các khu chế xuất tại Việt Nam.
- Sắc luật 044-TT/SLU ngày 23-12-1972 ấn định việc thành lập và tổ chức các khu miễn quan cảng tại Việt-Nam.
- Sắc luật 045-TT/SLU ngày 24-12-1972 cho phép chính phủ tham dự vào một số giới hạn các nghiệp vụ kỹ nghệ, thương mại, tài-chánh dưới hình thức các công ty tư luật.
- Sắc luật 046-TT/SLU ngày 24-12-1972 sửa đổi sắc luật số 018-CT/LD/QG/SLU ngày 24-10-1964 ấn định thể lệ ngành ngân hàng và cơ quan tín dụng.
- Sắc luật 054-TT/SLU ngày 25-12-1972 quy định chế độ xâm lấn, thủ tục và hình phạt áp dụng về lâm sự.
- Sắc luật 056-TT/SLU ngày 26-12-1972 ấn định lại lãnh hải Việt Nam Cộng Hòa về phương diện ngư nghiệp.

Trong 12 sắc luật trên, có những sắc luật ấn định quy chế vật giá, sắc luật thành lập khu chế xuất, địa hạt tổ chức khu miễn quan cảng và sắc luật ấn định thể lệ ngành ngân hàng cùng cơ quan tín dụng là những sắc luật đáng chú ý.

Trước hết là quy chế vật giá, dụ số 55 ngày 2-10-1956 ấn định quy chế vật giá được ban hành trong hoàn cảnh khác biệt với tình trạng kinh tế hiện nay, quy chế đó đã không dự liệu những điều khoản thích ứng để cơ quan tham quyền kinh tế có thể đối phó với mọi biến chuyển của tình hình, các điều khoản chế tài cũng không còn thích hợp với tình trạng thực tại do đó kèm phần hữu hiệu.

Sắc luật 022-TT/SLU ngày 16-12-1972 ấn định quy chế vật giá mới được ban hành để thay thế dụ 55 kể trên có những đặc điểm chính sau đây giúp cơ quan tham quyền kinh tế:

- Tùy tình hình kinh tế trong nước, có thể kiểm soát chặt chẽ hay nới rộng tự do thương mại.

- Khi cần có thể áp dụng biện pháp chế tài nghiêm ngặt để đối phó với những xáo trộn kinh tế. Ngược lại có thể khuyến khích công nghệ gia khuếch trương hoạt động theo chính sách kinh tế tự do kinh doanh của chính phủ khi tình hình ổn định.

Quy chế vật giá mới gồm các chế độ sau đây : (1)

- Chế độ tính lời có kiểm soát
- Chế độ hóa giá trước khi bán
- Chế độ định giá.

Nhiệm vụ hóa giá các sản phẩm và các tiện ích nhu cầu cùng cứu xét các vụ vi phạm kinh tế và đề nghị biện pháp thích nghi ở Trung- ương thì do Ủy Ban vật giá Quốc gia trách nhiệm, ở địa phương thì có Ủy Ban vật giá địa phương (điều 4 và điều 5).

Đặc biệt các biện pháp chế tài những vi phạm kinh tế trong các tình trạng thiết quân luật, bạo động, giới nghiêm hay khẩn trương sẽ không do sắc luật 022-TT/SLU kể trên quy định.

Việc ấn định một quy chế vật giá là điều hợp lý và phải lẽ thế nhưng làm thế nào cho quy chế ấy được hữu hiệu và công minh mới là một vấn đề. Trong thực tế chính quyền đã không kiểm soát được giá cả, mức độ bán ra về phẩm và lượng đã không đúng tiêu chuẩn. Nhiều vụ tăng giá bất hợp pháp do những tin đồn thất thiệt khan hiếm các nhu yếu phẩm đã chứng tỏ điều này.

Bên cạnh quy chế vật giá, việc thiết lập các khu miễn quan cảng và khu chế xuất cũng được 2 sắc luật 043-TT/SLU và 049-TT/SLU ngày 23-12-1972 đề cập đến.

(1) Điều 2 : sắc luật 022-tt/SLU ngày 16.12.1972.

Miễn quan cảng được thành lập nhằm mục đích đẩy mạnh kinh tế hướng về xuất cảng, khuyến khích đầu tư kỹ nghệ, biến chế và thương mại. Đây là một khu vực thương mại và kỹ nghệ biệt lập trong đó ngoại trừ các hàng hóa bị cấm chỉ theo luật lệ hiện hành, những hàng hóa nội địa và ngoại quốc bao gồm nguyên liệu cơ phận, bán chế phẩm và sản phẩm hoàn tất được phép du nhập để biến chế, hoàn tất phong kiện hay tồn trữ trong khi chờ xuất cảng mà khỏi chịu thuế quan và phụ thu. Các sản phẩm trong khu vực miễn quan cảng có thể được nhập vào thị trường nội địa nhưng phải tuân theo các luật lệ hiện hành về nhập cảng và phải chịu mọi sắc thuế cùng phụ thu như đối với bất cứ món hàng nhập cảng nào khác.

Các xí nghiệp thương mại và kỹ nghệ thành lập trong khu vực miễn quan cảng được hưởng những đặc khoản về thuế vụ như sau :

- 1)- Miễn trong thời gian 5 năm, kể từ ngày được chấp thuận :
 - Thuế trước bạ và con niêm
 - Các thứ thuế và lệ phí liên quan đến những tạo mãi bất động sản để thực hiện dự án.
- 2)- Miễn lệ phí liên quan đến sự để đương, thế chấp bất động sản và máy móc trang bị trong việc xin tài trợ để thực hiện dự án :
- 3)- Miễn đóng thuế ứng trước sự để đương về thuế lợi tức động sản giá khoán
- 4)- Miễn thuế thổ trạch thị trấn đến hết năm thứ năm (5).
- 5)- Miễn thuế lợi tức doanh nghiệp, lợi tức động sản giá khoán cho các số tiền lời chia cho cổ phần cùng số lời dự trữ để tăng vốn.
- 6)- Miễn thuế khu kỹ nghệ và bằng sáng chế trong 5 năm.

Ngoài những đặc khoản trên, xí nghiệp còn được hưởng những bảo đảm sau đây :

Chính phủ bảo đảm không hoạt động cạnh tranh với xí nghiệp trong khu vực miễn quan cảng, không quốc hữu hóa cộng thêm các đặc lợi:

- Miễn thuế nhập nội, các sắc thuế phụ thu cho nguyên liệu sản phẩm bào chế, máy móc, dụng cụ và các cơ phận thay thế.
- Miễn thuế gián thu cho tất cả các nguyên liệu, sản phẩm bào chế và sản phẩm được chế tạo.
- Miễn thuế xuất cảng cho tất cả hàng hóa tại khu vực miễn quan cảng.

Ngoài việc ấn định các khu miễn quan cảng; nhằm mục đích khuyến khích đầu tư để khuếch trương xuất cảng sản phẩm và sử dụng nhân công; chính phủ có thể chọn lựa các khu vực "riêng biệt" nhằm thiết lập khu chế tạo để xuất cảng, gọi là khu chế xuất; Đó là một miễn quan khu mà các xí nghiệp được thành lập trong khu chế xuất gọi là xí nghiệp chế xuất. Không một sản phẩm nào cả xí nghiệp chế xuất được du nhập vào thị trường nội địa, ngoại trừ những sản phẩm chưa thể sản xuất trên lãnh thổ Việt Nam, nhưng sự nhập cảng phải được Bộ Kinh Tế chấp thuận và phải chịu mọi sắc thuế như đối với bất cứ món hàng nhập cảng nào khác.

Các xí nghiệp chế xuất cũng được hưởng các đặc lợi và bảo đảm như các xí nghiệp thương mại cùng kỹ nghệ trong khu miễn quan cảng.

Việc thành lập các khu chế xuất và miễn quan cảng là một cố gắng đáng kể cả chính phủ Việt Nam Cộng hòa trong việc mở rộng thị trường đầu tư cho tư bản trong và ngoài nước. Nền kinh tế Việt Nam đang yếu kém vì thiếu vốn, thiếu sản xuất cơ bản, thiếu đầu tư dụ đạo hồng tiến tới mức phát triển tự duy sửa soạn cho thời kỳ cất cánh.

Với những điều kiện hết sức dễ dãi, những đặc lợi và bảo đảm rất nhiều hy vọng khu chế xuất và miễn quan cảng sẽ hấp dẫn được các đầu tư nội ngoại, đem lại sinh khí cho hoạt động kỹ nghệ và thương mại Việt-Nam.

Cùng lúc với những sửa soạn cho kinh tế hậu chiến trên, sắc luật số 046-TT/SLU ngày 24-12-1972 sửa đổi quy chế ngân hàng và cơ quan tín dụng cũng được ban hành hầu đáp ứng cho nhu cầu huy động tài nguyên và tư bản, trợ tiếp cho những biện pháp kinh tế tài chính của chính phủ trong lãnh vực quản trị công và tư.

Sự kiểm soát các hoạt động ngân hàng cùng tín dụng là một biện pháp thật cần thiết và thuận lý. Hiện tượng "Tín Nghĩa Ngân Hàng" là một bằng chứng.

G.- CÁC BỘ LUẬT THỐNG NHẤT.-

Đặc biệt trong những sắc luật được ban hành do luật ủy quyền 005/72 ; có 5 sắc luật được dành để ban hành 5 bộ luật thống nhất, đó là những sắc luật :

- Sắc luật 026-TT/SLU ngày 20-12-1972 ban hành bộ hình luật
- Sắc luật 027-TT/SLU ngày 20-12-1972 ban hành bộ hình luật tố tụng.
- Sắc luật 028-TT/SLU ngày 20-12-1972 ban hành bộ dân luật
- Sắc luật 029-TT/SLU ngày 20-12-1972 ban hành bộ luật thương mại
- Sắc luật 030-TT/SLU ngày 20-12-1972 ban hành bộ luật Dân sự và thương sự tố tụng.

Cả 5 bộ luật trên đều được ban hành trong cùng một ngày và được coi như một nỗ lực đáng giá cả của chính phủ trong công tác điển chế và ấn định luật pháp nhằm tạo sự thuần nhất về phương diện pháp lý cùng sự ổn cố về phương diện chính trị.

Thực vậy kể từ sau khi thu hồi chủ quyền quốc gia, đây là lần đầu tiên các bộ luật căn bản được điển chế bằng văn tự và ngôn ngữ thuần túy Việt-Nam, được ban hành và áp dụng thống nhất trên toàn lãnh thổ hầu thay thế ba hệ thống pháp luật riêng biệt Nam, Trung, Bắc mà một phần lớn viết bằng ngoại ngữ được áp dụng cho đến nay.

Tình trạng hỗn độn của luật pháp tạo những khó khăn trong sự giao dịch pháp lý giữa những người ở địa phương khác nhau, gây cho các thẩm phán và các luật gia nói chung những rối ren về phân tranh luật pháp, đồng thời buộc họ phải học luật mới mỗi khi đổi vùng hoạt động.

Về phương diện chính trị, sự chia rẽ pháp luật cũng tạo những điều kiện thuận lợi cho các xu hướng ngăn cách địa phương và dị đồng quan điểm. Vì vậy sau khi thu hồi độc lập, việc xây dựng một hệ thống pháp lý thuần túy quốc gia và thống nhất là một công việc khẩn thiết mà mọi người đều ngưỡng vọng. Sự ngưỡng vọng ấy nay đã thành một sự thật : Tiến bộ và tốt đẹp.

Về phương diện luật pháp, việc ban hành các bộ luật tuy có tính cách ngoài phạm vi luật ủy quyền, nhưng về phương diện thực tế các bộ luật ấy thật cần thiết, sự ra đời sớm của nó là một điều hữu ích, một đáng ca ngợi.

MỤC III.- TỔNG LUẬN ẢNH HƯỞNG.-

Sau những phân tách và lượng giá 60 sắc luật trong từng phạm vi trên, chúng ta đi tới một thẩm định tổng quát về ảnh hưởng của luật luật ủy quyền 005/72.

THỨ 1 : Tất cả những sắc luật được ban hành không biểu thị một tính cách cấp thiết và khẩn bách cùng hiệu quả ngay cho việc vận dụng toàn bộ nhân vật tài lực hồng cứu nước ngoài trừ sắc luật 002 về việc sửa đổi lệnh Tổng Lộng viên.

Thật vậy, các lập trường và dư luận khi tranh biện về khía cạnh thực tế của luật ủy quyền 005/72 tương phản nhau rõ rệt. Nhóm ủng hộ cho rằng cấp thiết của vấn đề, sự thiết bách sinh ra luật (la Nécessité fait la loi) và vì vậy phải ủy quyền vì nhu cầu thực tế. Dân biểu Phạm Duy Tuệ nêu 2 tỷ dụ về nhu cầu cần huy động tài nguyên để cứu trợ nhằm ổn định hậu phương và nhu cầu cần phải có một quyền hạn rộng rãi để đối phó với những thủ đoạn bất chính của bọn gian thương trong thực trạng xuất cảng 4% và nhập cảng 96%. Nghị sĩ Tôn Thất Đỉnh cũng lập luận rằng : Tổng Thống Thiệu không phải chỉ có nhiệm vụ chống xâm lăng mà còn phải tạo nhiều uy tín trong giai đoạn điều đình nếu có. Trái lại phe chống đối cho rằng việc ủy quyền không cần thiết, vì Tổng Thống đã có những quyền hiến định hết sức rộng rãi. Để vận dụng nhân lực : đã có luật tổng động viên 11/65 ngày 31-8-1965; để vận dụng tài vật lực đã có sắc luật ngày 15-8-1964.

Các vấn kiện này đều được ban bố để thi hành sắc luật số 18/64 ngày 8-7-1964 ấn định các biện pháp trong tình trạng khẩn cấp, như vậy Hành pháp đã có đủ quyền hành để thích nghi với hoàn cảnh.

Nay thời sự tranh luận đã ngã ngũ, thực tế đã rõ ràng những sắc luật mà hành pháp ban hành trong thời hạn ủy quyền chẳng có gì là cấp bách lắm mà phải dùng đến sự ủy quyền mới ban hành được.

THỨ 2 : Có nhiều sắc luật đi quá phạm vi do luật ủy quyền hạn định, điển hình là sắc luật 028 ban hành bộ luật Dân luật sắc luật 053 quy định việc thiết lập các trung tâm giải trí v.v... Việc ban hành các bộ luật làm giới luật gia ngạc nhiên không ít, vì một công trình điển chế quan trọng phải được nghiên cứu cẩn thận, có sự tham dự của Quốc hội trong tình trạng bình thường. Trên thực tế, chắc không có quốc gia nào đang lúc có nguy cơ cấp bách lại đi ban hành bộ Dân luật. Việc sửa đổi quy chế chính đảng và đổi lập chính trị cũng vậy, có thật là những biện pháp cần thiết để cứu nước hay chỉ là việc sửa đổi một định chế chính trị ? Tóm lại có nhiều sắc luật đi quá giới hạn của sự ủy quyền ; thế nhưng lại có một nhận định khác cho rằng nhiều dự luật cải cách xã hội hay kinh tế tài chính đã bị ngâm tằm quá lâu ở Hạ viện mà không được cơ quan này thảo luận và biểu quyết ; nhiều dự luật mà khi đưa ra, hành pháp biết chắc sẽ gặp sự chống đối quyết liệt của quốc hội ; vì vậy mà nhân cơ hội ngàn năm một thuở này, hành pháp ban hành luôn một lèo cho tiện việc sổ sách, đầu hành pháp biết rõ ràng những vấn đề ấy không nằm trong phạm vi được ủy quyền.

THỨ 3 : Rất nhiều sắc luật được ban hành không nhằm mục tiêu cứu nước ở hiện tại mà có tính cách chuẩn bị cho những đấu tranh chính trị ở giai đoạn hậu chiến sau khi ngưng bắn nếu có. Những sắc luật về bảo động, giới nghiêm, khẩn trương v.v... được ban hành giữa lúc đã có lệnh thiết quân luật phải chăng có tính cách thừa thãi ? Không, nó có dụng ý của nó, chắc rằng hành pháp lo sợ nếu ngưng bắn xảy ra, tình trạng chiến tranh đã hết, nếu công sản giữ trò không bố, dành dần chiếm đất mà bên quốc gia vì kẹt không thể đối phó vậy phải dự trữ những phòng hồ để đối phó với sự trở mặt của cộng sản nếu có. Sắc luật sửa đổi quy chế chính đảng và quy chế báo chí cũng nằm trong chiều hướng ấy : chuẩn bị cho sự vững mạnh của phe quốc gia và ngăn chặn sự xâm nhập của cộng sản vào hàng ngũ quốc gia.

Những biện pháp phục hưng kinh tế tài chính nhằm thu hút đầu tư kỹ nghệ cùng thương mại ngoại quốc trong giai đoạn tái thiết và phát triển, hầu tạo dựng niềm tin quần chúng nơi chính nghĩa quốc gia chống tà thuyết cộng sản, cũng được chuẩn bị kỹ lưỡng bằng những sắc luật về khu chế xuất, khu miễn quan cảng, ngân hàng và cơ quan tín dụng.v.v.v...

THỨ 4 : Tính cách chính trị của luật ủy quyền 005/72 đầy tính cách chính trị ? điều đó thật hiển nhiên, rõ ràng ngay tự bản chất và tính cách. Những người vận động để ban ra việc ban cấp những đặc quyền cho hành pháp, hẳn đã tính toán và tiên liệu luật ủy quyền như một sự nhất trí của toàn dân, toàn quân, toàn khuynh hướng nhất tề chống lại cộng sản. Việc ban hành một luật ủy quyền như thế chứng tỏ cho dư luận quốc tế thấy rằng nhân dân miền nam cương quyết lên án sự xâm lược trắng trợn của Bắc Việt.

Luật ủy quyền cũng nhằm tác động tinh thần quần chúng, biến nó ở mức độ khẩn trương để mọi người quốc gia quên đi những tự hiểm nhỏ nhất mà chung lưng đấu cật chống xâm lăng. Mục đích thì như vậy, thế nhưng chính phủ đã đạt được những kết quả nào ? Sự chia rẽ những ý kiến và những tranh luận ồn ào trong giai đoạn tiền ủy quyền khiến dân chúng bất mãn, những kháng thư cùng những lời tố cáo công khai khiến cho sự liên lạc giữa hành pháp và lập pháp đồng nghĩa với thủ đoạn, mua chuộc và đe dọa. Hậu quả là sự thống nhất chính kiến mà mọi người hy vọng biểu lộ cùng dư luận quốc tế và quần địch bất thành, không những thế lại có tác dụng ngược lại. Kết quả của cuộc biểu quyết cuối cùng về luật ủy quyền ở Thượng viện trong một phiên họp bất thường, tố cáo một hành pháp thiếu uy tín với Quốc hội, thiếu cả một hậu thuẫn vững mạnh ở nghị trường, và vì vậy phải dùng đến những thủ tục đặc biệt mới được Quốc hội thông qua. Do đó tính cách chính trị của luật ủy quyền không đạt được hay chỉ đạt được mục tiêu rất ít.

Tổng luận trong thực tế, luật ủy quyền đã giúp Hành pháp có trong tay một lợi khí sắc bén hùng dũng đối phó với tình thế và chuẩn bị cho sự vững mạnh của phe quốc gia trong giai đoạn hậu chiến, ban hành được những sắc luật cải cách xã hội và kinh tế tài chánh mà chính phủ mong muốn ; sửa đổi và ấn định những định chế quan trọng. Tóm lại Hành pháp đã tạo cho mình một thế đứng vững chãi và đầy đủ quyền hành ở hiện tại cũng như tương lai. Thế nhưng luật ủy quyền cũng gây chia rẽ trầm trọng trong hàng ngũ những người quốc gia, đưa đến những xáo trộn có tính cách nặng về tâm lý và là một môi trường thuận lợi cho sự tuyên truyền của địch về viễn ảnh một chế độ độc tài tại Nam Việt-Nam.

*
* *

CHƯƠNG TỔNG KẾT

PHƯƠNG - DIÊN CHÍNH - TRI
CỦA VĂN - ĐỂ

Sau khi tình trạng khẩn trương được xác nhận chính thức, có người vội nghĩ rằng, từ nay phương diện quân sự của cuộc đấu tranh sẽ lấn át các phương diện khác. Theo lập luận này, ta cần có ngay nhiều quân, nhiều vũ khí để tạo chiến thắng quân sự, còn các công việc khác như : Tranh thủ nhân tâm, khắc phục nghèo đói, kiện toàn dân chủ, tạo dựng tiến bộ kinh tế và cải cách xã hội, tuy không hẳn bị sao lãng, nhưng cũng không có tính cách cấp bách ; những công việc ấy sẽ được xúc tiến khi nào an ninh văn hồi.

Lập luận kể trên có phần nông cạn và sai lạc, tuy không ai chối cãi được sự quan trọng bậc nhất của nỗ lực quân sự trong giai đoạn hiện thời. Thực vậy, phương diện quân sự chỉ có thể tách rời khỏi phương diện chính trị của vấn đề trong một cuộc xung đột hạn chế diễn ra giữa những đạo quân nhà nghề mà thôi... Đó là trường hợp của những đạo quân đánh Thuê thời Trung cổ, hướng dẫn bởi condottieri để tranh đấu cho quyền lợi riêng biệt của một vài hoàng gia. Thời đại ấy đã qua từ lâu với sự xuất hiện của những quân đội Quốc gia và những trận chiến tranh ý thức hệ.

Ngày nay " chiến tranh chỉ là sự tiếp tục của chính trị dưới những hình thức khác", Quân đội là thành phần tiên phong, là mũi giáo để đâm ngã kẻ địch, những mũi giáo ấy phải được tác động trong một môi trường thuận lợi : sự ủng hộ thành thực của nhân dân.

Ai cũng biết rằng, quân đội cần được nhân dân ủng hộ trong các cuộc hành quân, về các phương tiện vận chuyển tiếp tế, tình báo v.v... Sự giúp đỡ của dân chúng cực kỳ quan trọng, vì thiếu nó, một đạo quân sẽ như không có mắt, không có tai, đặc biệt là chiến tranh đa diện, đa tạp như Việt-Nam. Tuy nhiên, sự ủng hộ nhiệt thành của nhân dân còn quan trọng hơn nữa, trên bình diện tinh thần. Người chiến sĩ sẽ mạnh dạn xông pha khi cảm thấy người dân tán thành và ủng hộ sứ mệnh của mình, vì sự ủng hộ ấy chứng tỏ hùng hồn rằng họ đang đánh giặc cho nhân dân để xây dựng hạnh phúc của chính nhân dân.

Bởi các lẽ ấy, ta phải dành cho bằng được sự ủng hộ của dân chúng. Vì cuộc tranh chấp hiện tại có tính cách trường kỳ và ác liệt, sự ủng hộ ấy không thể hồi hợt hay giả tạo, nhưng cần bền bỉ và thực lòng. Do đó ta không thể dùng sự kích thích hay áp lực nhất thời mà phải có một tác động chính trị sâu rộng.

Luật ủy quyền đã được chấp nhận và ban hành, những sắc luật sau đó sẽ được ban ra, nhưng không phải luật ủy quyền chỉ có thế, đành rằng về phương diện pháp lý những sắc luật này sẽ giúp cho nhà cầm quyền một "an toàn pháp định" để đàng đối phó với những đột biến trong các lãnh vực an ninh, quốc phòng, kinh tế, tài chánh và chiến thắng quân sự. Trong tác động chính trị, luật ủy quyền phải làm sao để được coi như: "lời tuyên xưng thống thiết và hùng hồn ý chí, chống cộng cứu nước của nhân dân miền Nam".

MỘT Ý THỨC RÕ RỆT .

Cộng Sản tấn công miền Nam bằng nhiều phương pháp hiểm độc nhưng với một ý niệm đơn giản: Giải phóng miền Nam tác động chính trị lâu dài của chúng ta phải nhằm mục tiêu, chứng tỏ rằng miền Nam không có tệ đốn, tai họa nào cần chúng giải phóng cả. Nhưng tác

động cấp thời là xác định một vài ý niệm rõ ràng, sáng sủa để làm căn bản cho cuộc tranh đấu hiện thời.

Những lý thuyết mông lung, những khẩu hiệu mơ hồ, những thành ngữ tối nghĩa không thỏa mãn được nhu cầu ấy (1).

Làm sao cho mọi người, quân cũng như dân, trí thức cũng như lao động đều biết rõ một cách chắc chắn : tại sao chúng ta chống cộng, chúng ta chống cộng như thế nào mới có hy vọng thắng lợi và sau khi thắng thì quyền lợi của mọi tầng lớp sẽ ra sao.

Ta không nên nghĩ rằng, đó là những câu hỏi ấu trĩ mà mọi người đã biết rõ câu trả lời từ lâu. Thực ra, mấy câu hỏi đơn giản kể trên đặt ra vấn đề bản chất của chế độ, chính sách của chính phủ, đường lối của quốc gia và quan niệm xã hội ngày mai của nước ta. Các điểm mấu chốt ấy cần phải được đại đa số thông hiểu và ủng hộ, nhiên hậu mọi người mới dốc lòng đấu tranh.

Các ý niệm căn bản cần phải được xác định một cách sáng sủa đã đành, ngoài ra phải làm sao cho người dân tin được nữa. Người dân Việt vốn sẵn óc hoài nghi, các biến cố lịch sử trong hai mươi năm vừa qua lại càng làm cho óc hoài nghi nảy nở. Bởi vậy, cần phải có những hành động cụ thể để chứng minh rằng : giới hữu trách thành thực theo đuổi đến cùng những ý niệm căn bản đã vạch ra. Người xưa muốn chứng minh rằng mình quyết tử chiến với đối thủ đã mang cả một cổ hòm ra trận. Người nay muốn tỏ ra rằng mình quyết chống cộng đến cùng, cũng nên có một vài hành động thích ứng.

CĂN BẢN DÂN TỘC.

Vận động chính trị của chúng ta thực phức tạp và tế nhị, vừa phải trả đòn địch, vừa né tránh áp lực của bạn, thế công khó khăn ấy

(1) Những khẩu hiệu như : "Liên hiệp với Cộng sản là tự sát - Muốn ăn no phải lo diệt Cộng - Nước còn, cộn tất cả; mất nước, mất tất cả". v.v... là những điển hình cho tình trạng ấy.

lưu ý những người có trách nhiệm dân vận phải làm rõ ràng và nổi bật cái căn bản dân tộc chính quyền Quốc gia. Cộng Sản vẫn thường xuyên, xuyên tạc chính quyền miền Nam là "ngụy", là "tay sai của đế quốc Mỹ", nên mới có mặt trận giải phóng miền Nam. Ngay cả những người Quốc gia, trước những biến cố lịch sử trong vài năm gần đây vẫn có cái mặc cảm chính quyền miền Nam là "đồ Mỹ bảo sao nghe vậy".

Căn bản dân tộc chưa sáng tỏ, nền tự chủ chưa vững, vậy phải khơi dậy chính nghĩa và thế tất thắng của miền Nam, như một hậu phương lớn cho một tiền tuyến chính trị lớn.

ĐỪNG CHIA RẼ.

Đứng trước một kẻ thù chung nhiều thủ đoạn, đã quá hiển nhiên rằng, chúng ta cần phải đoàn kết tất cả tầng lớp dân chúng. Đoàn kết, không có nghĩa là nhắm mắt không nhìn thấy các khuyết điểm, lỗi lầm, nhưng đoàn kết ít nhất cũng đòi hỏi rằng. Người ta đừng gây chia rẽ bằng những hành động hấp tấp hoặc những lời tố cáo hồ đồ.

Không ai ngăn cấm dư luận và báo chí tố cáo Ông A hay Bà B đã tham nhũng hối lộ, đầu cơ hay tích trữ một thứ phẩm vật nào đó với mục đích trục lợi trong hoàn cảnh khó khăn hiện thời của đất nước. Sự vạch mặt chỉ tên là cần thiết, nhưng phải dựa trên những sự kiện rõ ràng và tránh lối vu oan cả năm. Trái lại, nếu chỉ thóa mạ vô bằng có và vô trách nhiệm "bọn gian thương" và không đưa ra một trường hợp cụ thể nào là vô tình gây chia rẽ nội bộ, hoang mang dư luận và làm lợi cho đối phương.

Cũng như vậy, những tiếng "bạm", "chủ đất tàn nhẫn", "chủ phố ngoan cố, ác ôn" v.v... và rộng hơn nữa những thành ngữ "thực dân", "đế quốc" v.v... nếu được tung ra mà không có sự minh xác là cá nhân nào đắc tội, hành vi nào đáng trách, thì chỉ gây thêm hoang mang và chán nản, vô tình làm suy yếu mặt trận dân tộc nói riêng và thế giới tự do nói chung.

XỬ DỤNG NHÂN LIỆU MỚI MẸ.

Với những ý niệm căn bản đã được xác định sáng sủa ta có thể hay động được các lực lượng của Quốc gia trong cuộc tranh đấu chung. Nhưng những lực lượng ấy là những lực lượng nào ? phải xử dụng như thế nào ?

Về điểm này, trước hết cần phải rũ bỏ một quan niệm quá cũ. - Tuy cũ kỹ nhưng vẫn còn huyền hoặc một số người - đó là khái niệm " nhân sĩ, thân hào". Danh từ ấy được dùng để chỉ một số những vị phần lớn là giáo sư, bác sĩ, luật sư v.v... những vị này dính dáng xa hay gần, một cách tự ý hay tình cờ tới các biến cố của lịch sử nước nhà trong vòng hai chục năm nay. Nhiều vị trong số đó đã như những ngôi sao ngụy lạnh từ lâu, nhưng đứng từ trái đất trông lên vẫn thấy lấp lánh một ánh sáng quá khứ, nên mỗi khi nói tới một trào lưu chính trị mới, thì lại thấy si-sào nhắc đến tên cụ X. Ông Y v.v...

Thiết tưởng đã đến lúc, chúng ta chấm dứt những trò chơi ấy và đi tìm sinh lực Quốc gia trong tầng lớp thanh niên thành thị cũng như thanh niên thôn quê. Hãy giao trách nhiệm cho người đã chứng tỏ khả năng lãnh đạo trong công việc hàng ngày, dù người ấy là một công chức bậc trung, một đồn trưởng nghĩa quân hay một sĩ quan chính qui. Trong sự xử dụng những khả năng trẻ trung ấy, người ta có thể tìm thấy giải pháp thích đáng cho tình trạng khẩn trương hiện thời. Ta đừng nên tự trói buộc bởi những tiêu chuẩn cố điển như kinh nghiệm, đức độ hay bằng cấp, vì kinh nghiệm ấy chỉ có thể là kinh nghiệm xấu, hoặc khi nhận chân được kinh nghiệm thì đại sự đã hỏng (1) ; đức độ có thể chỉ là đức độ tiêu cực, còn bằng cấp của một nền giáo dục từ chương nhiều khi chẳng đảm bảo được gì.

(1) Kinh nghiệm là một ông thầy ác độc, nó thí nghiệm ta trước khi dạy ta. (?)

Đĩ nhiên một phương pháp dùng người mới mẽ như vậy có thể mở cửa cho mọi sự bất công và lạm dụng. Bởi vậy nó chỉ có thể thành công được nếu đã có sẵn những định chế cơ cấu vững vàng, không dung thứ những người có cơ hội hay những kẻ vô tài. Đó chính là vấn đề cải tổ xác định chế và cơ cấu ; vấn đề ấy là tiên quyết cho mọi tiến bộ trong lãnh vực chính trị.

Con đường đi tới tương lai một xã hội an lạc (Welfare Society) là con đường chông gai và khó nhọc. Giữ vững miền Nam thoát ách xâm lược Cộng Sản là điều hệ trọng, nhưng biến miền Nam thành một xã hội mà mọi người hài lòng và ước vọng là điều khó hơn. Nhưng khó không có nghĩa là không làm được, miễn nhà cầm quyền thành thực đeo đuổi đến cùng những mục tiêu căn bản đã đề ra và với sự giúp sức của toàn dân, chúng ta sẽ thắng. " Đường đi khó, nhưng không khó vì ngàn sông cách núi, mà khó vì lòng người ngại núi, e sông".

SÀI-GÒN, mùa hè 1973

NGUYỄN-CÔNG-BÌNH.

* * *

THƯ TỊCH

A. - SÁCH. -

a) - Sách ngoại quốc :

- CARRE de MALBERG, Contribution à la Théorie générale de l'état, Sirey 1920. I^{ère} Ed.
- DUGUIT, Traité de droit constitutionnel, Tome III, 3^e. Ed.
- HAURIOU, Précis de droit constitutionnel, 2^e. Edit.
- J. BARTHELEM et DUEZ, Droit constitutionnel.
- S. TRENTIN, Les transformations récentes du droit Italien.

b) - Sách Việt Nam :

- NGUYỄN VĂN BÔNG, Luật Hiến Pháp và Chính Trị Học.
- LÊ HỒNG XẾN, Luật Ủy Quyền 005/72 - Luận văn
Tốt nghiệp Đốc Sự khóa 17. 1972.
- PHAN NHẬT NAM, nhật ký của mùa hè đờ lửa -
Khai Trí xuất bản, tháng 10. 1972.
- HOÀNG XUÂN HẢO, Phân tích các dự luật chân chính
kinh tế và tài chính.

B.- TẠP CHÍ.-

a)- Tạp chí ngoại quốc :

- R.D.P, Juin 1961 - Jean Lamarque : La Théorie de la nécessité.
- Revue générale du droit international public, 1917
- Revue international droit comparé, 1952. A Tunc
- Revue de droit public, 1950. Lattelli.

b)- Tạp chí Việt Nam :

- Nguyệt san QUÊ HƯƠNG, tháng 12.1961 Năm thứ 3, bộ 4. Tập 3.
- Tập san Quốc phòng, Tháng 10, 1972
- Tập san Nghiên cứu Hành chính, Tháng 12.1972.

C.- TÀI LIỆU QUỐC HỘI.-

- Biên bản phiên họp HẠ NGHỊ VIỆN ngày 14.5.1972 và ngày 10.6.1972.
- Biên bản phiên họp THƯỢNG NGHỊ VIỆN ngày 27.6.1972
- Nhật ký THƯỢNG NGHỊ VIỆN ngày 26.8.1972
- Nhật ký HẠ NGHỊ VIỆN ngày 4.8.1972.

D.- TÀI LIỆU KHÁC.-

- HAURIU, Note sous C.E, 28.6.1918. Heyries.S.1922. III, 49.
- Hiến pháp đệ I Cộng Hòa VN 1956

- Hiến pháp đệ II Cộng Hòa VN 1967
- Công báo Việt Nam Cộng Hòa 1956, trang 3054
- Tuyên ngôn của Đại Việt Cách Mạng đảng gọi đồng bào; Tài liệu Ronéo.
- Bản nhận định của Đại Việt Cách Mạng đảng về sắc luật 060.TT/SLU ngày 27.12.1972; Tài liệu Ronéo.
- Phần trình bày của nhóm dân biểu quốc gia tại Hạ Nghị Viện ngày 8/1/1973 về dự án luật 38 quy định thể thức bầu cử bán phần Thượng Nghị Viện; Tài liệu Ronéo.
- Thông cáo của Hội đồng báo chí ngày 9.8.1972.

E.- BÀI THAM LUẬN.-

- Thuế nội địa trong khung cảnh chính sách thuế khóa quốc gia - NGUYỄN HẢI BÌNH, diễn văn đọc tại hội Lions Saigon ngày 7.1.1973.
- Bài nói chuyện của Tổng Thống NGUYỄN VĂN THIỆU, trước khóa hội thảo rèn cán chính cơ của đảng Dân chủ tại Trung Tâm Huấn Luyện Cán Bộ Quốc gia Vũng Tàu ngày 1.5.73.
- Diễn văn của Chủ tịch Tối Cao Pháp Viện, Thẩm phán TRẦN VĂN LINH đọc trước phiên tòa đại hình đầu tiên xử theo hình luật mới tại pháp đình Saigon ngày 30.4.73.

F.- NHẬT BÁO.-

- Nhật báo ĐUỐC NHÀ NAM

. Số ra ngày 6/7/1972

. Số ra ngày 22/8/1972

- Nhật báo LÂM DÂN

. Số ra ngày 1.7.1972, số 534 - mục Ý KIẾN

- Nhật báo CHÍNH LUẬN

. Các số 2253, 2460, 2485, 2574, 2573, 2566,
2558, 2556, 2552, 2637, 2653 xuất bản từ
tháng 4.1972 đến tháng 12.1973 tại Saigon.

*
* *